

BẢNG GIÁ THUỐC

(Đính kèm các Quyết định số 764, 967, 2063, 765, 1414, 769, 494, 495, 1566, 768, 496 QĐ-SYT ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Hàm lượng	Đơn vị tính	Nước sản xuất	Giá trúng thầu có (VAT)
1	Aceclofenac	Aceclonac	100mg	Viên	Greece	5.900,00
2	Acetyllecucin	Tanganil 500mg	500mg	Viên	Pháp	4.612,00
3	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)+ acid acetylsalicylic	Duoplavin	75mg + 100mg	Viên	Pháp	20.828,00
4	Aciclovir	Bosviral	800mg	Viên	Portugal	12.350,00
5	Aciclovir	Eurovir 200mg	200mg	Viên	Romania	2.900,00
6	Acid amin + glucose + điện giải (*)	Nutriflex peri	(40g + 80g)/ 1000ml	Túi	Switzerland	404.670,00
7	"Acid amin (+điện giải) + Glucose + Lipid (Alanine + Arginine + Aspartic acid + Glutamic acid + Glycine + Histidine + Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine acetate) + Methionine + Phenylalanine + Proline + Serine + Threonine + Tryptophan + Tyrosine + Valine + Natri acetat trihydrat + Natri glycerophosphate hydrat + Kali clorid + Magnesi clorid hexahydrat + Calci clorid dihydrat + Glucose anhydrous + Dầu oliu tinh khiết và dầu đậu nành tinh khiết)"	Periolimel N4E	" 6.3% + 18.75% + 15% (3,66g + 2,48g + 0,73g + 1,26g + 1,76g + 1,51g + 1,26g + 1,76g + 1,99g + 1,26g + 1,76g + 1,51g + 1,00g + 1,26g + 0,42g + 0,06g + 1,62g + 1,16g + 1,91g + 1,19g + 0,45g + 0,30g + 75g + 30g)/1000ml; 1000ml"	Túi	Bi	696.500,00
8	Acid amin*	Aminoplasma B.Braun 5% E 250ml	5%; 250ml	Chai	Germany	67.725,00
9	Acid amin*	Aminoplasma B.Braun 5% E 500ml	5%; 500ml	Chai	Germany	117.000,00
10	Các acid Amin	Nephrosteril	7%, 250 ml	Chai	Áo	91.800,00
11	Adenosin 3mg/ml	Adenorythm	6mg/2ml	Lọ	Hy Lạp	884.000,00
12	Human Albumin	Albutein 20%	20% x 50ml	Chai	Mỹ	585.000,00
13	Human Albumin	Albunorm 250g/l	12,5g/50ml	Chai	Áo	833.000,00
14	Alfuzosin HCL	Xatral XL 10mg	10mg	Viên	Pháp	15.291,00
15	Allopurinol	Sadapron 100	100mg	Viên	Cyprus	1.750,00
16	Alteplase	Actilyse	50mg	Lọ	Đức	10.323.588,00
17	Aluminium phosphate 20% gel	Phosphalugel	12,38g/gói 20g	Gói	Pháp	3.751,00
18	Ambroxol	Drenoxol	30mg/ 10ml	Ống	Portugal	8.900,00
19	Ambroxol	Halixol	30mg	Viên	Hungary	1.500,00
20	Amikacin	Amikan	500mg/ 2ml	Lọ	Greece	25.200,00
21	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml	150mg/ 3ml	Ống	Pháp	30.048,00

22	Amitriptylin hydroclorid	EUROPLIN	25mg	Viên	Romania	4.180,00
23	Amlodipine	Aldan Tablets 10mg	10mg	Viên	Poland	750,00
24	Telmisartan + Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	Twynsta	40mg + 5mg	Viên	Ấn Độ	12.482,00
25	Amoxicilin	Praverix 500mg	500mg	Viên	Romani	2.390,00
26	Amoxicilin + Acid clavulanic	Medoclav 375mg	250mg + 125mg	Viên	Cyprus	6.200,00
27	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanate) 125mg	Curam 625mg	500mg + 125mg	Viên	Slovenia	4.589,00
28	Ampicilin + sulbactam	Ama Power	1000mg + 500mg	Lọ	Romani	62.000,00
29	Atorvastatin (dưới dạng Atovastatin Canxi)	Tormeg-10	10mg	Viên	Greece	1.020,00
30	Atracurium besilat	Atracurium - Hameln 10mg/ml	25mg/ 2.5ml	Ống	Germany	45.000,00
31	Baclofen	Bamifen	10mg	Viên	Cyprus	2.000,00
32	Betahistine.2HCl	Kernhistine 16mg Tablet	16mg	Viên	Spain	1.930,00
33	Betahistine dihydrochloride	Kernhistine 8mg Tablet	8mg	Viên	Spain	1.650,00
34	Bezafibrat	Zafular	200mg	Viên	Cyprus	4.500,00
35	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	Bisoplus HCT 5/12.5	5mg +12,5mg	Viên	Việt Nam	2.350,00
36	Brimonidin Tartrat	Alphagan P	7,5mg/5ml	Lọ	Mỹ	103.335,00
37	Mỗi 1ml hỗn dịch chứa Brinzolamide	Azopt	10mg/ml	Lọ	Mỹ	116.700,00
38	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	Azarga	10mg/ml + 5mg/ml	Lọ	Bỉ	310.800,00
39	Bromfenac sodium hydrate (Bromfenac natri hydrat)	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	1mg/mL	Lọ	Nhật	128.000,00
40	Bromhexin hydroclorid	Paxirasol	8mg	Viên	Hungary	529,00
41	Budesonide	Budesonide Teva 0,5mg/2ml	0,5mg/2ml	Ống	Anh	12.534,00
42	Budesonid	Pulmicort Respules	0,5mg/ml	Ống	Thụy Điển	24.906,00
43	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	Ống	Thụy Điển	286.440,00
44	Bupivacaine hydrochloride anhydrous (dưới dạng Bupivacaine hydrochloride)	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	100mg/20ml	Lọ	Pháp	46.000,00
45	Calci lactat	Calcium Lactate 300 Tablets	300mg	Viên	Cyprus	2.000,00
46	Candesartan	Candesarkern 16mg Tablet	16mg	Viên	Spain	6.750,00
47	Candesartan	Candesarkern 8mg Tablet	8mg	Viên	Spain	4.500,00
48	Captopril	Mildocap	25mg	Viên	Romania	690,00
49	Carbamazepine	Tegretol CR 200	200mg	Viên	Ý	2.604,00
50	Carbetocin	Duratocin (đồng gói: Ferring International Center S.A., địa chỉ: Chemin de la Vergognausaz, CH-1162 St.Prex, Switzerland)	100mcg/1ml	Lọ	Đức	398.036,00
51	Carbomer	Liposic Eye gel	0,2% (2mg/g)	Tuýp	Đức	56.000,00

52	Carvedilol	Coryol 12,5mg	12,5mg	Viên	Slovenia	3.520,00
53	Carvedilol	Talliton	25mg	Viên	Hungary	3.220,00
54	Carvedilol	Coryol 6,25mg	6,25mg	Viên	Slovenia	2.010,00
55	CefaclorCefaclor	Ceclor	125mg/ 5ml,30ml	Lọ	Ý	50.600,00
56	Cefaclor	Medoclor 125 mg/5ml	125mg/5ml; 60ml	Chai	Cyprus	92.000,00
57	Cephalexin	Opxil IMP 500 mg	500mg	Viên	Việt Nam	3.790,00
58	Cefepime (dưới dạng cefepime dihydrochloride monohydrate)	Cefepime Kabi 1g	1g	Lọ	CSSX: Bò Đào Nha; CSTG: Ý	54.400,00
59	Cefoperazon	Cefoperazone ABR 1g powder for solution for injection	1g	Lọ	Bulgaria	55.000,00
60	Cefoperazon + sulbactam	Basultam	1g + 1g	Lọ	Cyprus	186.000,00
61	Cefotaxime (dưới dạng cefotaxim natri)	Bio-Taksym	1g	Lọ	Ba Lan	17.890,00
62	Cefoxitin	Cefoxitine Gerda 1G	1g	Lọ	Spain	129.000,00
63	Blisoprolol + hydrochlorothiazid	Ceftazidime gerda 1g	1g	Lọ	Spain	25.000,00
64	Ceftazidim	Septax	2g	Lọ	Greece	97.985,00
65	Ceftriaxon	Burometam 2g	2g	Lọ	Pháp	96.500,00
66	Ceftriaxon*	Ceftriaxone EG 1g/10ml	1g	Lọ	Việt Nam	16.000,00
67	Celecoxib	Espacox 200mg	200mg	Viên	Spain	9.534,00
68	Cetirizin	Cetimed	10mg	Viên	Cyprus	4.050,00
69	Cilostazol	Noclaud	50mg	Viên	Hungary	5.775,00
70	Mỗi ml dung dịch chứa: Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride monohydrat) 3mg	Ciloxan	3mg/ml	Lọ	Bi	68.999,00
71	Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin HCl)	Cetraxal	0,2%; 0,25ml	Ống	Tây Ban Nha	8.600,00
72	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin Polpharma	400mg/200ml	Túi	Ba Lan	80.000,00
73	Ciprofloxacin	Proxacin 1%	200mg/20ml	Lọ	Ba Lan	136.500,00
74	Citalopram	Pramital	20mg	Viên	Hy Lạp	9.910,00
75	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri)	Somazina 1000mg	1000mg/4ml	Ống	Tây Ban Nha	81.900,00
76	Clarithromycin	Remeclar 250	250mg	Viên	Cyprus	10.680,00
77	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat)	Clindamycin-Hameln 150mg/ml	300mg/2ml	Ống	Germany	49.000,00
78	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphate)	Plavix	300mg	Viên	Pháp	58.240,00
79	Codein camphosulfonat + Sulfogaiacol + Cao mềm Grindelia	Neo-Codion	25mg + 100mg + 20mg	Viên	Pháp	3.585,00
80	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa	110mg	Viên	Đức	30.388,00
81	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	Forxiga	10mg	Viên	CSSX: Mỹ, đóng gói: Anh	19.000,00
82	Dexamethason phosphat (Dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 4mg/ml tương đương Dexamethason 3,3mg/ml	DEPAXAN	4mg/ml	Ống	Rumani	24.000,00
83	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	10mg/ 2ml	Ống	Germany	7.707,00
84	Diclofenac	Elaria 100mg	100mg	Viên	Cyprus	13.500,00

85	Diclofenac	Elaria	75mg/ 3ml	Ống	Cyprus	8.900,00
86	Diosmin + Hesperidin	Venokern 500mg	450mg + 50mg	Viên	Spain	2.860,00
87	Domperidon	Domreme	10mg	Viên	Cyprus	980,00
88	Dydrogesterone	Duphaston	10mg	Viên	Hà Lan	7.728,00
89	Empagliflozin	Jardiance	10mg	Viên	Đức	23.072,00
90	Empagliflozin	Jardiance	25mg	Viên	Đức	26.533,00
91	Enoxaparin natri	Gemapaxane	4000IU/0,4ml	Bơm tiêm	Ý	70.000,00
92	Enoxaparin natri	Gemapaxane	6000IU/0,6ml	Bơm tiêm	Ý	95.000,00
93	Entecavir	PMS-Entercavir 0.5 mg	0,5mg	Viên	Canada	47.500,00
94	Ephedrin	Ephedrine Aguettant 30mg/ml	30mg/ml	Ống	France	57.750,00
95	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri) 1g	Invanz	1g	Lọ	Pháp	552.421,00
96	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin ethyl succinat)	Ery Children 250mg (Xuất xưởng bởi: Laboratoires Bouchara Recordati, địa chỉ: 70, Avenue du General de Gaulle 92800 Puteaux, France)	250mg	Gói	Pháp	5.166,00
97	Epoetin alfa 2000 IU/ml	Binocrit	2000 IU/ml	Bơm tiêm	CSSX: Đức; CSXX: Áo	220.000,00
98	Epoetin beta	Recormon	2000IU/0,3ml	Bơm tiêm	Đức	229.355,00
99	Epoetin beta	Recormon	4000IU/0,3ml	Bơm tiêm	Đức	436.065,00
100	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	Odentid	40mg	Lọ	Greece	56.500,00
101	Esomeprazol	Emanera 20mg	20mg	Viên	Slovenia	9.975,00
102	Etonogestrel	Implanon NXT (Cơ sở tiết trùng thành phẩm sau công đoạn đóng gói cuối cùng: Synergy Health Ede B.V; địa chỉ: Soevereinsstraat 2, 4879NN, Etten-Leur, The Netherlands)	68mg	Que	Hà Lan	1.720.600,00
103	Famotidine	Famopsin 40 FC Tablets	40mg	Viên	Cyprus	3.000,00
104	Felodipin, Metoprolol succinat	Plendil Plus	Felodipin 5mg; Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg hoặc Metoprolol 39mg)	Viên	Thụy Điển	7.396,00
105	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Fenoterol Hydrobromide	Berodual	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Bình	Đức	132.323,00
106	Fentanyl	Fentanyl 0.5mg- Rotexmedica	0,5mg/10ml; 10ml	Ống	Germany	23.982,00
107	Fluconazole	Fluconazole	200mg/ 100ml	Lọ	Germany	210.000,00
108	Fluconazol	Upetal	150mg	Viên	Romania	26.200,00
109	Fluoxetine	PMS-Fluoxetine	20mg	Viên	Canada	3.400,00
110	Furosemid	Polfurid	40mg	Viên	Ba Lan	3.500,00
111	Gabapentin	Remebentin 100	100mg	Viên	Cyprus	3.100,00
112	Gabapentin	Tebantin 300mg	300mg	Viên	Hungary	4.500,00
113	Acid Gadoteric	Dotarem	0,5mmol/ ml (27,932g/ 100ml)	Lọ	Pháp	520.000,00

114	Gliclazide	Golddicron	30mg	Viên	Italy	2.604,00
115	Glyceryl trinitrate	Nitromint	0,08g (trong 10g khí dung)	Lọ	Hungary	150.000,00
116	Ibuprofen	Goldprofen	400mg	Viên	Portugal	5.200,00
117	Ibuprofen	Ibuprofen Stella 600mg	600mg	Viên	Việt Nam	2.500,00
118	Ibuprofen + Codein phosphat hemihydrat	Antarene codeine 200mg/30mg	200mg + 30mg	Viên	Pháp	9.000,00
119	Imipenem + cilastatin	Raxadin	500mg+500mg	Lọ	Greece	68.000,00
120	Human normal immunoglobulin	Kedrigamma	1g/20ml	Lọ	Italy	1.850.000,00
121	Human normal immunoglobulin	Kedrigamma	5g/ 100ml	Lọ	Italy	7.250.000,00
122	Indapamide	Diuresin SR	1,5mg	Viên	Ba Lan	3.000,00
123	Insulin glargine	Basaglar	300U/3ml	Bút tiêm	Pháp	268.900,00
124	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	NovoMix 30 FlexPen	300U/3ml	Bút tiêm	Pháp	227.850,00
125	Insulin Human	Actrapid	1000IU/10ml	Lọ	Pháp	62.000,00
126	Iohexol	Omnipaque	647mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml) x 100ml	Chai	Ireland	446.710,00
127	Iohexol	Omnipaque	755mg/ml (tương đương Iod 350mg/ml) x 100ml	Chai	Ireland	609.140,00
128	Iohexol	Omnipaque	Iod 300mg/ml x 50ml	Chai	Ireland	245.690,00
129	Irbesartan	Rycardon	300mg	Viên	Cyprus	5.985,00
130	Irbesartan 150mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Tensiber Plus (đóng gói: Lek Pharmaceuticals d.d, địa chỉ: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)	150mg + 12.5mg	Viên	Slovenia	3.517,00
131	Isoflurane	Aerrane	100%; 250ml	Chai	Mỹ	545.000,00
132	Isosorbid dinitrat	Nadecin 10mg	10mg	Viên	Romania	2.520,00
133	Kali clorid	Kalium chloratum biomedica	500mg	Viên	Cộng hòa Séc	1.500,00
134	Ketoprofen	Fastum Gel	2,5g/100g gel, 30g	Tuýp	Ý	47.500,00
135	Ketoprofen	DISOMIC	50mg/ 2ml	Ống	Rumani	19.800,00
136	Ketorolac tromethamine	Acular	0,5%	Lọ	Ireland	67.245,00
137	Lactulose (dưới dạng Lactulose concentrate)	Duphalac	10g/15ml	Gói	Hà Lan	2.728,00
138	Levofloxacin hydrat	Cravit 1.5%	15mg/ml	Lọ	Nhật Bản	115.999,00
139	Levofloxacin	Goldvoxin	250mg/ 50ml; 50ml	Túi	Switzerland	95.000,00
140	Levofloxacin	Levogolds	750mg/ 150ml	Túi	Switzerland	250.000,00
141	Levofloxacin	Nirdicin 250mg	250mg	Viên	Greece	20.000,00
142	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat) 500mg	Volfacine	500mg	Viên	Slovenia	17.890,00
143	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	Lignospan Standard	36mg + 18,13mcg; 1,8ml	Ống	Pháp	11.200,00
144	Lidocain; Prilocain	Emla	Mỗi tuýp 5g kem chứa: Lidocain 125mg; Prilocain 125mg	Tuýp	Thụy Điển	37.120,00
145	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly	2%	Tuýp	Thụy Điển	55.600,00
146	Lidocain	Lidocain	10% 38g	Lọ	Hungary	159.000,00

147	Lidocain hydroclorid	Falipan (Cơ sở xuất xưởng: Deltamedica GmbH; Địa chỉ: Ernst-Wagner-Weg 1-5 72766 Reutlingen Germany)	20mg/ml, 10ml	Ống	Italy	14.750,00
148	Linagliptin	Trajenta	5mg	Viên	Mỹ	16.156,00
149	Linagliptin + Metformin HCl	Trajenta Duo	2,5 mg + 850 mg	Viên	Đức	9.686,00
150	Lisinopril	Lotafran	20mg	Viên	Romani	3.600,00
151	Lisinopril + hydrochlorothiazid	Lisiplus HCT 10/12.5	10mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	3.000,00
152	Iodixanol	Visipaque	652mg/ml (320mg I/ml) x 50ml	Chai	Ireland	606.375,00
153	Loratadin	Lortalesvi	10mg	Viên	Spain	2.700,00
154	Lovastatin EP	Lovarem 20 Tablets	20mg	Viên	Cyprus	3.450,00
155	Meloxicam	Mobic	15mg/1,5ml	Ống	Tây Ban Nha	22.150,00
156	Meloxicam	Meloxicam- Teva 15mg	15mg	Viên	Hungary	2.990,00
157	Meloxicam	Meloxicam-Teva 7.5mg	7,5mg	Viên	Hungary	1.200,00
158	Mesalazin	Mecolzine	500mg	Viên	Tây Ban Nha	9.200,00
159	Metformin	Glucophage XR 750mg	750mg	Viên	Pháp	3.677,00
160	Metoclopramid	Elitan	10mg/ 2ml; 2ml	Ống	Cyprus	14.200,00
161	Metronidazol	Trichopol	500mg/ 100ml	Túi	Poland	30.500,00
162	Metronidazol + Neomycin sulfate + Nystatin	Neo-Tergynan	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Viên	Pháp	11.880,00
163	Miconazol	Micomedil	2% (kl/kl); 15g	Tuýp	Cyprus	60.000,00
164	Midazolam	Midanium	5mg/ml	Ống	Poland	18.180,00
165	Midazolam	Paciflam	5mg/5ml	Ống	Germany	36.500,00
166	Midazolam	Midazolam B.Braun 1mg/ml	50mg/ 50ml	Chai	Spain	59.850,00
167	Milrinone	Milrinone 1mg/ml	10mg/ 10ml; 10ml	Ống	Pháp	1.479.975,00
168	Mirtazapine	Mirzaten 30mg	30mg	Viên	Slovenia	14.300,00
169	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Clisma-lax	(13,91g+ 3,18g)/100ml; 133ml	Chai	Italy	58.500,00
170	Moxifloxacin	Moxifloxan 5mg/ml eye drops solution	0,5%-5ml	Lọ	Bulgaria	82.600,00
171	Naproxen	Nadaxena	250mg	Viên	Poland	6.900,00
172	Natri Carboxymethyl cellulose	Refresh Tears	0,5%	Lọ	Mỹ	64.102,00
173	Natri diquafosol	Diquas	30mg/ml	Lọ	Nhật Bản	129.675,00
174	Natri hyaluronat	Sanlein 0,1	1mg/ml	Lọ	Nhật Bản	56.090,00
175	Natri Bicarbonate	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	0,84g/ 10ml	Ống	Pháp	22.000,00
176	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4.2% w/v Sodium Bicarbonate	4,2%; 250ml	Chai	Germany	94.500,00
177	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol HCl)	Nebilet (Đóng gói và xuất xưởng: Berlin-Chemie AG (Menarini Group); đ/c: Glienicker Weg 125 D-12489 Berlin, Germany)	5mg	Viên	Đức	7.600,00
178	Nicardipin hydroclorid	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	10mg/10ml	Ống	Pháp	124.999,00
179	Nifedipine	Macorel	30mg	Viên	San Marino	3.400,00
180	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Noradrenaline Base Aguettant 1mg/ml	4mg/4ml	Ống	Pháp	36.050,00
181	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	Levonor	1mg/ml; 1ml	Ống	Poland	35.000,00

182	Norethisterone	Primolut N	5mg	Viên	Đức	1.483,00
183	Mỗi 250ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành 25g; Glycerol 6,25g; Phospholipid từ trứng 1,5g	Lipovenoes 10% PLR	10%, 250ml	Chai	Áo	90.500,00
184	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g	SMOFIipid 20%	20%, 100ml	Chai	Áo	98.000,00
185	Octreotide acetate	Octreotide	0,1mg/ml; 1ml	Ống	Italy	88.683,00
186	Ofloxacin	Remecilox 200	200mg	Viên	Cyprus	3.050,00
187	Olanzapine	Olmed 5mg	5mg	Viên	Malta	3.238,00
188	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron hydrochloride dihydrate)	Dloc 4	4mg	Viên	Spain	11.000,00
189	Pantoprazol	Ulceron	40mg	Lọ	Hy Lạp	71.000,00
190	Paracetamol (acetaminophen)	Apotel	1000mg/ 6,7ml	Ống	Greece	44.478,00
191	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol Kabi AD	1g/ 100ml	Chai	Đức	35.500,00
192	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab	500mg	Viên	Việt Nam	480,00
193	Paracetamol + Codeine phosphate	Codalgin Forte	500mg + 30mg	Viên	Australia	3.100,00
194	Paracetamol + Tramadol	Paratramol	325mg + 37,5mg	Viên	Poland	6.000,00
195	Perindopril tert-butylamin + amlodipine	Amlessa 4mg/10mg Tablets	4mg + 10mg	Viên	Slovenia	5.790,00
196	Perindopril tert-butylamin + amlodipine	Amlessa 4mg/5mg Tablets	4mg + 5mg	Viên	Slovenia	5.691,00
197	Periridopril + indapamid	Prenewel 8mg/2,5 mg Tablets	8mg + 2,5mg	Viên	Slovenia	9.450,00
198	Piroxicam	Dicellnase	20mg	Viên	Bồ Đào Nha	4.060,00
199	Pramipexole dihydrochloride monohydrate 0,25mg tương đương với Pramipexole 0,18mg	Sifrol	0,25mg	Viên	Đức	9.737,00
200	Pramipexol dihydrochloride monohydrat	Sifrol	0,75mg	Viên	Đức	30.905,00
201	Pregabalin	Rewisca 150mg	150mg	Viên	Slovenia	20.300,00
202	Promethazine hydrochloride	Pipolphen	50mg/2ml	Ống	Hungary	15.000,00
203	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct	1%, 20ml	Ống	Áo	25.450,00
204	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% MCT/LCT	1%, 50ml	Lọ	Áo	110.000,00
205	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct	1%, 20ml	Ống	Áo	25.450,00
206	Phenazone + Lidocaine hydrochloride	Otipax	4g/100g (4%) + 1g/100g (1%)	Lọ	Pháp	54.000,00
207	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid)	Phenylephrine Aguettant 50 microgrammes/mL	50mcg/ml	Bom tiêm	Pháp	194.500,00
208	Ringer Lactat	Lactated Ringer's Injections	500ml	Chai	Hy Lạp	19.450,00
209	Risperidone	Rileptid	1mg	Viên	Hungary	1.840,00
210	Risperidon	Rileptid	2mg	viên	Hungary	4.000,00
211	Rocuronium Bromide 10mg/ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	10mg/ml	Lọ	Áo	46.300,00

212	Rupatadine	Rupafin	10mg	Viên	Tây Ban Nha	6.500,00
213	Men Saccharomyces boulardii	Normagut	2,5x10 ⁹ tế bào/250mg	Viên	Germany	6.780,00
214	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent	0,5mg + 2,5mg	Lọ	Pháp	16.074,00
215	Salbutamol sulphate	Ventolin Nebules	5mg/ 2,5ml	Ống	Úc	8.513,00
216	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfate)	Buto-Asma	100mcg/liều	Bình	Tây Ban Nha	51.500,00
217	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	25mcg + 125mcg	Bình xịt	Tây Ban Nha	225.996,00
218	Saxagliptin	Onglyza	5mg	Viên	CSSX: Mỹ, đóng gói: Anh	17.310,00
219	Saxagliptin; Metformin Hydrochlorid	Komboglyze XR	5mg; 1000mg	Viên	Mỹ	21.410,00
220	Sắt fumarat + Acid Folic	Folihem	310mg + 0,35mg	Viên	Cyprus	2.000,00
221	Sevoflurane	Sevoflurane	100%/250ml	Chai	Mỹ	1.560.000,00
222	Sevoflurane	Sevoflurane	100%/250ml	Chai	Mỹ	1.560.000,00
223	Simethicon	Espumisan L	40mg/ml	Lọ	Đức	53.300,00
224	Simethicon	Bobotic Oral Drops	66,66mg/ml; 30ml	Chai	Poland	89.000,00
225	Sofosbuvir + Velpatasvir	Epclusa (Đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: Gilead Sciences Ireland UC, địa chỉ: IDA Business and Technology Park Carrigtohill, Co. Cork - Ireland)	400mg + 100mg	Viên	Canada	267.750,00
226	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion	100mg/ml	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	1.814.340,00
227	Phospholipids toàn phần (SF-RI1) phospholipid tách từ phổi bò	Alvofact	50mg	Hộp	Germany	11.749.983,00
228	Suxamethonium clorid	Suxamethonium chlorid vuab 100mg	100mg	Lọ	Cộng hòa Séc	19.500,00
229	Tafluprost	Taflotan	0,015mg/ml	Lọ	Nhật Bản	244.799,00
230	Terbutalin sulfat	Bricanyl	0,5mg	Ống	Pháp	11.990,00
231	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Volulyte 6%	6%, 500ml	Túi	Đức	82.400,00
232	Tiotropium	Spiriva Respimat	0,0025mg/ nhát xịt	Hộp	Đức	985.887,00
233	Tofisopam	Grandaxin	50mg	Viên	Hungary	8.000,00
234	Tolperison	Myderison	150mg	Viên	Hungary	2.058,00
235	Topiramat	Topamax	25mg	Viên	Thụy Sĩ	5.448,00
236	Theophyllin monohydrate	Theostat L.P 300mg	300mg	Viên	Pháp	2.812,00
237	Tranexamic acid	Acido Tranexamico Bioindustria L.I.M	500mg/ 5ml	Ống	Italy	21.500,00

238	Travoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	Duotrav	0,04mg/ml + 5mg/ml	Lọ	Bi	320.000,00
239	Tropicamide + Phenylephrine HCL	Mydrin-P	50mg + 50mg	Lọ	Nhật Bản	67.500,00
240	Natri Valproate	Depakine 200mg	200mg	Viên	Tây Ban Nha	2.479,00
241	Valsartan	Valsacard	160mg	Viên	Poland	8.000,00
242	Valsartan, Hydrochlorothiazide	Co-Diovan 80/12,5	80mg + 12,5mg	Viên	Ý	9.987,00
243	Vancomycin	Voxin	1g	Lọ	Greece	95.004,00
244	Vancomycin	Voxin	500mg	Lọ	Greece	63.441,00
245	Vinpocetin	Cavinton	5mg	Viên	Hungary	2.352,00
246	Yếu tố đông máu VIII từ người	Octanate 1000IU	1000IU	Lọ	Thụy Điển	6.500.000,00
247	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	Advate	500 IU	Bộ	CSSX: Thụy Sĩ; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Bi; Cơ sở sản xuất dung môi: Đức	3.250.000,00
248	Acarbose	SaVi Acarbose 100	100mg	Viên	Việt Nam	3.801,00
249	Acarbose	Savi Acarbose 25	25mg	Viên	Việt Nam	1.800,00
250	Acarbose	SaVi Acarbose 50	50mg	Viên	Việt Nam	2.030,00
251	N-Acetyl DL-Leucin	SaViLeucin	500mg	Viên	Việt Nam	2.200,00
252	Acid amin + glucose + lipid (*)	MG-TNA	11,3% + 19% + 20%; 1026ml	Túi	Korea	539.910,00
253	Acid amin*	Chiamin -S Injection	3%; 250ml	Chai	Taiwan	58.300,00
254	Acid amin*	Chiamin-S Injetion	3%; 500ml	Chai	Taiwan	84.700,00
255	Acid amin*	Aminoplasma Hepa 10%	10%; 500ml (dùng cho người suy gan)	Chai	Germany	188.165,00
256	Acid amin*	Aminoplasma B.Braun 5% E	5%; 500ml	Chai	Germany	117.000,00
257	Các acid Amin	Nephrosteril	7%, 250 ml	Chai	Áo	91.800,00
258	Acid amin*	Hepagold	Acid amin dùng cho suy gan 8%; 250ml	Túi	Korea	91.500,00
259	Adapalen	Dipalen Gel	1mg	Tuýp	Hàn Quốc	99.500,00
260	Aescin	Zynadex 40	40mg	Viên	Việt Nam	12.000,00
261	Albendazol	Azotel 400	400mg	Viên	Việt Nam	3.600,00
262	Human Albumin	Albutein 20%	20% x 50ml	Chai	Mỹ	585.000,00
263	Albumin + immuno globulin	Biseko	(31mg + 10mg)/ml; 50ml	Chai	Đức	970.000,00
264	Alfuzosin	Alsiful S.R Tablets 10mg	10mg	Viên	Đài Loan	7.200,00
265	Ambroxol	Ambroxol HCL Tablets 30mg	30mg	Viên	Đài Loan	1.050,00
266	Theophyllin-ethylendiamin	Diaphyllin Venosum	240mg	Ống	Hungary	11.829,00
267	Amiodaron hydroclorid	ALDARONE	200mg	Viên	Ấn Độ	2.800,00
268	Amitriptylin HCl	Amitriptyline Hydrochloride 10mg	10mg	Viên	Việt Nam	1.435,00
269	Amitriptylin HCl	Amitriptyline Hydrochloride 25mg	25mg	Viên	Việt Nam	2.200,00
270	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	Amlodac 5	5mg Amlodipine	Viên	India	196,00
271	Amlodipin	Stadovas 5 CAP	5 mg	Viên	Việt Nam	730,00

272	Amoxicilin	Amoxicillin Capsules BP 500mg	500mg	Viên	India	998,00
273	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 250mg/31,25mg	250mg + 31,25mg; 1g	Gói	Việt Nam	7.460,00
274	Amoxicilin + acid clavulanic	Zt-Amox	2000mg + 285mg	Lọ	Thổ Nhĩ Kỳ	110.000,00
275	Amoxicilin + acid clavulanic	Claminat 600	500mg + 100mg	Lọ	Việt Nam	29.400,00
276	Amoxicilin + acid clavulanic	Biocemet tab 500mg/62,5mg	500mg + 62,5mg	Viên	Việt Nam	9.000,00
277	Amoxicilin + acid clavulanic	Niflad ES	600mg + 42,9mg	Viên	Việt Nam	11.500,00
278	Amoxicilin + Sulbactam	Bactamox 1,5g	1g + 0,5g	Lọ	Việt Nam	55.000,00
279	Ampicillin + Sulbactam	Auropennz 3.0	2g + 1g	Lọ	India	92.400,00
280	Atenolol	Teginol 50	50mg	viên	Việt Nam	515,00
281	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	Lipvar 20	20mg	viên	Việt Nam	480,00
282	Atorvastatin + Ezetimib	Atovze 10/10	10mg + 10mg	Viên	Việt Nam	5.800,00
283	Atorvastatin + Ezetimibe	Atovze 20/10	20mg + 10mg	Viên	Việt Nam	6.700,00
284	Atracurium Besylate	Notrixum	25mg/2,5ml	Ống	Indonesia	25.523,00
285	Benazepril hydroclorid	Plaxsav 5	5mg	Viên	Việt Nam	5.000,00
286	Betahistin	SaVi Betahistine 8	8mg	Viên	Việt Nam	1.290,00
287	Bezafibrat	SaVi Bezafibrate 200	200mg	Viên	Việt Nam	2.670,00
288	Bilastine	Bilazin 20	20mg	Viên	Việt Nam	9.000,00
289	Bisoprolol	Zentobiso 10.0mg	10mg	Viên	Ireland	2.700,00
290	Bisoprolol fumarat	SaViProlol 2,5	2,5mg	Viên	Việt Nam	325,00
291	Bisoprolol + Hydroclorothiazid	Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	2,5mg + 6,25mg	Viên	Việt Nam	2.000,00
292	Bisoprolol + hydroclorothiazid	Bisoplus HCT 5/12.5	5mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	2.350,00
293	Bisoprolol + hydroclorothiazid	Bisoprolol Plus HCT 5/6.25	5mg + 6,25mg	Viên	Việt Nam	2.400,00
294	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine injection	4mg/ 2ml	Ống	Taiwan	12.400,00
295	Calci carbonat + vitamin D3	Savprocal D	750mg + 200 UI	Viên	Việt Nam	1.390,00
296	Calci gluconat	GROWPONE 10%	10%; 10ml	Ống	Ukraine	13.300,00
297	Candesartan cilexetil	SaVi Candesartan 8	8mg	Viên	Việt Nam	3.850,00
298	Candesartan cilexetil + Hydroclorothiazid	Sartan/HCTZ	16mg + 12.5mg	Viên	Việt Nam	3.750,00
299	Captopril	Captopril Stella 25mg	25mg	Viên	Việt Nam	480,00
300	Mỗi 1,5g bột chứa Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat powder)	Imevix	250mg	Gói	Việt Nam	3.800,00
301	Cefamandol	Cefamandol 0,5g	0,5g	Lọ	Việt Nam	55.000,00
302	Cefazolin	Zolifast 2000	2g	Lọ	Việt Nam	37.800,00
303	Cefdinir	Imenir 125 mg	125mg	Gói	Việt Nam	12.000,00
304	Cefepim	Maxapin 1g	1g	Lọ	Việt Nam	27.150,00
305	Cefepim	Pimefast 2000	2g	Lọ	Việt Nam	65.100,00
306	Cefixim	Imexime 100	100mg	Gói	Việt Nam	6.489,00
307	Cefixim	Imexime 50	50mg	Gói	Việt Nam	5.000,00
308	Cefixim	Imerixx 200	200mg	Viên	Việt Nam	6.900,00
309	Cefoperazon+ sulbactam	Bacsulfo 1g/0,5g	1g+ 0,5g	Lọ	Việt Nam	76.400,00
310	Cefotaxim	Taxibiotic 1000	1g	Lọ	Việt Nam	7.455,00
311	Cefotaxim	Taxibiotic 500	500mg	Lọ	Việt Nam	15.700,00
312	Cefoxitin (dưới dạng cefoxitin natri)	Cefoxitin 1g	1g	Lọ	Việt Nam	66.000,00
313	Cefpirom	Zinhepa Inj.	1g	Lọ	Korea	115.000,00
314	Cefpodoxim	Imedoxim 100	100mg	Gói	Việt Nam	8.900,00

315	Cefpodoxim	Imedoxim 200	200mg	Viên	Việt Nam	9.700,00
316	Ceftazidim	Zidimbiotic 1000	1g	Lọ	Việt Nam	15.099,00
317	Ceftazidim	Ceftazidime EG 2g	2g	Lọ	Việt Nam	25.700,00
318	Ceftizoxim	Kyongbo ceftizoxim Inj. 0.5g	0,5g	Lọ	Korea	39.800,00
319	Ceftizoxim	UnimoneInj	1g	Lọ	Korea	62.000,00
320	Ceftriaxon	Triaxobiotic 500	500mg	Lọ	Việt Nam	24.700,00
321	Ceftriaxon*	Cetrimaz	1g	Lọ	Việt Nam	10.600,00
322	Cefuroxim	Cefurofast 1500	1,5g	Lọ	Việt Nam	21.315,00
323	Cefuroxim	Cefurofast 750	750mg	Lọ	Việt Nam	11.466,00
324	Cefuroxim	Negacef 500	500mg	Viên	Việt Nam	7.600,00
325	Cilnidipine	Atelec Tablets 10	10mg	Viên	Nhật	9.000,00
326	Ciprofloxacin	Citopcin Injection 400mg/200ml	400mg/ 200ml	túi	Korea	72.000,00
327	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid)	Cifga	500mg	viên	Việt Nam	590,00
328	Citalopram	Cinasav 10	10mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
329	Clarithromycin	Clarithromycin Stella 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	4.510,00
330	Clopidogrel	Clopidogrel tablets 75mg	75mg	Viên	India	659,00
331	Cloxacilin	Cloxacillin 1g	1g	Lọ	Việt Nam	45.000,00
332	Cloxacillin	Cloxacillin 2g	2g	Lọ	Việt Nam	85.000,00
333	Cloxacilin	Cloxacillin 0,5g	0,5g	Lọ	Việt Nam	31.500,00
334	Natri colistimethat tương đương 150mg Colistin hoạt tính	Comopas	150mg	lọ	Hàn Quốc	885.000,00
335	Desloratadin	Neoloridin	5mg	Viên	India	690,00
336	Dexamethason	Siuguandexaron injection	4mg/ 2ml	Ống	Taiwan	4.800,00
337	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	5mg/ml; 2ml	Ống	Germany	7.720,00
338	Diclofenac	Diclofenac sodium Injection	75mg/3ml	Ống	Taiwan	3.200,00
339	Diosmin	Diosfort	600mg	Viên	Việt Nam	5.900,00
340	Diosmin + Hesperidin	DilodinDHG	450mg + 50mg	viên	Việt Nam	1.150,00
341	Donepezil	SaVi Donepezil 10	10mg	Viên	Việt Nam	7.930,00
342	Drotaverin hydroclorid	Expas 40	40mg	viên	Việt Nam	570,00
343	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeal Low Calcium (2,5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 1.5% Dextrose	(18,3mg + 1,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Túi	Singapore	179.245,00
344	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2.5% Dextrose	(18,3mg + 2,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Túi	Singapore	179.245,00
345	Ebastin	SaVi Ebastin 10	10mg	Viên	Việt Nam	4.450,00
346	Enalapril	Enalapril Stella 10mg	10mg	Viên	Việt Nam	495,00
347	Enalapril	Enalapril Stella 5mg	5mg	Viên	Việt Nam	350,00
348	Enalapril + hydrochlorothiazid	Ebitac 12.5	10mg + 12,5mg	Viên	Ukraine	3.550,00
349	Enalapril + hydrochlorothiazid	Enapulus HCT 5/12.5	5mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	3.000,00
350	Enoxaparin natri	Gemapaxane	6000IU/0,6ml	Bơm tiêm	Ý	95.000,00
351	Entecavir	Entecavir STELLA 0.5mg	0,5mg	Viên	Việt Nam	15.300,00
352	Eprazinon	Savi Eprazinone 50	50mg	Viên	Việt Nam	1.500,00

353	Epoetin người tái tổ hợp 4000 IU/0,4ml	Epokine Prefilled injection 4000 IU/0,4 ml	4.000 IU/0,4ml	bơm tiêm	Hàn Quốc	225.000,00
354	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol natri)	Sunpranza	40mg	Lọ	India	27.500,00
355	Esomeprazol	Eraeso 20	20mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
356	Etodolac	Savi Etodolac 200	200mg	Viên	Việt Nam	3.400,00
357	Etoricoxib	Savi Etoricoxib 30	30mg	Viên	Việt Nam	4.000,00
358	Ezetimibe	Sezstad 10	10mg	Viên	Việt Nam	2.960,00
359	Famotidin	Famoster Injection 10mg/ml " T.F"	20mg/ 2ml	Ống	Đài Loan	36.897,00
360	Fenofibrate	Fibrofin-145	145mg	Viên	India	5.880,00
361	Fenofibrat	Fenostad 160	160mg	Viên	Việt Nam	1.600,00
362	Fenofibrat	Bredomax 300	300 mg	Viên	Việt Nam	3.300,00
363	Fexofenadin HCL	Telfor 180	180mg	viên	Việt Nam	1.500,00
364	Fluvastatin	Savi Fluvastatin 40	40mg	Viên	Việt Nam	6.741,00
365	Furosemid	Suopinchon Injection	20mg/ 2ml	Ống	Taiwan	4.200,00
366	Gabapentin	Gabarica 400	400mg	Viên	Việt Nam	3.800,00
367	Metformin HCL + Glibenclamide	GliritDHG 500mg/5mg	500mg + 5mg	viên	Việt Nam	1.950,00
368	Gliclazid	Glumeron 30 MR	30mg	viên	Việt Nam	684,00
369	Glipizid	Savi Glipizide 5	5mg	Viên	Việt Nam	2.950,00
370	Glucosamin	Vorifend 500	500mg	Viên	Việt Nam	1.400,00
371	Hydroxychloroquine sulfate	Hcq	200mg	Viên	India	4.480,00
372	Hyoscin butylbromid	Buston Injection	20mg/ 1ml	Ống	Taiwan	6.200,00
373	Insulin Human (rDNA)	Insulatard	1000IU/10ml	Lọ	Pháp	62.000,00
374	Iopromide	Ultravist 370	768.86 mg/ml, 100ml	Chai	Đức	630.000,00
375	Irbesartan	SaVi Irbesartan 75	75mg	Viên	Việt Nam	2.990,00
376	Isoflurane	Aerrane	100%; 250ml	Chai	Mỹ	545.000,00
377	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Vasotrate-30 OD	30mg	Viên	India	2.553,00
378	Isotretinoin	Sotrettran 20Mg	20mg	Viên	India	13.400,00
379	Itoprid	Itopride Invagen	50mg	Viên	Việt Nam	2.890,00
380	Itraconazol	Toduc	100mg	Viên	Hàn Quốc	6.900,00
381	Ivabradin	Ivaswift 7.5	7,5mg	Viên	India	5.900,00
382	Kali chloride	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	1g/10ml	Ống	Pháp	5.500,00
383	Kẽm sulfat	Grazincure	10mg/ 5ml; 100ml	Chai	Ấn Độ	30.000,00
384	Levetiracetam	Levirotin tab 500mg	500mg	Viên	Hàn Quốc	5.800,00
385	Levofloxacin	Eylevox ophthalmic Solution	5mg/1ml	Lọ	Korea	32.540,00
386	Linezolid	Cinezolid injection 2mg/ml	600mg/ 300ml	Túi	Korea	396.000,00
387	Lisinopril	SaVi Lisinopril 10	10mg	Viên	Việt Nam	1.600,00
388	Lisinopril + hydrochlorothiazid	UmenoHCT 20/12,5	20mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	2.520,00
389	Loratadin	Loratadine Savi 10	10mg	Viên	Việt Nam	360,00
390	Losartan	SaVi Losartan 100	100mg	Viên	Việt Nam	3.030,00
391	Losartan	Lostad T25	25mg	Viên	Việt Nam	600,00
392	Losartan kali + Hydrochlorothiazide	Losacar- H	50mg+12,5mg	Viên	India	740,00
393	Macrogol 4000	Forlax	10g	Gói	Pháp	4.275,00
394	Magnesi aspartat anhydrat, Kali aspartat anhydrat	Panangin	400mg+452mg	Ống	Hungary	22.890,00
395	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Trimafort	(3030,3mg + 800,4mg + 266,7mg)/10ml; 10ml	Gói	Korea	4.350,00
396	Mecobalamin	Meconeuro	0,5mg/ml; 1ml	Ống	Indonesia	25.000,00

397	Meloxicam	Reumokam	15mg/ 1,5ml	Ống	Ukraine	19.500,00
398	Mequitazin	Mezinet tables 5mg	5mg	Viên	Taiwan	3.900,00
399	Meropenem	Pimenem 1g	1g	Lọ	Việt Nam	106.000,00
400	Meropenem*	Pimenem	500mg	Lọ	Việt Nam	59.000,00
401	Mesalazin (mesalamin)	SaVi Mesalazine 500	500mg	Viên	Việt Nam	8.000,00
402	Metformin hydrochlorid	Metsav 850	850mg	Viên	Việt Nam	405,00
403	Metformin hydrochlorid	Metformin Stella 1000mg	1000mg	Viên	Việt Nam	1.999,00
404	Metoclopramid	Siutamid Injection	10mg/ 2ml	Ống	Taiwan	4.000,00
405	Methocarbamol	Amemoin tablet	500mg	Viên	Korea	2.950,00
406	Methyl prednisolon	Somidex	125 mg	Lọ	Taiwan	65.000,00
407	Methyl prednisolon	Pdsolone-40mg	40mg	Lọ	India	30.000,00
408	Metronidazol	Metronidazol 250	250mg	viên	Việt Nam	252,00
409	Metronidazol + Neomycin + Nystatin	Fungiact	500mg + 65.000 UI + 100.000 UI	Viên	Ấn Độ	5.850,00
410	Mometason furoat	Catioma Cream	10mg/ 10g	Tuýp	Hàn Quốc	56.000,00
411	Mometason furoat	Momex Nasal Spray	0,5mg/ml; 140 liều	Chai	Korea	182.000,00
412	Natri hyaluronat	Hyasyn Forte	20mg/ 2ml	Bơm tiêm	Hàn Quốc	550.000,00
413	Montelukast	MONTEMAC 10	10mg	Viên	Ấn Độ	1.120,00
414	Natri montelukast	Asthmatin 4	4mg	Viên	Việt Nam	1.348,00
415	Nicorandil	Nikoran-5	5mg	Viên	India	3.500,00
416	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g	SMOFlipid 20%	20%, 100ml	Chai	Áo	98.000,00
417	Octreotid (dưới dạng octreotid acetat) 0,1mg/ml	Octride 100	0,1mg/ml	Ống	India	83.000,00
418	Omeprazole	Ocid	20mg	Viên	India	220,00
419	Oxacilin	Oxacillin 0,5g	0,5g	Lọ	Việt Nam	31.500,00
420	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	Pantocid Iv	40mg	Lọ	India	22.900,00
421	Paracetamol + Methocarbamol	SaViMetoc	325mg + 400mg	Viên	Việt Nam	3.050,00
422	Perindopril erbumin	SaviDopril 8	8mg	Viên	Việt Nam	3.400,00
423	Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri)	PIPERACILLIN 2G	2g	Lọ	Việt Nam	69.500,00
424	Piperacillin (dưới dạng piperacillin natri) + tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Zobacta 3,375g	3g + 0,375g	Lọ	Việt Nam	105.000,00
425	Piroxicam	Toricam capsules 20mg	20mg	Viên	Taiwan	4.600,00
426	Pralidoxim	Pampara	500mg/ 20ml	Ống	Taiwan	81.000,00
427	Pravastatin natri	Pravastatin Savi 10	10mg	Viên	Việt Nam	4.200,00
428	Pregabalin	REGABIN 75	75mg	Viên	Ấn Độ	1.800,00
429	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% MCT/LCT	1%, 50ml	Lọ	Áo	110.000,00
430	Phytomenadion (vitamin K1)	VIK1 INJ	10mg/ml	Ống	Korea	11.000,00
431	VINPocetin	Naprozole - R	20mg	Lọ	Ấn Độ	113.900,00
432	Racecadotril	Hidrasec 10mg Infants	10mg	Gói	Pháp	4.894,00
433	Ramipril	Ramizes 10	10mg	Viên	Ukraine	6.900,00
434	Ramipril	Torpace-5	5mg	viên	Ấn Độ	3.300,00
435	Risedronat natri (dưới dạng Risedronat natri hemipentahydrat)	SaViRisone 35	35mg	Viên	Việt Nam	25.000,00
436	Rocuronium Bromide 10mg/ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	10mg/ml	Lọ	Áo	46.300,00

437	Rupatadine	ZEALARGY	10mg	Viên	INDIA	5.900,00
438	Salbutamol+ Ipratropium	Duolin Respules	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Ống	India	15.000,00
439	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Ventolin Nebules	2,5mg/ 2,5ml	Ống	Úc	4.575,00
440	Salmeterol + Fluticason propionat	Combiwave SF 250	25mcg + 250mcg	Bình	Ấn Độ	90.000,00
441	Salmeterol + Fluticason propionat	Combiwave SF 125	25mcg + 125mcg	Bình	Ấn Độ	84.000,00
442	Solifenacin succinat	Solnatec FC Tablet 5mg	5mg	Viên	Hy Lạp	20.000,00
443	Spironolacton	Entacron 25	25mg	Viên	Việt Nam	1.575,00
444	Spironolacton	Entacron 50	50mg	Viên	Việt Nam	2.310,00
445	Sucralfat	Cratsuca Suspension "Standard"	1g/ 10ml	Gói	Đài Loan	5.000,00
446	Sulpirid	Sulpiride Stella 50mg	50mg	Viên	Việt Nam	540,00
447	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat)	Momencef 375mg	375mg	Viên	Việt Nam	13.500,00
448	Teicoplanin*	Tapocin injection 400mg	400mg	Lọ	Korea	361.700,00
449	Ticarcilin + acid Clavulanic	TICARLINAT 3,2G	3g + 0,2g	Lọ	Việt Nam	165.000,00
450	Tigecyclin	Imatig	50mg	Lọ	India	720.000,00
451	Mỗi ml dung dịch chứa:Timolol (dưới dạng Timolol maleat) 5mg	Timolol Maleate Eye Drops 0.5%	5mg/ml	Lọ	Bỉ	42.200,00
452	Tobramycin	Unitob	100mg/2,5ml	Lọ	Korea	32.970,00
453	Tranexamic acid	Toxaxine 250mg Inj	250mg/ 5ml	Ống	Korea	7.000,00
454	Tranexamic acid	Toxaxine 500mg Inj	500mg/ 5ml	Ống	Korea	13.500,00
455	Travoprost	Travatan	0,04mg/ml	Lọ	Bỉ	252.300,00
456	Trimetazidin dihydroclorid	Vastec	20mg	viên	Việt Nam	385,00
457	Ursodeoxycholic acid	Uruso	100mg	viên	Hàn Quốc	5.900,00
458	Vinpocetin	Vincestad 5	5mg	Viên	Việt Nam	2.300,00
459	Vitamin B1; Vitamin B6; Vitamin B12	Savi 3B	100mg; 100mg; 150mcg	Viên	Việt Nam	1.490,00
460	Aceclofenac	Clanzacr	200mg	Viên	Hàn Quốc	6.990,00
461	Aciclovir	Acyclovir Stella 800mg	800mg	Viên	Việt Nam	4.000,00
462	Amlodipin	Kavasdin 10	10mg	Viên	Việt Nam	340,00
463	Amlodipin	Kavasdin 5	5mg	Viên	Việt Nam	93,00
464	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	Amoxicilin 250mg	250mg	Gói	Việt Nam	2.700,00
465	Amoxicillin	FABAMOX 250	250mg	Viên	Việt Nam	1.050,00
466	Amoxicilin	Moxacin	500mg	Viên	Việt Nam	1.440,00
467	Amoxicilin + Acid clavulanic	Vigentin 875mg/125mg	875mg + 125mg	Viên	Việt Nam	3.500,00
468	Atenolol	Tenocar 100	100mg	Viên	Việt Nam	1.050,00
469	Atenolol	Tenocar 50	50mg	Viên	Việt Nam	510,00
470	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	Insuact 10	10mg	Viên	Việt Nam	400,00
471	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	Dorotor 20mg	20mg	Viên	Việt Nam	500,00
472	Azithromycin	Vizicin 125	125mg	Gói	Việt Nam	2.688,00
473	Azithromycin	PyneAZI 250	250mg	Viên	Việt Nam	1.440,00
474	Bisoprolol fumarat	SaViProlol 2,5	2,5mg	Viên	Việt Nam	325,00
475	Cefaclor	Metiny	375mg	Viên	Việt Nam	12.800,00
476	Cefaclor	Ceplorvpc 500	500mg	Viên	Việt Nam	8.200,00
477	Cefadroxil	Fabadroxil	250mg	Gói	Việt Nam	5.000,00

478	Cefadroxil	Fabadroxil 500	500mg	Viên	Việt Nam	2.530,00
479	Cefalexin	Firstlexin	3000mg/ 60 ml	Lọ	Việt Nam	46.000,00
480	Cefalexin	FIRSTLEXIN 250	250mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
481	Cefalexin	Firstlexin 500	500mg	Viên	Việt Nam	2.820,00
482	Cefdinir	Osvimec 300	300mg	Viên	Việt Nam	10.650,00
483	Cefixim	Bactirid 100mg/5ml dry suspension	100mg/5ml; 40ml	Lọ	Pakistan	59.000,00
484	Cefixim	Cefixime Uphace 50	50mg; 1g	Gói	Việt Nam	3.390,00
485	Cefixim	Cefixime 100mg	100mg	Gói	Việt Nam	963,00
486	Cefixim	Cefixim 100	100mg	Viên	Việt Nam	730,00
487	Cefpodoxim	Cebest	100mg	Gói	Việt Nam	7.900,00
488	Cefpodoxim	Cebest	50mg	Gói	Việt Nam	6.000,00
489	Cefpodoxim	Cepmaxlox 100	100mg	Viên	Việt Nam	8.080,00
490	Cefpodoxim	Ceforipin 200	200mg	Viên	Việt Nam	7.800,00
491	Cefradin	Cefradin 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	3.870,00
492	Cefuroxim	Bifumax 125	125mg; 4g	Gói	Việt Nam	2.730,00
493	Celecoxib	Golcoxib	200mg	Viên	Việt Nam	2.400,00
494	Cetirizin	Cetirizine Stella 10mg	10mg	Viên	Việt Nam	400,00
495	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	500mg	Viên	Việt Nam	850,00
496	Clarithromycin	Clarithromycin 500	500mg	Viên	Việt Nam	2.080,00
497	Clindamycin	Bioceromy 300	300mg	Viên	Việt Nam	9.700,00
498	Diacerein	Diacerein 50-HV	50mg	Viên	Việt Nam	1.960,00
499	Diltiazem	Diltiazem Stella 60mg	60mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
500	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	80mg	Viên	Việt Nam	1.050,00
501	Esomeprazol	Stadnex 40 Cap	40mg	Viên	Việt Nam	7.500,00
502	Etoricoxib	Erxi 90	90mg	viên	Việt Nam	4.000,00
503	Felodipin	Flodicar 5mg MR	5mg	Viên	Việt Nam	1.490,00
504	Fexofenadin	Danapha - Telfadin	60mg	Viên	Việt Nam	1.890,00
505	Flunarizin	Mirenzine 5	5mg	Viên	Việt Nam	1.250,00
506	Glibenclamid + metformin	Glimet 500mg/2.5 Tablets	500mg + 2,5mg	Viên	Việt Nam	1.880,00
507	Metformin HCL + Glibenclamide Glibenclamid + metformin	GliritDHG 500mg/5mg	500mg + 5mg	viên	Việt Nam	1.950,00
508	Gliclazid	Glycinorm-80	80mg	Viên	Ấn Độ	1.890,00
509	Gliclazid	Pyme Diapro MR	30mg	Viên	Việt Nam	260,00
510	Gliclazid + Metformin	Melanov-M	80mg + 500mg	Viên	Ấn Độ	3.800,00
511	Glimepirid	Glimepiride Stella 4mg	4mg	Viên	Việt Nam	950,00
512	Glimepiride + Metformin hydrochloride	Perglim M-2.	2mg + 500mg	Viên	India	3.000,00
513	Ibuprofen	PAINFREE	200mg	Viên	Việt Nam	2.500,00
514	Irbesartan	Irbesartan Stella 300 mg	300mg	Viên	Việt Nam	6.500,00
515	Kali clorid	Kaldyum	600mg	Viên	Hungary	2.040,00
516	Levofloxacin	Kaflovo	500mg	Viên	Việt Nam	1.210,00
517	Loratadin	Lorastad 10 Tab.	10mg	Viên	Việt Nam	800,00
518	Losartan kali + Hydrochlorothiazid	Savi Losartan plus HCT 50/12.5	50mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	1.750,00
519	Meloxicam	Mobimed 15	15mg	Viên	Việt Nam	580,00
520	Meloxicam	Meloxicam	7,5mg	Viên	Việt Nam	200,00
521	Metformin hydrochloride	Panfor Sr-1000	1000mg	Viên	India	2.000,00
522	Metoprolol	Egilok	25mg	Viên	Hungary	2.230,00
523	Metoprolol	Carmotop 50mg	50mg	Viên	Romania	2.300,00
524	Methyl prednisolon	Medsolu 4mg	4mg	Viên	Việt Nam	890,00
525	Nifedipin	Nifedipin Hasan 20 Retard	20mg	Viên	Việt Nam	483,00
526	Olanzapin	Olanxol	10mg	Viên	Việt Nam	2.415,00

527	Paracetamol (acetaminophen)	Parazacol	500mg	Viên	Việt Nam	210,00
528	Paracetamol + Tramadol	Huygesic Fort	325mg + 37,5mg	Viên	Việt Nam	2.080,00
529	Perindopril + amlodipin	Amlessa 4mg/5mg Tablets	4mg + 5mg	Viên	Slovenia	5.691,00
530	Rebamipid	Ayite	100mg	Viên	Việt Nam	3.000,00
531	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat); Metformin hydrochloride	Sita-Met Tablets 50/1000	50mg + 1000mg	Viên	Việt Nam	9.000,00
532	Sofosbuvir + ledipasvir	Hepcinat - LP	400mg + 90mg	Viên	India	175.500,00
533	Tamsulosin hydroclorid	Xalgetz 0.4mg	0,4mg	Viên	Pakistan	3.490,00
534	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Mibetel HCT	40mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	4.200,00
535	r (TDF)	Tenfovir	300mg	Viên	Việt Nam	4.500,00
536	Valsartan	SaVi Valsartan 80	80mg	Viên	Việt Nam	1.850,00
537	Valsartan + Hydrochlorothiazid	SaVi Valsartan Plus HCT 80/12.5	80mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	7.450,00
538	Acenocoumarol	AZENMAROL 4	4mg	Viên	Việt Nam	555,00
539	Acetyl leucin	Zentani	1g/10ml	Lọ	Việt Nam	24.200,00
540	Acetylcystein	Nobstruct	300mg/3ml	Ống	Việt Nam	31.500,00
541	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	ASPIRIN 81	81mg	Viên	Việt Nam	68,00
542	Acetylsalicylic acid 75mg + Clopidogrel 75mg	Arsolvon	75mg + 75mg	Viên	Việt Nam	2.290,00
543	Aciclovir	Paclovir	5%; 5g	Tuýp	Việt Nam	4.100,00
544	Aciclovir	Acyclovir 3%	3%; 5g	Tuýp	Việt Nam	44.000,00
545	Acid amin*	Amiparen – 10	10%; 200ml	Chai/ Túi	Việt Nam	63.000,00
546	Các acid amin	Aminosteril 10%	10%, 250ml	Chai	Việt Nam	72.000,00
547	Acid amin*	Amiparen – 5	5%; 200ml	Chai/ Túi	Việt Nam	53.000,00
548	Acid amin*	Kidmin	7,2%; 200ml (dùng cho người suy thận)	Chai/ Túi	Việt Nam	115.000,00
549	Acid folic	Folacid	5mg	Viên	Việt Nam	180,00
550	Mỗi tuýp 15g gel chứa: Adapalen 15mg	Tazoretin	15mg	Tuýp	Việt Nam	60.000,00
551	Adenosine	BFS-Adenosin	3mg/ 1ml	Lọ	Việt Nam	800.000,00
552	Aescin	Aescin 20 mg	20mg	Viên	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	2.980,00
553	Alfuzosin hydroclorid	Alanboss XL 10	10mg	Viên	Việt Nam	7.350,00
554	Alimemazin	Thenadin	5mg	Viên	Việt Nam	82,00
555	Alpha - terpineol	Apigyno	135g/ 1,35g	Chai	Việt Nam	59.900,00
556	Alpha - terpineol	Woncyd (tên cũ: Ladyfresh)	1g/ 100ml	Chai	Việt Nam	108.990,00
557	Alpha chymotrypsin	α - Chymotrypsin 5000	5000 USP	Lọ	Việt Nam	4.060,00
558	Alpha chymotrypsin	Katrypsin Fort	8.400 UI	Viên	Việt Nam	294,00
559	Aluminum phosphat	Phospha gaspain	20%; 11g	Gói	Việt Nam	2.289,00
560	Aluminum phosphat	A.T Alugela	20%; 12,38g	Gói	Việt Nam	1.029,00
561	Alverin citrat	SPAS-AGI	40mg	Viên	Việt Nam	125,00
562	Alverin citrat + Simethicon	Alversime	60mg + 300mg	Viên	Việt Nam	780,00
563	Ambroxol	Abrocto	15mg/ 5ml; 100ml	Chai	Việt Nam	34.800,00
564	Amiodaron hydroclorid	BFS - Amiron	150mg/ 3ml	Lọ	Việt Nam	24.000,00
565	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin 25mg	25mg	Viên	Việt Nam	120,00
566	Amlodipin	Kavasdin 5	5mg	Viên	Việt Nam	93,00
567	Amoxicillin	Amoxicillin 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	470,00

568	Amoxicilin + Acid clavulanic	Midagentin 250/31,25	250mg + 31,25mg	Gói	Việt Nam	1.150,00
569	Amoxicilin + acid clavulanic	AUCLANITYL 500MG/125MG	500mg/125mg	Gói	Việt Nam	8.600,00
570	Amoxicilin + acid clavulanic	Augtipha 562,5mg	500mg + 62,5mg; 3,8g	Gói	Việt Nam	6.290,00
571	Amoxicilin + acid clavulanic	Zorolab 1000	875mg + 125mg	Gói	Việt Nam	9.000,00
572	Amoxicillin + Acid Clavulanic	Augbactam 1g/200mg	1g + 200mg	Lọ	Việt Nam	32.000,00
573	Amoxicilin + acid clavulanic	Vigentin 875/125 DT.	875mg + 125mg	Viên	Việt Nam	11.235,00
574	Amoxicilin + Acid clavulanic	Midatan 500/125	500mg + 125mg	Viên	Việt Nam	1.600,00
575	Ampicilin + Sulbactam	Bipisyn	1g + 0,5g	Lọ	Việt Nam	29.500,00
576	Atorvastatin	Atorpa 30	30mg	Viên	Việt Nam	2.500,00
577	Atorvastatin + ezetimibe	Atorpa - E 40/10	40mg + 10mg	Viên	Việt Nam	7.500,00
578	Azithromycin	Azilyo	500mg	Lọ	Việt Nam	94.983,00
579	Bacillus subtilis	Domuvar	2x10 ⁹ CFU (2 tỷ); 5ml	Ống	Việt Nam	5.500,00
580	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế/Bán hạ, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Menthol, (Bạch phân), (Bàng sa), (Ngũ vị tử).	Thuốc ho bổ phế chi khái lộ	(0,576g + 1,092g + 2,88g + 2,0g + 0,42g + 0,772g + 1,864g + 1,336g + 2,986g + 1,3g + 0,378g)/ 80ml; 100ml	Chai	Việt Nam	16.500,00
581	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế/Bán hạ, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Menthol, (Bạch phân), (Bàng sa), (Ngũ vị tử).	Thuốc Ho Bổ Phế Chi Khái Lộ	(72mg + 136,5mg + 360mg + 250mg + 52,5mg + 96,5mg + 233mg 167mg + 372,46mg + 162,5mg + 47,26mg + 16,5mg + 10mg); 10ml	Gói	Việt Nam	3.500,00
582	Bạch linh, cát cánh, tỳ bà diệp, tang bạch bì, ma hoàng, mạch môn, bạc hà, bán hạ chế, bách bộ, mơ muối, cam thảo, bạch phân, tinh dầu bạc hà	Bổ phế chi khái lộ	72mg, 250.4g, 260mg, 250.4mg, 54.4mg, 250.4mg, 14.4mg, 166.4mg, 572mg, 264mg, 50.4mg, 16mg, 10.4mg	Ống	Việt Nam	4.400,00
583	Bambuterol hydroclorid	Lungastic 20	20mg	Viên	Việt Nam	1.890,00
584	Beclometason (dipropional)	Meclonate	0,05mg/0,05ml (0,1%)	Lọ	Việt Nam	56.000,00
585	Betahistin	Agihistine 24	24mg	Viên	Việt Nam	2.898,00
586	Betamethason dipropionat	Hemprenol	12,8mg/ 20g (dạng muối dipropionat)	Tuýp	Việt Nam	27.000,00
587	Bezafibrat	Downlipitz 400	400mg	Viên	Việt Nam	7.980,00
588	Bisacodyl	BisacodylDHG	5mg	viên	Việt Nam	250,00
589	Bismuth	Bisnol	120mg	Viên	Việt Nam	3.950,00
590	Bismuth	Amebismo	262mg	Viên	Việt Nam	3.800,00
591	Bosentan	AGBOSEN 62,5	62,5mg	Viên	Việt Nam	39.500,00
592	Bromhexin hydroclorid	Brometic 2mg/10ml	2mg/10ml	Ống	Việt Nam	3.990,00
593	Bromhexin hydroclorid	Ag-Bromhexine 4	4mg	Viên	Việt Nam	350,00
594	Budesonid	Zensonid	0,5mg/ 2ml	Lọ	Việt Nam	12.600,00
595	Budesonid	Benita	64mcg/ 0,05ml	Lọ	Việt Nam	90.000,00
596	Bupivacain HCL	Bucarvin	20mg/4ml	Ống	Việt Nam	18.900,00

597	Calci carbonat	Calcichew	1250mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
598	Calci carbonat	Kitno	625mg	Viên	Việt Nam	1.400,00
599	Calci carbonat + vitamin D3	Hỗn dịch Greenkids	Calci carbonat (tương đương 250mg calci) 625mg; Vitamin D3 125 IU	Chai	Việt Nam	38.000,00
600	Calci glubionat	Calci Glubionat Kabi	687,5mg/ 5ml	Ống	Việt Nam	5.500,00
601	Calci glucoheptonat + vitamin D3	Letbaby	(550mg + 200 UI)/ 5ml	Ống	Việt Nam	3.679,00
602	Calci lactat	Fucalmax	500mg	Ống	Việt Nam	3.400,00
603	Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu Quế, (Methyl salicylat), (Menthol/Eucalyptol/Cineol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng/Tinh dầu Đinh hương).	Dầu nóng mặt trời	Camphor 6,3g; Tinh dầu bạc hà 7,44g; Tinh dầu quế 0,33g; Methyl salicylat 18,63g; Gừng 1,89g.	Chai	Việt Nam	33.600,00
604	Candesartan + hydrochlorothiazid	Cancetil Plus	16mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	1.680,00
605	Candesartan + Hydrochlorothiazid	Casathizid MM 32/12,5	32mg + 12,5mg	viên	Việt Nam	6.400,00
606	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	Dopolys -S	14mg+ 300mg+ 300mg	Viên	Việt Nam	2.940,00
607	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	Dopolys	7mg + 150mg + 150mg	Viên	Việt Nam	2.400,00
608	Captopril	Captopril	25mg	Viên	Việt Nam	96,00
609	Captopril + hydrochlorothiazid	Captazib 25/25	25mg + 25mg	Viên	Việt Nam	1.450,00
610	Captopril + Hydrochlorothiazid	Indapa	50mg + 25mg	viên	Việt Nam	1.500,00
611	Carbazochrom natri sulfonat	Bacom-BFS	5mg/1ml	Ống	Việt Nam	31.500,00
612	Carbetocin	Hemotocin	100mcg/1ml	Lọ	Việt Nam	346.500,00
613	Carbocistein	Mahimox	Mỗi 2 gam bột chứa: Carbocistein 250mg	Gói	Việt Nam	2.950,00
614	Carbocistein	Solmux TL	200mg	Chai	Việt Nam	22.500,00
615	Carbocistein	Sulmuk	500mg	Viên	Việt Nam	2.100,00
616	Carboprost (dưới dạng Carboprost tromethamin)	Hemastop	250mcg (dưới dạng Carboprost tromethamin 332mcg)/1ml	Lọ	Việt Nam	290.000,00
617	Cefaclor	Cefaclor 125mg	125mg	Gói	Việt Nam	1.186,00
618	Cefaclor	Cefaclor 250mg	250mg	Viên	Việt Nam	1.710,00
619	Cefadroxil	Drocefvc 250	250mg	Gói	Việt Nam	789,00
620	Cefadroxil	Cefadroxil 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	764,00
621	Cefalexin	Firstlexin 1000 DT	1000mg	Viên	Việt Nam	3.675,00
622	Cefamandol	Amcefal 2g	2000mg	Lọ	Việt Nam	84.450,00
623	Cefdinir	Dentimex 125mg/5ml	125mg/ 5ml; 30ml	Chai	Việt Nam	81.500,00
624	Cefdinir	Tinaziweld	150mg	Viên	Việt Nam	6.750,00
625	Cefoperazon	Trikapezon 2g	2000 mg	Lọ	Việt Nam	60.000,00
626	Cefotiam (dưới dạng hỗn hợp bột vô khuẩn Cefotiam hydrochloride và Natri Carbonat)	Bouleram 2g	2g	Lọ	Việt Nam	95.000,00
627	Cefoxitin	Fisulty 2g	2g	Lọ	Việt Nam	90.993,00
628	Cefpodoxim	VIDLOX 100	100mg	Gói	Việt Nam	1.208,00
629	Cefradin	Midafra 2 g	2g	Lọ	Việt Nam	33.999,00
630	Ceftazidim	POXIMVID	1g	Lọ	Việt Nam	9.450,00
631	Cefuroxim	Febgas 250	250mg	Gói	Việt Nam	8.000,00
632	Celecoxib	Doresyl 400mg	400mg	Viên	Việt Nam	1.960,00

633	Celecoxib	Devitoc 100mg	100mg	Viên	Việt Nam	3.600,00
634	Celecoxib	Devitoc 200mg	200mg	Viên	Việt Nam	4.500,00
635	Cilnidipin	Kaldaloc	10mg	Viên	Việt Nam	5.985,00
636	Cinnarizin	Cinnarizin	25mg	Viên	Việt Nam	49,00
637	Ciprofibrat	Shuta	100mg	Viên	Việt Nam	7.500,00
638	Ciprofloxacin	BFS-Ciprofloxacin	200mg/ 10ml	Ống	Việt Nam	55.000,00
639	Ciprofloxacin	Quinrox 400/40	400mg/ 40ml	Lọ	Việt Nam	125.000,00
640	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri)	Flosanvico	1500 mg/15 ml	Chai	Việt Nam	110.000,00
641	Clindamycin	Clyodas	600mg	Lọ	Việt Nam	33.999,00
642	Clobetasol propionat	β-SOL	5mg/10g	Tuýp	Việt Nam	10.700,00
643	Clopidogrel	Clopidogrel 75	75mg	Viên	Việt Nam	315,00
644	Clopidogrel	Ediwel	75mg	Viên	Việt Nam	1.950,00
645	Clotrimazol	Camisept	100mg/ 200ml; 125ml	Chai	Việt Nam	65.000,00
646	Clotrimazol	Wzitamy TM	200mg	Viên	Việt Nam	5.800,00
647	Cloxacilin	Cloxacilin 1g	1g	Lọ	Việt Nam	41.000,00
648	Codein + terpin hydrat	Terpincold	15mg + 100mg	Viên	Việt Nam	590,00
649	Terpin hydrat + Codein	Terpincodein-F	200mg + 5mg	Viên	Việt Nam	375,00
650	Colchicin	Colchicin	1mg	Viên	Việt Nam	268,00
651	Colchicin	Goutcolcin	0,6mg	Viên	Việt Nam	980,00
652	Colistin*	Colistimed	3 MIU	Lọ	Việt Nam	719.000,00
653	Colistin*	Colirex 1 MIU	1.000.000 UI	Lọ	Việt Nam	371.700,00
654	Acid boric	CỒN BORIC 3%	300mg/10ml	Chai	Việt Nam	6.300,00
655	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	Hornol	5mg + 3mg	Viên	Việt Nam	3.990,00
656	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	CLORPHENIRAMIN 4mg	4mg	Viên	Việt Nam	53,00
657	Chlopheniramin maleate + Phenylephrine hydrochloride	Meko-Allery F	4mg + 5mg	Viên	Việt Nam	195,00
658	Dequalinium clorid	Lyginal	10mg	Viên	Việt Nam	12.000,00
659	Desmopressin	Glubet	0,2mg	Viên	Việt Nam	34.965,00
660	Desonid	Gel Desonide 0,05%	0,5mg/g; 15g	Tuýp	Việt Nam	35.000,00
661	Dexamethason	DEXAMETHASON 0,5mg	0,5mg	Viên	Việt Nam	63,00
662	Dexchlorpheniramin	Anticlор	2mg/ 5ml; 30ml	Chai	Việt Nam	17.680,00
663	Dexchlorpheniramin	Anticlор	2mg/ 5ml; 5ml	Ống	Việt Nam	3.990,00
664	Dexchlorpheniramin maleat	Vaco - Pola 2	2mg	Viên	Việt Nam	52,00
665	Dexibuprofen	Amrfen 200	200mg	Viên	Việt Nam	3.200,00
666	Dexibuprofen	Anyfen	300mg	viên	Việt Nam	3.200,00
667	Dexibuprofen	Dexibufen soft cap	400mg	Viên	Việt Nam	5.985,00
668	Diacerein	Diacerein 50mg	50mg	Viên	Việt Nam	616,00
669	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml	10mg/ 2ml	Ống	Việt Nam	4.473,00
670	Dibenzozid	Dobenzic	3mg	Viên	Việt Nam	3.500,00
671	Diclofenac natri	Rhomatic Gel α	1g/100g; 18,5g	Tuýp	Việt Nam	20.000,00
672	Diclofenac	Diclofenac	100mg	Viên	Việt Nam	12.000,00
673	Diclofenac natri	Diclofenac 75	75mg	Viên	Việt Nam	139,00
674	Diclofenac	Diclofenac	50mg	Viên	Việt Nam	105,00
675	Digoxin	Digoxin-BFS	0,25mg/ml; 1ml	Lọ	Việt Nam	16.000,00
676	Digoxin	DIGOXINEQUALY	0.25mg	Viên	Việt Nam	630,00
677	Dihydro ergotamin mesylat	Migomik	3mg	Viên	Việt Nam	1.932,00
678	Diosmectit	Diosmectit 3g	3g	Gói	Việt Nam	725,00
679	Diosmin	Biviven	600mg	Viên	Việt Nam	5.000,00
680	Dobutamin (dưới dạng Dobutamin HCl)	Dobutamin - BFS	250mg/5ml	Ống	Việt Nam	55.000,00

681	Dobutamin	Sun-Dobut 250mg/250ml	250mg/ 250ml	Chai/ Túi	Việt Nam	100.000,00
682	Dobutamin (dưới dạng Dobutamin HCl)	Sun-Dobut 250mg/50ml	250mg/ 50ml	Chai	Việt Nam	85.000,00
683	Domperidon	A.T Domperidon	1mg/ml; 5ml	Gói	Việt Nam	882,00
684	Drotaverin clohydrat	Pymenospain	40mg/ 2ml	Ống	Việt Nam	2.300,00
685	Drotaverin clohydrat	Novewel 80	80mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
686	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)	Kydheamo - 3A	(161g + 5,5g + 3,7g + 8,8g + 9,7g)/ 1000ml	Can	Việt Nam	154.770,00
687	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)	Kydheamo - 2B	(30,5g + 66g)/ 1000ml	Can	Việt Nam	166.950,00
688	Dutasterid	Prelone	0,5mg	Viên	Việt Nam	7.800,00
689	Đồng sulfat	Gynocare	0,1g/50g	Tuýp	Việt Nam	30.000,00
690	Ebastin	Atirin 10	10mg	Viên	Việt Nam	750,00
691	Enalapril	Enalapril	5mg	Viên	Việt Nam	75,00
692	Enalapril maleat	Zondoril 10	10mg	Viên	Việt Nam	1.360,00
693	Enalapril + hydrochlorothiazid	Meyernazid	10mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	1.743,00
694	Eperison hydrochlorid	Meyerison	50mg	Viên	Việt Nam	254,00
695	Adrenalin	Adrenalin 1mg/10ml	1mg/10ml	Ống	Việt Nam	5.040,00
696	Adrenalin (Dưới dạng Adrenalin bitartrat)	Adrenalin 1mg/1ml	1mg/ 1ml	Ống	Việt Nam	1.320,00
697	Adrenalin (dưới dạng Adrenalin tartrat)	Adrenaline-BFS 5mg	5mg/5ml	Lọ	Việt Nam	25.000,00
698	Erythromycin	ERYTHROMYCIN 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	1.155,00
699	Recombinant Human Erythropoietin alfa	Nanokine 2000 IU	2000IU/1ml	Lọ	Việt Nam	109.000,00
700	Recombinant Human Erythropoietin alfa	Nanokine 4000 IU	4000IU/0,5ml	Bơm tiêm	Việt Nam	280.000,00
701	Esomeprazol	A.T Esomeprazol 20 inj	20mg	Lọ	Việt Nam	19.005,00
702	Esomeprazol	Esogas	40mg	Lọ	Việt Nam	8.904,00
703	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	20mg	Viên	Việt Nam	270,00
704	Estriol	Kofio	0,5mg	Viên	Việt Nam	6.800,00
705	Etodolac	Bizuca	300mg	Viên	Việt Nam	3.990,00
706	Etoricoxib	Eraxicox 90	90mg	Viên	Việt Nam	3.898,00
707	Etamsylat	Vincynon 500	500mg/2ml	Ống	Việt Nam	29.800,00
708	Famotidin	Antifacid 20mg	20mg	Gói	Việt Nam	3.800,00
709	Fenofibrat	Mibefen NT 145	145mg	Viên	Việt Nam	3.108,00
710	Fexofenadin	Fefasdin 60	60mg	Viên	Việt Nam	234,00
711	Flavoxat	Meyerflavo	200mg	Viên	Việt Nam	2.856,00
712	Flunarizin	Mezapizin 10	10mg	Viên	Việt Nam	378,00
713	Flunarizin	Dofluzol 5mg	5 mg	Viên	Việt Nam	240,00
714	Fluorometholon	Navaldo	5mg/5ml	Lọ	Việt Nam	22.000,00
715	Flurbiprofen natri	Apibufen 100	100mg	Viên	Việt Nam	3.000,00
716	Fluticason propionat	Meseca	50mcg/0,05ml (0,1%)	Lọ	Việt Nam	96.000,00
717	Fluvastatin	Autifan 20	20mg	Viên	Việt Nam	4.494,00
718	Fluvastatin natri	Autifan 40	40mg	viên	Việt Nam	6.450,00
719	Furosemid	Vinzix	20mg/2ml	Ống	Việt Nam	712,00
720	Furosemid	Vinzix 40	40mg/4ml	Ống	Việt Nam	9.200,00
721	Furosemid	Agifuros 20	20mg	Viên	Việt Nam	250,00
722	Furosemid	AGIFUROS	40mg	Viên	Việt Nam	103,00
723	Spirolacton; Furosemid	Franilax	50mg; 20mg	Viên	Việt Nam	1.019,00
724	Furosemid + spironolacton	Spinolac fort	40mg + 50mg	Viên	Việt Nam	2.373,00

725	Fusidic acid + hydrocortison	Vedanal fort	(100mg/5g + 50mg/5g)/ 10g	Tuýp	Việt Nam	60.000,00
726	Gabapentin	Neubatel-Forte	600mg	Viên	Việt Nam	4.500,00
727	Gabapentin	Gabaneutril 100	100mg	Viên	Việt Nam	2.700,00
728	Gabapentin	Nuradre 400	400mg	Viên	Việt Nam	2.484,00
729	Gemfibrozil	Bivige	600mg	Viên	Việt Nam	2.730,00
730	Gentamicin	GENTAMICIN 80mg/2ml	80mg/ 2ml	Ống	Việt Nam	1.155,00
731	Glimepirid	GLIMEGIM 2	2mg	Viên	Việt Nam	197,00
732	Glimepirid	Apiryl 3	3mg	Viên	Việt Nam	890,00
733	Glimepirid	GLIMEGIM 4	4mg	Viên	Việt Nam	270,00
734	Glimepirid + Metformin hydroclorid	Comiaryl 2mg/500mg	2mg + 500mg	Viên	Việt Nam	2.499,00
735	Glipizid	Bivilizid	5mg	Viên	Việt nam	2.500,00
736	Glucosamin	Glucosamin	500mg	Viên	Việt Nam	228,00
737	Glucosamin	Mongor 750	750mg	Viên	Việt Nam	4.494,00
738	Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat)	Glucose 10%	10%; 500ml	Túi	Việt Nam	8.778,00
739	Glucose	Glucose 10%	10g/100ml	Chai	Việt Nam	9.450,00
740	Glucose	Glucose 20%	20%; 250ml	Chai	Việt Nam	10.290,00
741	Glucose	Glucose 30%	30%; 250ml	Chai	Việt Nam	11.130,00
742	Glucose	Glucose 5%	5%; 100ml	Chai	Việt Nam	7.560,00
743	Glucose	Glucose 5%	5%; 500ml	Chai	Việt Nam	7.303,00
744	Glycerol	Stiprol	2,25g/3g. Tuýp 9g	Tuýp	Việt Nam	6.930,00
745	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	A.T Nitroglycerin inj	5mg/ 5ml	Ống	Việt Nam	49.980,00
746	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Nitralmyl 0,3	0,3mg	Viên	Việt Nam	1.600,00
747	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Nitralmyl 0,6	0,6mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
748	Guaiazulen + dimethicon	Gebhart	0,004g + 3g	Gói	Việt Nam	4.200,00
749	Guaiazulen + Dimethicon	Dimagel	4mg + 300mg	Viên	Việt Nam	4.000,00
750	Haloperidol	Haloperidol 2mg	2mg	Viên	Việt Nam	95,00
751	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	Hoastex	Húng chanh 45g; Núc nác 11,25g; Cineol 83,7mg.	Chai	Việt Nam	36.750,00
752	Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất tinh chế	Huyết thanh kháng nọc rắn Hổ đất tinh chế (SAV)	1000 LD50	Lọ	Việt Nam	423.150,00
753	Hydrochlorothiazid	Thiazifar	25mg	Viên	Việt Nam	149,00
754	Hydrocortison (dưới dạng hydrocortison natri succinat)	Vinphason	100mg	Lọ	Việt Nam	6.000,00
755	Hydroxocobalamin (dưới dạng Hydroxocobalamin acetat)	Hycoba-BFS 10mg	10mg/1ml	Lọ	Việt Nam	28.000,00
756	Hydroxypropyl methylcellulose	Laci-eye	3mg/1ml	Ống	Việt Nam	5.500,00
757	Hydroxypropylmethylcellulose	Syseye	30mg/10ml (45mg/15ml) (0,3%)	Lọ	Việt Nam	30.000,00
758	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế (SAV)	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre tinh chế (SAV)	1000LD	Lọ	Việt Nam	423.150,00
759	Hyoscin butylbromid	Atithios inj	20mg/ 1ml	Ống	Việt Nam	4.515,00
760	Hyoscin butylbromid	BFS-Hyoscin 40mg/2ml	40mg/2ml	Lọ	Việt Nam	14.700,00
761	Hyoscin butylbromid	Brocizin 20	20mg	Viên	Việt Nam	3.654,00
762	Ibuprofen	Profen	100mg/ 10ml; 10ml	Ống	Việt Nam	4.500,00
763	Ibuprofen	AGIROFEN 400	400mg	Viên	Việt Nam	645,00
764	Ibuprofen	Bufecol 400 Effe Tabs	400mg	Viên	Việt Nam	4.800,00
765	Imidapril hydroclorid	Wright-F	10mg	Viên	Việt Nam	1.450,00

766	Imidapril	IMIDAGI 5	5mg	Viên	Việt Nam	690,00
767	Imipenem + Cilastatin	Cepemid 1,5g	0,75g + 0,75g	Lọ	Việt Nam	198.000,00
768	Imipenem + Cilastatin	Cepemid 1g	500mg + 500mg	Lọ	Việt Nam	51.035,00
769	Irbesartan	Ibartain MR	150mg	Viên	Việt Nam	6.500,00
770	Irbesartan	Am-Isartan	150mg	viên	Việt Nam	3.500,00
771	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Isosorbid	10mg	Viên	Việt Nam	134,00
772	Itoprid	ITOPAGI	50mg	Viên	Việt Nam	890,00
773	Itraconazol	IFATRAX	100mg	Viên	Việt Nam	3.950,00
774	Ivabradin	Nisten-F	7,5mg	Viên	Việt Nam	4.369,00
775	Ivermectin	Envix 3	3mg	Viên	Việt Nam	9.240,00
776	Ivermectin	Envix 6	6mg	Viên	Việt Nam	29.370,00
777	Kali clorid	Kali clorid 500mg/ 5ml	500mg/ 5ml	Ống	Việt Nam	1.186,00
778	Kẽm gluconat	Saprozin	70mg/ 3g	Gói	Việt Nam	3.280,00
779	Kẽm gluconat	Nadyzin	10mg/ 5ml	Gói	Việt Nam	1.565,00
780	Kẽm gluconat	Zinbebe	70mg/5ml; 50ml	Lọ	Việt Nam	25.000,00
781	Kẽm gluconat	Silverzinc 50	50mg	Viên	Việt Nam	2.500,00
782	Ketoconazol	Bikozol	0,1g/ 5g	Tuýp	Việt Nam	3.360,00
783	Ketoconazol	Ketoderm	2%; 10g	Tuýp	Việt Nam	5.000,00
784	Ketorolac Tromethamine	Vinrolac 30mg	30mg/2ml	Ống	Việt Nam	8.400,00
785	Ketotifen	Ketofen-Drop	0,5mg/ml; 3ml	Ống	Việt Nam	26.000,00
786	Ketotifen	Ketosan-Cap	1mg	Viên	Việt Nam	1.100,00
787	Lá vông/vông nem, (Lạc tiên), (Lá sen), (Tâm sen), (Rotundin), (Trinh nữ)	Mimosa viên an thần	Lá sen 180mg; Lá vông nem 600mg; Lạc tiên 600mg; Bình vôi 150mg; Trinh nữ 638mg.	Viên	Việt Nam	1.260,00
788	Lacidipin	Huntelaar-2	2mg	Viên	Việt Nam	1.990,00
789	Lactobacillus acidophilus	LACBIOSYN®	10*8 CFU	Gói	Việt Nam	735,00
790	Lactobacillus acidophilus	LACBIOSYN®	10^8 CFU	Viên	Việt Nam	1.449,00
791	Lamotrigine	Mibedos 25	25mg	Viên	Việt Nam	2.499,00
792	Lansoprazol	Lancid 15	15mg	Viên	Việt Nam	1.300,00
793	Lansoprazol	Lansoprazol	30mg	Viên	Việt Nam	296,00
794	Levetiracetam	Levetral	500mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
795	Levetiracetam	Levaked	500mg	Viên	Việt Nam	8.500,00
796	Levocetirizin	Aticizal	2.5mg/5ml	Chai	Việt Nam	68.000,00
797	Levocetirizin	Acritel-10	10mg	Viên	Việt Nam	2.900,00
798	Levocetirizin	Clanzen	5mg	Viên	Việt Nam	152,00
799	Levodopa + Carbidopa	Masopen 250/25	250mg + 25mg	Viên	Việt Nam	3.486,00
800	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Dropstar	5mg/ml. Ống 10ml	Ống	Việt Nam	60.000,00
801	Levofloxacin	Bivelox I.V 5mg/ml	250mg/ 50ml	Chai	Việt Nam	22.491,00
802	"Levofloxacin (Dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)"	Levofloxacin 500mg/20ml	500mg/20ml	Ống	Việt Nam	16.350,00
803	Levomepromazin	Levomepromazin 25mg	25mg	Viên	Việt Nam	520,00
804	Levosulpirid	Evaldez-25	25mg	Viên	Việt Nam	1.800,00
805	Levosulpirid	Levosulpirid 50	50mg	Viên	Việt Nam	2.370,00
806	Lidocain hydroclorid	Lidocain 1%	100mg/ 10ml	Ống	Việt Nam	2.850,00
807	Lidocain hydroclodrid	Lidocain Kabi 2%	2%; 2ml	Ống	Việt Nam	362,00
808	Lidocain hydroclorid (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Lidocain- BFS 200mg	200mg/10ml	Lọ	Việt Nam	15.000,00
809	Linezolid	Linezolid 400	400mg/200ml	Túi	Việt Nam	184.500,00
810	Linezolid*	Bichivi	600mg	Viên	Việt Nam	9.000,00
811	Lisinopril + hydrochlorothiazid	Maxxcordio-L 20 Plus	20mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	1.788,00
812	Loratadin	Allerpa	5mg/ 5ml	Chai	Việt Nam	18.000,00

813	Losartan	Agilosart 12,5	12,5mg	Viên	Việt Nam	1.399,00
814	Losartan	Losartan 25	25mg	Viên	Việt Nam	175,00
815	Losartan	Losartan	50mg	Viên	Việt Nam	209,00
816	Losartan + hydrochlorothiazid	Agilosart - H 100/25	100mg + 25mg	Viên	Việt Nam	4.190,00
817	Losartan + hydrochlorothiazid	AGILOSART-H 50/12,5	50mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	440,00
818	Lovastatin	Vastanic 10	10mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
819	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	Coliet	64g; 5,7g; 1,68g; 1,46g; 0,75g	Gói	Việt Nam	27.950,00
820	Magnesi aspartat + kali aspartat	Pomatat	140mg + 158mg	Viên	Việt Nam	987,00
821	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Amfortgel	(390mg + 336,6mg)/ 10ml	Gói	Việt Nam	2.750,00
822	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Chalme	(800,4mg + 611,76mg)/ 15g	Gói	Việt Nam	3.000,00
823	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd	Gelactive	(400mg + 300mg)/ 10ml	Gói	Việt Nam	2.352,00
824	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Hamigel-S	(800,4mg + 3058,83mg + 80mg)/ 10ml	Gói	Việt Nam	3.444,00
825	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Biviantac	(800,4mg + 612mg + 80mg)/ 10ml	Gói	Việt Nam	3.666,00
826	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Lahm	(800mg + 611,76mg + 80mg)/ 15g	Gói	Việt Nam	3.250,00
827	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Apigel - Plus	(80mg + 80mg + 8mg)/1ml; 10ml	Gói	Việt Nam	3.900,00
828	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Vilanta	2668mg + 4596mg + 276mg	Gói	Việt Nam	3.360,00
829	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Aquima	400mg/ 10ml + 351,9mg/ 10ml + 50mg/ 10ml	Gói	Việt Nam	3.300,00
830	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + Simethicon	Alumag-S	800,4mg + 4596mg + 80mg	Gói	Việt Nam	3.444,00
831	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	Fumagate - Fort	800mg + 800mg + 100mg	Gói	Việt Nam	3.798,00
832	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Malthigas	200mg + 200mg + 25mg	Viên	Việt Nam	567,00
833	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Digazo	400mg + 400mg + 40mg	Viên	Việt Nam	2.700,00
834	Magnesi sulfat heptahydrat	Magnesi-BFS 15%	750mg/5ml	Ống	Việt Nam	3.700,00
835	Magnesi trisilicat +Nhôm hydroxyd khô	Alusi	1,25g + 0,625g	Gói	Việt Nam	3.000,00
836	Manitol	Mannitol	20%; 250ml	Chai	Việt Nam	18.900,00
837	Meclophenoxat	Bidilucil 250	250mg	Lọ	Việt Nam	45.000,00
838	Meclophenoxat	Bidilucil 500	500mg	Lọ	Việt Nam	58.000,00
839	Meloxicam	Atimecox 15 inj	15mg/ 1,5ml	Ống	Việt Nam	2.037,00
840	Meloxicam	Kamelox ODT 7.5	7,5mg	Viên	Việt Nam	1.550,00
841	Meropenem	Bironem 1g	1g	Lọ	Việt Nam	53.193,00
842	Mesalazin (mesalamin)	Vinsalamin 500	500mg	Viên	Việt Nam	7.750,00

843	Mesalazin (mesalamin)	Vinsalamin 400	400mg	Viên	Việt Nam	8.800,00
844	Metformin	GLUDIPHA 500	500mg	Viên	Việt Nam	160,00
845	Metformin	GLUDIPHA 850	850mg	Viên	Việt Nam	200,00
846	Metformin hydroclorid	DH-Metglu XR 1000	1000mg	Viên	Việt Nam	1.995,00
847	Metformin	Métforilex MR	500mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
848	Metoclopramid	Metoran	10mg/2ml	Ống	Việt Nam	1.145,00
849	Methocarbamol	Methovin Inj	1g/10ml	Ống	Việt Nam	96.000,00
850	Methylergometrin maleat	Vingomin	0,2mg/ml	Ống	Việt Nam	11.500,00
851	Methylprednisolon (Dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Vinsolon	40mg	Lọ	Việt Nam	6.180,00
852	Methyl prednisolon	Amedred	16mg	Viên	Việt Nam	623,00
853	Methyl prednisolon	Methyl prednisolon 4	4mg	Viên	Việt Nam	197,00
854	Methylprednisolon	Vacometrol 8	8mg	Viên	Việt Nam	1.500,00
855	Methyl prednisolon	ID-Arsolone 4	4mg	Viên	Việt Nam	980,00
856	Methyldopa	Agidopa 125	125mg	Viên	Việt Nam	1.680,00
857	Methyldopa	AGIDOPA	250mg	Viên	Việt Nam	515,00
858	Metronidazol	Amkicme 500	500mg/100ml	Túi	Việt Nam	6.300,00
859	Metronidazol	Metronidazol 750mg/150ml	750mg/ 150ml	Lọ	Việt Nam	28.300,00
860	Metronidazol	Metronidazol 250mg	250mg	Viên	Việt Nam	125,00
861	Metronidazol	Metronidazol 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	305,00
862	Midazolam	Zodalan	5mg/1ml	Ống	Việt Nam	14.700,00
863	Minocyclin	Vinocyclin 50	50mg	Viên	Việt Nam	7.500,00
864	Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion)	HERAPROSTOL	200mcg	Viên	Việt Nam	3.420,00
865	Mometason furoat	Dkasolon	0,05% (50mcg/ liều); 60 liều	Bình/ Chai/ Lọ	Việt Nam	119.000,00
866	Monobasic natri phosphat +Dibasic natri phosphat	Golistin-enema	(21,41g +7,89g)/ 133ml	Lọ	Việt Nam	51.975,00
867	Morphin	Morphin 30mg	30mg	Viên	Việt Nam	6.489,00
868	Moxifloxacin (Dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	Moxieye	5mg/ml	Ống	Việt Nam	5.500,00
869	Moxifloxacin	Rvmoxi	400mg/100ml	Chai	Việt Nam	234.950,00
870	Moxifloxacin (dưới dạng moxifloxacin hydrochlorid) + Dexamethason phosphat (dưới dạng dexamethason natri phosphat)	Dexamoxi	5mg/ml + 1mg/ml. Ống 0,4ml	Ống	Việt Nam	5.500,00
871	Mupirocin	Skinrocin	100mg/ 5g	Tuýp	Việt Nam	33.000,00
872	Acetylcystein	Vacomuc 100	100mg	Gói	Việt Nam	359,00
873	N-acetylcystein	Acetylcystein	200mg	Gói	Việt Nam	365,00
874	N-acetylcystein	Aceecyst	200mg/ 1,6g	Gói	Việt Nam	2.037,00
875	N-acetylcystein	Acetylcystein	200mg	Viên	Việt Nam	197,00
876	Naftidrofuryl	Naftizine	200mg	Viên	Việt Nam	4.480,00
877	Naloxon hydroclorid (dưới dạng Naloxon hydroclorid dihydrat)	BFS-Naloxone	0,4mg/ml	Ống	Việt Nam	29.400,00
878	Naproxen	Ameproxen 500	500mg	Viên	Việt Nam	1.700,00
879	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	0,9%; 1000ml	Chai	Việt Nam	8.946,00
880	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	0,9%; 500ml	Chai	Việt Nam	6.153,00
881	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	900mg/100ml	Túi	Việt Nam	42.500,00

882	Natri clorid (không chất bảo quản)	Q-mumasa baby	0,9% Ống 1 ml	Ống	Việt Nam	1.260,00
883	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%/10ml	Lọ	Việt Nam	1.260,00
884	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%/10ml	Lọ	Việt Nam	1.260,00
885	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 2,25g	NaCl 0,45%	0,45g/100ml	Chai	Việt Nam	12.000,00
886	Natri chlorid	Sodium Chloride 0,9%	0,9g/100ml	Chai	Việt Nam	15.600,00
887	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	0,9%; 100ml	Túi	Việt Nam	6.363,00
888	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%; 500ml	Chai	Việt Nam	6.563,00
889	Natri clorid	Natri Clorid 10%	10%; 250ml	Chai	Việt Nam	11.897,00
890	Natri clorid	Natri Clorid 3%	3%; 100ml	Chai	Việt Nam	8.190,00
891	Natri clorid + dextrose/glucose	Dextrose - Natri	0,45% + 5%; 500ml	Chai	Việt Nam	9.345,00
892	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	THERESOL	(0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g); 5,63g	Gói	Việt Nam	1.560,00
893	Natri clorid + kali clorid + Trinatri citrat khan (dưới dạng Trinatri citrat. 2H2O) + glucose khan	Oresol new	520mg + 300mg + 509mg + 2700mg	Gói	Việt Nam	1.050,00
894	Natri clorid + kali clorid+ natri citrat+ glucose khan	Oremute 5	520mg + 580mg + 300mg + 2700mg + 5mg	Gói	Việt Nam	2.750,00
895	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan + kẽm	Mibezisol 2,5	520mg + 300mg + 580mg + 2700mg + 2,5mg	Gói	Việt Nam	2.079,00
896	Natri clorid + Natri Bicarbonat + Kali clorid + Dextrose khan	Hydrite	350mg + 250mg + 150mg + 2g	Viên	Việt Nam	1.200,00
897	Natri clorid + natri lactat + kali clorid + calcium clorid + glucose (Ringer lactat + glucose)	Lactated Ringer's And Dextrose	3g + 1,6g + 0,2g + +0,135g; 500ml	Chai	Việt Nam	10.500,00
898	Natri hyaluronat	Vitol	21,6mg/ 12ml (0,18%)	Lọ	Việt Nam	53.000,00
899	Natri bicarbonat	BFS-Nabica 8,4%	840 mg/ 10 ml	Lọ	Việt Nam	19.740,00
900	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Natri Bicarbonat 1,4%	1,4%; 250ml	Chai	Việt Nam	31.973,00
901	Nebivolol	NICARLOL 2,5	2,5mg	Viên	Việt Nam	585,00
902	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Scofi	35.000 UI + 60.000 UI + 10mg	Lọ	Việt Nam	37.000,00
903	Neostigmin metylsulfat	BFS-Neostigmine 0.25	0,25 mg/ml	Ống	Việt Nam	5.460,00
904	Neostigmin metylsulfat (bromid)	Antigmin	2,5mg/ml; 1ml	Ống	Việt Nam	6.825,00
905	Netilmicin	Netilmicin 150mg/3ml	150mg/ 3ml	Ống	Việt Nam	51.000,00
906	Nicardipin hydroclorid	Vincardipin	10mg/10ml	Ống	Việt Nam	84.000,00
907	Nicorandil	Pecrandil 5	5mg	Viên	Việt Nam	2.394,00
908	Nicorandil	Nikoramyl 10	10mg	Viên	Việt Nam	3.900,00
909	Nifedipin	Nifedipin Hasan 20 Retard	20mg	Viên	Việt Nam	483,00
910	Nizatidin	Farnatyl 300	300mg	Viên	Việt Nam	4.520,00
911	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	BFS-Noradrenaline 1mg	1mg/ml	Ống	Việt Nam	28.000,00
912	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Noradrenalin	4mg/4ml	Ống	Việt Nam	46.200,00
913	Nước cất pha tiêm	Nước Cất Pha Tiêm	100ml	Chai	Việt Nam	6.800,00
914	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 10ml	10ml	Ống	Việt Nam	693,00
915	Nước cất pha tiêm	Nước Cất Pha Tiêm	500ml	Chai	Việt Nam	8.925,00
916	Nước oxy già	Oxy già 3%	3%; 60ml	Chai	Việt Nam	1.525,00
917	Nystatin	Binystar	25.000 UI	Gói	Việt Nam	920,00

918	Ngưu hoàng/Ngưu hoàng nhân tạo, Thạch cao, Đại hoàng, Hoàng cầm, Cát cánh, Cam thảo, Borneol	Cabovis viên thanh nhiệt giải độc	Ngưu hoàng nhân tạo 5mg; Thạch cao 200mg; Đại hoàng 200mg; Hoàng cầm 150mg; Cát cánh 100mg; Cam thảo 50mg; Borneol (Băng phiến) 25mg.	Viên	Việt Nam	819,00
919	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe, Bạch truật.	Hamov	Cao khô hỗn hợp dược liệu: 90mg (tương ứng với 150mg + 150mg + 150mg + 300mg)	Viên	Việt Nam	830,00
920	Ofloxacin	Ofloxacin 200mg/100ml	200mg/100ml	Chai	Việt Nam	96.600,00
921	Olopatadin hydroclorid	Olevid	2mg/ml; 5ml	Lọ	Việt Nam	88.000,00
922	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol natri)	Omevin	40mg	Lọ	Việt Nam	6.600,00
923	Omeprazol	Ovac - 20	20mg	Viên	Việt Nam	120,00
924	Otilonium bromide	Amerisen	40mg	Viên	Việt Nam	3.330,00
925	Oxacilin (dạng oxacilin natri)	Oxacilin 250mg	250mg	Viên	Việt Nam	2.100,00
926	Oxytocin	Vinphatoxin	10IU/ml	Ống	Việt Nam	6.489,00
927	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng).	Cồn xoa bóp	Ô đầu 0,6g; Địa liên 3g; Đại hồi 1,2g; Quế chi 1,2g; Thiên niên kiện 1,8g; Huyết giác 1,8g; Camphor 0,6g; Riềng 3g.	Chai	Việt Nam	20.000,00
928	Pantoprazol	Naptogast 20	20mg	Viên	Việt Nam	1.888,00
929	Pantoprazol	Pantoprazol	40mg	Viên	Việt Nam	313,00
930	Paracetamol	Ceteco datadol 120	120mg	Gói	Việt Nam	900,00
931	Paracetamol	PANALGAN® Effer 150	150mg	Gói	Việt Nam	282,00
932	Paracetamol	Acepron 325 mg	325mg; 1,5g	Gói	Việt Nam	1.125,00
933	Paracetamol	Acepron 80	80mg	Gói	Việt Nam	285,00
934	Paracetamol	Pallas 250mg	250mg/5ml	Ống	Việt Nam	2.835,00
935	Paracetamol	Pallas 250mg	250mg/5ml	Chai	Việt Nam	20.979,00
936	Paracetamol (acetaminophen)	Avoir 250	250mg/ 6ml	Gói	Việt Nam	3.500,00
937	Paracetamol (acetaminophen)	Tahero 325	325mg	Ống	Việt Nam	4.800,00
938	Paracetamol (acetaminophen)	Tahero 500	500mg/ 10ml	Ống	Việt Nam	6.000,00
939	Paracetamol	Colocol suppo 150	150	Viên	Việt Nam	1.650,00
940	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol Kabi 1000	1000mg/ 100ml	Chai	Việt Nam	9.998,00
941	Paracetamol	BFS-Paracetamol	1000mg/10ml	Ống	Việt Nam	20.000,00
942	Paracetamol	Parazacol 750	10mg/ml; 75ml	Lọ	Việt Nam	29.500,00
943	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol Kabi 1000	1g/ 100ml	Chai	Việt Nam	9.998,00
944	Paracetamol (acetaminophen)	Biopacol	150mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
945	Paracetamol	Panalgan® Effer 650	650mg	Viên	Việt Nam	930,00
946	Paracetamol + codein phosphat	Effer-paralmax codein 10	500mg + 10mg	Viên	Việt Nam	2.100,00
947	Paracetamol + chlorpheniramin	Padobaby	(325mg + 2mg)/ 3g	Gói	Việt Nam	1.407,00
948	Paracetamol + diphenhydramin	TYdol PM	500mg + 25mg	Viên	Việt Nam	705,00
949	Paracetamol + methocarbamol	Clopidmeyer	300mg + 380mg	Viên	Việt Nam	2.300,00
950	Paracetamol + Methocarbamol	Parocontin F	500mg + 400mg	Viên	Việt Nam	2.800,00

951	Paracetamol + phenylephrin + dextromethorphan	Meyerexcold	650 mg + 10 mg + 20 mg	Viên	Việt Nam	2.100,00
952	Paracetamol + tramadol	Panalgan Plus	325mg + 37,5mg	Viên	Việt Nam	2.800,00
953	Periridopril + indapamid	Kozemix	8mg + 2,5mg	Viên	Việt Nam	3.450,00
954	Piperacilin + tazobactam	Tazopelin 4,5g	4g + 0,5g	Lọ	Việt Nam	69.993,00
955	Piracetam	Siro Atdoncam Syrup	800mg/ 5ml	Ống	Việt Nam	6.900,00
956	Piracetam	AGICETAM 400	400mg	Viên	Việt Nam	265,00
957	Piracetam	Piracetam 800	800mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
958	Polystyren	Kazelaxat	15g	Gói	Việt Nam	42.000,00
959	Calci polystyren sulfonat	Kalira	5g	Gói	Việt Nam	14.700,00
960	Povidon iodin	PVP - Iodine 10%	10%; 12g/120ml	Lọ	Việt Nam	23.000,00
961	Povidon iodin	Povidone Iodine 10%	10%-330ml	Chai	Việt Nam	48.000,00
962	Povidon iodin	PVP - Iodine 10%	10,0g/100ml	Lọ	Việt Nam	34.600,00
963	Pravastatin natri	Myavastin 20	20mg	Viên	Việt Nam	1.155,00
964	Pravastatin	Stavacor	10mg	Viên	Việt Nam	3.150,00
965	Pravastatin natri	Stavacor	20mg	Viên	Việt Nam	6.450,00
966	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Ceteco Prednisolon	Mỗi gói 1,5g chứa Prednisolon 5mg	Gói	Việt Nam	1.890,00
967	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Hydrocolacyl	5mg	Viên	Việt Nam	91,00
968	Prednison	Kidpredni	5mg	Viên	Việt Nam	2.200,00
969	Pregabalin	Oubapentin 150	150mg	Viên	Việt Nam	1.197,00
970	Progesteron	Postcare 100	100mg	Viên	Việt Nam	5.000,00
971	Promestrien	Vagicare	10mg	Viên	Việt Nam	5.190,00
972	Promethazin hydroclorid	PROMETHAZIN	5mg	Gói	Việt Nam	1.500,00
973	Propylthiouracil (PTU)	Basethyrox	100mg	Viên	Việt Nam	735,00
974	Propylthiouracil (PTU)	Propylthiouracil	50mg	Viên	Việt Nam	310,00
975	Phenobarbital	Phenobarbital	100mg	Viên	Việt Nam	197,00
976	Phenytoin	Phenytoin 100mg	100mg	Viên	Việt Nam	290,00
977	Phytomenadion (vitamin K1)	Vitamin K1 10mg/1ml	10mg/ml	Ống	Việt Nam	1.560,00
978	Phytomenadion	Vinphyton 1mg	1mg/1ml	Ống	Việt Nam	1.035,00
979	Quinapril	Aquiril MM 20	20mg	Viên	Việt Nam	3.024,00
980	Rabeprazol	Rabepagi 10	10mg	Viên	Việt Nam	1.890,00
981	Rabeprazol natri	Martaz	20mg	Viên	Việt Nam	520,00
982	Racecadotril	Vacotril 30	30mg	Gói	Việt Nam	1.123,00
983	Rebamipid	Rebamipide Invagen	100mg	Gói	Việt Nam	4.000,00
984	Repaglinid	Eurolux-1	1mg	Viên	Việt Nam	1.400,00
985	Rifamycin	Metoxa	200.000 UI	Lọ	Việt Nam	65.000,00
986	Ringer lactat	Ringer Lactate	500ml	Chai	Việt Nam	7.403,00
987	Risedronat	DRONAGI 5	5mg	Viên	Việt Nam	1.850,00
988	Rivaroxaban	Abmuza	15mg	Viên	Việt Nam	34.200,00
989	Rivaroxaban	Langitax 20	20mg	Viên	Việt Nam	36.000,00
990	Rosuvastatin	AGIROVASTIN 10	10mg	Viên	Việt Nam	305,00
991	Rotundin	Rotundin 30mg	30mg	Viên	Việt Nam	330,00
992	Rotundin	Rotundin 60	60mg	Viên	Việt Nam	622,00
993	Rupatadine	Myrudin	2,5mg/2,5ml; 2,5ml	Gói	Việt Nam	6.000,00
994	Saccharomyces boulardii	MICEZYM 100	2,26 x 10 ⁹ CFU	Gói	Việt Nam	3.591,00
995	Ipratropium + Salbutamol	Vinsalpium	2,5mg + 0,5mg/2,5ml	Ống	Việt Nam	12.600,00
996	Salbutamol sulfat	Sallet	2mg	Lọ	Việt Nam	29.850,00
997	Salbutamol sulfat	Atisalbu	2mg/ 5ml; 5ml	Gói	Việt Nam	3.780,00
998	Salbutamol	Vinsalmol	2,5mg/2,5ml	Ống	Việt Nam	4.410,00
999	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Zensalbu nebules 5.0	5mg/2,5ml	Ống	Việt Nam	8.400,00
1000	Sắt fumarat + acid folic	Satavit	162mg + 750mcg	Viên	Việt Nam	900,00

1001	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Vigahom	(431,68mg+ 11,65mg+ 5mg); 10ml	Ống	Việt Nam	3.780,00
1002	Sắt (dưới dạng Sắt Sucrose)	Necrovi	100mg	Lọ	Việt Nam	70.000,00
1003	Sertralin	Zoloman 100	100mg	Viên	Việt Nam	3.800,00
1004	Simethicon	Simecol	40mg/ml; 15ml	Chai/ Lọ	Việt Nam	21.000,00
1005	Sitagliptin	Meversilipitin 25	25mg	Viên	Việt Nam	2.625,00
1006	Sorbitol	Sorbitol	5g	Gói	Việt Nam	415,00
1007	Sorbitol	Sorbitol 3,3%	3,3%; 500ml	Chai	Việt Nam	12.075,00
1008	Spironolacton	Spironolacton	25mg	Viên	Việt Nam	370,00
1009	Sucralfat	Vagastat	1500mg	Gói	Việt Nam	4.200,00
1010	Mỗi 10 g chứa: Tacrolimus 0,01g	Immulinus 0.1%	0,01g/10g	Tuýp	Việt Nam	88.000,00
1011	Mỗi 10 g chứa: Tacrolimus 0,01g	Immulinus 0.1%	0,01g/10g	Tuýp	Việt Nam	88.000,00
1012	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Zhekof-HCT	40mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	825,00
1013	Tenofovir (TDF)	AGIFOVIR	300mg	Viên	Việt Nam	1.510,00
1014	Tenoxicam	Tenonic	20mg	Viên	Việt Nam	3.200,00
1015	Terbinafin hydroclorid	Tinefin	10mg/g	Tuýp	Việt Nam	24.500,00
1016	Terbutalin sulfat	Arimenus	1 mg/ml	Lọ	Việt Nam	19.950,00
1017	Tetracain	TETRACAIN 0,5%	50mg	Chai	Việt Nam	15.015,00
1018	Acid tiaprofenic	Sunigam 100	100mg	Viên	Việt Nam	5.000,00
1019	Ticagrelor	Tirelor-NN 60	60mg	Viên	Việt Nam	14.500,00
1020	Ticagrelor	Platetica	90mg	Viên	Việt Nam	11.970,00
1021	Ticarcillin + acid clavulanic	Bidicarlin 1,6g	1,5g + 0,1g	Lọ	Việt Nam	97.986,00
1022	Ticarcilin + Acid clavulanic	Combikit 3,1g	3g + 0,1g	Lọ	Việt Nam	104.000,00
1023	Ticarcilin + Acid clavulanic	Combikit 3,2g	3g + 0,2g	Lọ	Việt Nam	98.000,00
1024	Tinidazol	Tinidazol Kabi	500mg/ 100ml	Chai	Việt Nam	26.250,00
1025	Tizanidin hydroclorid	Meyerzadin 4	4mg	Viên	Việt Nam	2.150,00
1026	Tobramycin	Biracin-E	15mg/ 5ml	Lọ	Việt Nam	2.850,00
1027	Tobramycin + dexamethason	Tobidex	(15mg + 5mg)/ 5ml	Lọ	Việt Nam	6.720,00
1028	Tobramycin + dexamethason	Metodex sps	(15mg/5ml + 5mg/5ml); 7ml	Lọ	Việt Nam	35.000,00
1029	Tỳ bà diệp/Tỳ bà lá, Cát cánh, Bách bộ, Tiên hồ, Tang bạch bì, Thiên môn/Thiên môn đông, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, (Menthol).	Thuốc ho người lớn OPC	Tỳ bà diệp 16,2g; Cát cánh 1,8g; Bách bộ 2,79g; Tiên hồ 1,8g; Tang bạch bì 1,8g; Thiên môn 2,7g; Phục linh/Bạch linh 1,8g; Cam thảo 0,9g; Hoàng cầm 1,8g; Cineol 18mg; Menthol 18mg.	Chai	Việt Nam	23.100,00
1030	Thiamazol	Mezamazol	5mg	Viên	Việt Nam	525,00
1031	Acid tranexamic	Cammic	250mg/5ml	Ống	Việt Nam	1.972,00
1032	Tranexamic acid	Duhemos 500	500mg	Viên	Việt Nam	2.499,00
1033	Trần bì, Cát cánh, Tiên hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol.	Thuốc ho bổ phế	Mỗi 80ml chứa: Trần bì 20g; Cát cánh 10g; Tiên hồ 10g; Tô diệp 10g; Tử uyển 10g; Tang bạch bì 4g; Tang diệp 4g; Thiên môn 4g; Cam thảo 3g; Ô mai 3g; Khương hoàng 2g; Menthol 0,044g	Chai	Việt Nam	33.000,00
1034	Trimebutin maleat	Decolic	24mg	Gói	Việt Nam	2.100,00

1035	Trimetazidin	Hismedan	20mg	Viên	Việt Nam	95,00
1036	Acid ursodeoxycholic	Vacocholic 150	150mg	Viên	Việt Nam	1.763,00
1037	Valproat natri	Milepsy 200	200mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
1038	Valsartan	Valsita	80mg	Viên	Việt Nam	750,00
1039	Valsartan + Hydrochlorothiazid	VALSGIM-H160/12.5	160mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	4.250,00
1040	Vitamin A + D2	Vina-AD	2000 UI + 400 UI	Viên	Việt Nam	576,00
1041	Vitamin A + D3	Vitamin AD	4000 UI + 400 UI	Viên	Việt Nam	599,00
1042	Vitamin B1	Vitamin B1 50mg	50mg	Viên	Việt Nam	120,00
1043	Vitamin B1 + B6 + B12	3B-Medi	125mg + 125mg + 250mcg	Viên	Việt Nam	1.250,00
1044	Vitamin B12 (Cyanocobalamin, Hydroxocobalamin)	Vitamin B12 Kabi 1000mcg	1mg/ml; 1ml	Ống	Việt Nam	462,00
1045	Vitamin B6	Vitamin B6 Kabi 100mg/1ml	100mg/ml; 1ml	Ống	Việt Nam	494,00
1046	Vitamin B6 + magnesi lactat	Pimagie	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	Viên	Việt Nam	1.488,00
1047	Vitamin B6 + magnesi lactat	Neurixal	5mg + 470mg	Viên	Việt Nam	1.848,00
1048	Vitamin C	A.T Ascorbic syrup	100mg/ 5ml; 10ml	Ống	Việt Nam	2.800,00
1049	Vitamin C	CEVIT 500	500mg/ 5ml	Ống	Việt Nam	1.155,00
1050	Vitamin C	VITAMIN C 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	147,00
1051	Acenocoumarol	AZENMAROL 1	1mg	Viên	Việt Nam	450,00
1052	Các acid Amin	Nephrosteril	7%, 250 ml	Chai	Áo	91.800,00
1053	Alverin citrat + simethicon	Newstomaz	60mg + 300mg	Viên	Việt Nam	818,00
1054	Amlodipin + losartan	Troysar AM	5mg + 50mg	Viên	India	5.200,00
1055	Amoxicilin + acid clavulanic	Cledomox 228.5	(200mg + 28,5mg)/ 30ml	Lọ	India	54.999,00
1056	Budesonid + formoterol	Fortraget Inhaler 200mcg+6mcg	200mcg + 6mcg	Bình	Pakistan	153.500,00
1057	Budesonid + formoterol	Fortraget Inhaler 200mcg +6mcg	(200mcg + 6mcg)/ 120 liều	Bình	Pakistan	153.500,00
1058	Carbocistein	Zipicar	500mg	Viên	India	2.090,00
1059	Clarithromycin	Claritek drop 125mg/5ml	125mg/ 5ml; 25ml	Lọ	Pakistan	35.000,00
1060	Colistin*	Colisodi 2,0 MIU	2.000.000 IU	lọ	Việt Nam	618.000,00
1061	Dexibuprofen	Armfen 200	200mg	Viên	Việt Nam	3.200,00
1062	Diclofenac	DICLOCARE	1%; 30g	Tube	INDIA	31.500,00
1063	Diclofenac	Diclofenac	100mg	Viên	Việt Nam	12.000,00
1064	Diphenhydramin HCl	Dimedrol	10mg/ml	Ống	Việt Nam	540,00
1065	Dydrogesterone	Duphaston	10mg	Viên	Hà Lan	7.728,00
1066	Erythropoietin concentrate solution (Epoetin alfa)	Vintor 2000	Erythropoietin 2000IU	Bơm tiêm	India	70.900,00
1067	Estriol	Kofio	0,5mg	Viên	Việt Nam	6.800,00
1068	Fluocinolon acetonid	Flucort	15g	Tuýp	Ấn Độ	21.000,00
1069	Fluticason propionat	Flutiflow 120	50mcg/ liều; 120 liều	Bình	India	116.000,00
1070	Gliclazid + Metformin	Dianorm-M	80mg + 500mg	Viên	India	3.350,00
1071	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Glaritus	100 UI/ml; 3ml	Bút	India	213.000,00
1072	Mỗi 3ml chứa: Insulin người (30% Insulin hòa tan + 70% Insulin Isophan)	Humulin 30/70 Kwikpen	300IU/ 3ml	Bút tiêm	Pháp	73.800,00
1073	Kali iodid + natri iodid	Eyaren Ophthalmic Drops	30mg, 30mg	Lọ	Korea	27.510,00
1074	Levodopa + Carbidopa anhydrous	Syndopa 275	250mg +25mg	Viên	India	3.150,00

1075	Levofloxacin	Sunfloxacin 750mg/150ml	750mg/ 150ml	Túi	Việt Nam	46.700,00
1076	Linezolid*	Nirzolid	600mg/300ml	Chai	Ấn Độ	161.000,00
1077	Metformin hydrochlorid	DH-Metglu XR 500	500mg	Viên	Việt Nam	1.185,00
1078	Methotrexat	Methotrexat Bidiphar 50mg/2ml	50mg/ 2ml	Lọ	Việt Nam	65.898,00
1079	Misoprostol	Pgone	200mcg	Viên	India	3.360,00
1080	Moxifloxacin	Moxibac 400 IV Infusion	400mg/ 250ml	Chai	Bangladesh	124.000,00
1081	Nebivolol	NICARLOL 5	5mg	Viên	Việt Nam	775,00
1082	Octreotid (dưới dạng octreotid acetat) 0,1mg/ml	Octride 100	0,1mg/ml	Ống	India	83.000,00
1083	Oxcarbazepine	JUBL OXCARBAZEPINE 300MG	300mg	Viên	India	2.800,00
1084	Pirenoxine	Kary Uni	0,25mg/5ml	Lọ	Nhật Bản	30.294,00
1085	Progesteron (dạng vi hạt)	Miprotone-F	200mg	Viên	Việt Nam	6.000,00
1086	Promestrien	Vagicare	10mg	Viên	Việt Nam	5.190,00
1087	Phytomenadion	Vinphyton 1mg	1mg/1ml	Ống	Việt Nam	1.035,00
1088	Risedronat natri	Cruzz-35	35mg	Viên	Việt Nam	5.900,00
1089	Silymarin	Silymarin 200mg	200mg	Viên	Việt Nam	3.800,00
1090	Sitagliptin	Bividia 100	100mg	Viên	Việt Nam	4.400,00
1091	Spirolacton	Domever 25mg	25mg	Viên	Việt Nam	441,00
1092	Sucralfat	Sucrafil Suspension	1g/ 10ml; 200ml	Lọ	Ấn Độ	130.000,00
1093	Sucralfat	Sucralfate 1g	1g	Viên	Việt Nam	987,00
1094	Terbinafin hydroclorid	Tinefin	10mg/g	Tuýp	Việt Nam	24.500,00
1095	Tizanidin hydroclorid	Tizanad 4mg	4mg	viên	Việt Nam	2.050,00
1096	Trimebutin maleat	AGITRITINE 100	100mg	Viên	Việt Nam	300,00
1097	Trimebutin maleat	Meburatin	150mg	Viên	Hàn Quốc	1.950,00
1098	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin 3B extra	100mg + 100mg + 150mcg	Viên	Việt Nam	1.150,00
1099	Rivaroxaban	Xelostad 10	10mg	Viên	Việt Nam	35.000,00
1100	Aciclovir	Meileo	250mg	Ống	Tây Ban Nha	280.000,00
1101	Aciclovir	Demosol	400mg	Viên	Bồ Đào Nha	8.500,00
1102	L-Isoleucine, L-Leucine, L-Lysine, L-Methionine, L-Cysteine, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L-Arginine, L-Histidine, Glycine, L-Alanine, L-Proline, L-Serine	Aminosteril N Hepa 8%	8%, 500ml	Chai	Áo	129.000,00
1103	Allopurinol	Milurit	300mg	Viên	Hungary	2.170,00
1104	Amikacin	Amikacin 125mg/ml	250mg/2ml	Ống	Bulgaria	29.505,00
1105	Amlodipine + Lisinopril	Lisonorm	5mg + 10mg	Viên	Hungary	5.250,00
1106	Telmisartan + Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	Twynsta	80mg + 5mg	Viên	Ấn Độ	13.122,00
1107	Amoxicilin + Acid clavulanic	Axuka	1g + 200mg	Lọ	Romani	39.221,00
1108	Budesonid, Formoterol fumarat dihydrate	Symbicort Turbuhaler	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	Ống	Thụy Điển	486.948,00
1109	Cefixim	Cefimed 200mg	200mg	Viên	Cyprus	18.900,00
1110	Citicolin	Difosfocin	500mg/4ml	Ống	Italy	48.500,00

1111	Mỗi ống 2ml chứa: Digoxin 0,5mg	Digoxin/Anfarm	0,5mg/ 2ml	Ống	Hy Lạp	25.000,00
1112	Drotaverin clohydrat	Drotavep 40mg tablets	40mg	Viên	Hungary	1.250,00
1113	Felodipin	Felodipine Stella 5mg retard	5mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
1114	Fluconazol	FUNGOCAP 200mg capsules, hard	200mg	Viên	Bulgaria	40.000,00
1115	Heparin (natri)	Heparin	25.000 UI/ 5ml	Lọ	Germany	199.500,00
1116	Ibuprofen	Antarene	100mg	Viên	Pháp	2.500,00
1117	Human normal immunoglobulin	KIOVIG	100 mg/ml	Lọ	Bỉ	3.650.000,00
1118	Lercanidipin hydroclorid	Lercatop 10mg	10mg	Viên	Bulgaria	7.881,00
1119	Lisinopril	Lisinopril Stella 10mg	10mg	Viên	Việt Nam	2.280,00
1120	Iodixanol	Visipaque	652mg/ml (320mg I/ml) x 100ml	Chai	Ireland	992.250,00
1121	Losartan Kali + Hydrochlorothiazid	Cyplosart Plus 50/12,5 FC Tablets	50mg + 12,5mg	Viên	Cyprus	5.000,00
1122	Mequitazin	ITAMETAZIN	5mg	Viên	Italya	4.850,00
1123	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Fleet Enema	19g/7g (118ml)	Chai	Mỹ	57.500,00
1124	Nifedipin	Cordaflex	20mg	Viên	Hungary	1.200,00
1125	Mỗi 250ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành 25g; Glycerol 6,25g; Phospholipid từ trứng 1,5g	Lipovenoes 10% PLR	10%, 500ml	Chai	Áo	138.000,00
1126	Omeprazol	Lomec 20	20mg	Viên	Spain	2.800,00
1127	Paracetamol (acetaminophen)	Kidopar	120mg/ 5ml; 100ml	Chai	Ba Lan	91.127,00
1128	Piperacilin, Tazobactam	Piperacillin/Tazobactam Kabi 4g/0,5g	4g + 0,5g	Lọ	Bồ Đào Nha	75.000,00
1129	Piracetam	Pracetam 1200	1200mg	Viên	Việt Nam	2.280,00
1130	Tenoxicam	Bart	20mg	Viên	Ý	7.560,00
1131	Tobramycin	Eyetobrin 0,3%	3mg	Lọ	Hy Lạp	34.440,00
1132	Vitamin B1 + B6 + B12	Milgamma N	100mg + 100mg + 1mg	ống	Đức	21.000,00
1133	Acid amin*	Aminoplasma B.Braun 10% E	10%; 500ml	Chai	Germany	154.500,00
1134	Acid amin*	Hepagold	8%; 500ml	Túi	Korea	125.000,00
1135	Ampicillin + Sulbactam	Auropennz 1.5	1g + 0,5g	Lọ	India	40.782,00
1136	Atorvastatin	Atorvastatin SaVi 40	40mg	Viên	Việt Nam	1.806,00
1137	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 500	500mg	viên	Việt Nam	5.250,00
1138	Budesonid	Budecort 0,5mg Respules	0,5mg/2ml	Nang	India	10.500,00
1139	Cefamandol	Cefamandol 1g	1g	lọ	Việt nam	68.250,00
1140	Diosmectit	Smecta	3g	Gói	Pháp	3.475,00
1141	Enalapril + hydrochlorothiazid	Ebitac 25	10mg + 25mg	Viên	Ukraine	3.535,00
1142	Erythropoietin tái tổ hợp, 2000 IU/0,5ml	Epokine Prefilled injection 2000 Units/0,5 ml	2.000 IU/0,5ml	bơm tiêm	Hàn Quốc	125.000,00
1143	Etodolac	Tamunix	300mg	Viên	Bangladesh	4.356,00
1144	Felodipin	Felodipine Stella 5mg retard	5mg	Viên	Việt Nam	1.400,00
1145	Iopromide	Ultravist 300	623.40mg/ml, 100ml	Chai	Đức	420.000,00
1146	Irbesartan	Riosart 150Mg	150mg	Viên	India	1.250,00
1147	Irbesartan + Hydrochlorothiazide	Irbezyd H 150/12,5	150mg +12,5mg	Viên	India	1.974,00
1148	Lisinopril	SaVi Lisinopril 5	5mg	Viên	Việt Nam	1.800,00

1149	Metformin hydrochloride	Panfor Sr-750	750mg	Viên	India	1.900,00
1150	Methyl prednisolon	Creao Inj.	40mg	Lọ	Korea	28.850,00
1151	Methylprednisolon	Medlon 16	16mg	viên	Việt Nam	2.697,00
1152	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Fleet Enema	19g/7g (118ml)	Chai	Mỹ	59.000,00
1153	Nimodipin	Nimodin	10mg/ 50ml	Chai	India	270.000,00
1154	Omeprazol	Ulcomez	40mg	Lọ	India	34.690,00
1155	Piperacilin, Tazobactam	Piperacillin/Tazobactam Kabi 4g/0,5g	4g + 0,5g	Lọ	Bồ Đào Nha	75.000,00
1156	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Rotorlip 20	20mg	viên	Việt Nam	1.100,00
1157	Tinidazol	Sindazol Intravenous Infusion	500mg/100ml	Lọ	Đài Loan	47.477,00
1158	Amlodipin + atorvastatin	AMDEPIN DUO	5mg + 10mg	Viên	Ấn Độ	3.700,00
1159	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg	125mg	Gói	Việt Nam	1.675,00
1160	Esomeprazol	Stadnex 20 CAP	20mg	Viên	Việt Nam	2.680,00
1161	Fluconazol	Fluconazole Stella 150mg	150mg	Viên	Việt Nam	8.800,00
1162	Glimepiride	Glumerif 2	2mg	viên	Việt Nam	1.215,00
1163	Imidapril	Idatril 5mg	5mg	Viên	Việt Nam	3.980,00
1164	Isosorbid-5-mononitrat	Imidu® 60 mg	60mg	Viên	Việt Nam	1.953,00
1165	Methyl prednisolon	Methyl prednisolon 16	16mg	Viên	Việt Nam	1.037,00
1166	Paracetamol (acetaminophen)	Parazacol 250	250mg	Gói	Việt Nam	1.616,00
1167	Piracetam	Kacetam	800mg	Viên	Việt Nam	609,00
1168	Acetazolamid	Acetazolamid	250mg	Viên	Việt Nam	735,00
1169	N-Acetyl – DL – Leucin	Vintanil	500mg/5ml	Ống	Việt Nam	12.824,00
1170	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	Aspirin 100	100mg	Gói	Việt nam	1.793,00
1171	Aciclovir	AGICLOVIR 200	200mg	Viên	Việt Nam	340,00
1172	Aciclovir	AGICLOVIR 400	400mg	Viên	Việt Nam	745,00
1173	Acid amin*	Amiparen – 10	10%; 500ml	Chai	Việt Nam	79.000,00
1174	Acid folic (vitamin B9)	AGINFOLIX 5	5mg	Viên	Việt Nam	175,00
1175	Alendronat	OSTAGI 70	70mg	Viên	Việt Nam	2.490,00
1176	Alimemazin	ATILENE	2,5mg/5ml	Ống	Việt Nam	2.625,00
1177	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	Maltagit	2,5g + 0,5g	Gói	Việt Nam	1.659,00
1178	Bacillus subtilis	BIOSUBTYL-II	10 ⁷ - 10 ⁸ CFU/250mg	Viên	Việt Nam	1.499,00
1179	Bromhexin hydroclorid	Amtesius	4mg	Gói	Việt Nam	3.192,00
1180	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T	4mg/ 5ml; 100ml	Chai	Việt Nam	12.390,00
1181	Bromhexin hydroclorid	Brosuvon 8mg	8mg/5ml	Gói	Việt Nam	4.725,00
1182	Calci carbonat + vitamin D3	Agi-Calci	1250mg + 200 UI	Viên	Việt Nam	847,00
1183	Calci lactat	Clipoxid-300	300mg	Viên	Việt Nam	1.490,00
1184	Carbocistein	Anpemux	250mg	Viên	Việt Nam	950,00
1185	Cefotiam	Cefotiam 0,5g	0,5g	Lọ	Việt Nam	47.000,00
1186	Cisplatin	Cisplatin Bidiphar 10mg/20ml	10mg/ 20ml	Lọ	Việt Nam	69.993,00
1187	Diazepam	Diazepam 5mg	5mg	Viên	Việt Nam	240,00
1188	Diclofenac natri	Rhomatic Gel α	1g/ 100g; 30g	Tuýp	Việt Nam	32.000,00
1189	Diclofenac natri	Rhomatic Gel α	1g/ 100g; 50g	Tuýp	Việt Nam	50.000,00
1190	Diocahedral smectit	Lufogel	3g; 20ml	Gói	Việt Nam	6.300,00
1191	Doxorubicin hydroclorid	Emilox	50mg	Lọ	Việt Nam	158.000,00
1192	Famotidin	Atifamodin 20mg	20mg	Lọ	Việt Nam	34.986,00
1193	Fluocinolon acetonid	Fluopas	0,025%; 10g	Tuýp	Việt Nam	3.800,00

1194	Glucose	Glucose 20%	20%; 500ml	Chai	Việt Nam	11.970,00
1195	Glucose	Glucose 30%	30%; 500ml	Chai	Việt Nam	14.910,00
1196	Glucose	Glucose 5%	5%; 250ml	Chai	Việt Nam	7.800,00
1197	Griseofulvin	GRISEOFULVIN 500mg	500mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
1198	Isosorbid-5-mononitrat	Imidu® 60 mg	60mg	Viên	Việt Nam	1.953,00
1199	Kali clorid	Kali Clorid Kabi 10%	1g/ 10ml	Ống	Việt Nam	1.229,00
1200	Loratadin	Allerpa	1mg/ml; 5ml	Ống	Việt Nam	4.441,00
1201	Magnesi sulfat	Magnesi Sulfat Kabi 15%	15%; 10ml	Ống	Việt Nam	2.600,00
1202	Mequitazin	Amquitaz 5	5mg	Viên	Việt Nam	1.365,00
1203	Methocarbamol	Mycotrova 1000	1000mg	Viên	Việt Nam	2.499,00
1204	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%; 250ml	Chai	Việt Nam	7.980,00
1205	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Natri Bicarbonat 1,4%	1,4%; 500ml	Chai	Việt Nam	39.690,00
1206	Nước cất pha tiêm	Nước cất ống nhựa	5ml	Ống	Việt Nam	385,00
1207	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron hydrochlorid dihydrat)	Nausazy 4mg	4mg/5ml	Ống	Việt Nam	14.700,00
1208	Paracetamol (acetaminophen)	Panalgan	80mg/2,5ml; 60ml	Chai	Việt Nam	19.950,00
1209	Paracetamol (acetaminophen)	Panactol 325mg	325mg	Viên	Việt Nam	129,00
1210	Paracetamol + codein phosphat	PANALGAN® Effer Codein	500mg + 30mg	Viên	Việt Nam	1.035,00
1211	Paracetamol + chlorpheniramin	Nilcox Baby Fort 250/2mg	250mg + 2mg	Gói	Việt Nam	1.089,00
1212	Perindopril erbumin	Periwel 4	4mg	Viên	Việt Nam	2.000,00
1213	Piperacilin (dạng piperacilin natri)	Piperacilin 1g	1g	Lọ	Việt Nam	54.000,00
1214	Piracetam	PIRACETAM 800mg	800mg	Viên	Việt Nam	399,00
1215	Piroxicam	Fenidel	40mg/2ml	Ống	Việt Nam	10.698,00
1216	Polyethylen glycol + propylen glycol	Novotane Ultra	(4mg + 3mg)/ml; 10ml	Ống	Việt Nam	63.000,00
1217	Polyethylen glycol + propylen glycol	Novotane Ultra	(4mg + 3mg)/ml; 5ml	Ống	Việt Nam	46.730,00
1218	Promethazin hydroclorid	Promethazin	2%; 10g	Tuýp	Việt Nam	5.887,00
1219	Propranolol HCl	Propranolol	40mg	Viên	Việt Nam	600,00
1220	Repaglinid	Eurolux-2	2mg	Viên	Việt Nam	5.500,00
1221	Rocuronium bromide	Rocuronium-BFS	50mg/5ml	Ống	Việt Nam	56.708,00
1222	"Salbutamol (sulfat)"	Atisalbu	2mg/5ml	Ống	Việt Nam	5.187,00
1223	Silymarin	Liverton 70	70mg	Viên	Việt Nam	540,00
1224	Sulfamethoxazol + trimethoprim	SUPERTRIM	400mg + 80mg	Gói	Việt Nam	1.828,00
1225	Tetracyclin hydroclorid	Tetracyclin 1%	1%; 5g	Tuýp	Việt Nam	3.150,00
1226	Vitamin B1 + B6 + B12	Quafaneuro	100mg + 200mg + 200mcg	Viên	Việt Nam	660,00
1227	Clobetasol propionat	Clobetasol 0,05%	0,05%; 15g	Tuýp	Việt Nam	16.800,00
1228	Diazepam	Diazepam 5mg	5mg	Viên	Việt Nam	240,00
1229	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	A.T SODIUM PHOSPHATES	(7.2g + 2.7g) /15ml	Lọ	Việt Nam	44.000,00
1230	Urea	AXCEL UREA CREAM	2g	Tuýp	Malaysia	38.000,00
1231	Dobutamin	Dobutamine-hameln 5mg/ml Injection	250mg/ 50ml	Lọ	Germany	144.900,00
1232	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	10mg/ 10ml; 10ml	Ống	Germany	80.283,00
1233	Naloxon hydroclorid	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	0,4mg/ml; 1ml	Ống	Germany	43.995,00

1234	Pethidin	Pethidine-hameln 50mg/ml	100mg/ 2ml; 2ml	Ống	Germany	17.850,00
1235	Tramadol	Tramadol-Hameln 50mg/ml	100mg/ 2ml	Ống	Germany	13.794,00
1236	Ofloxacin	Ofloxacin	200mg/ 100ml	Chai	Việt Nam	97.990,00
1237	Terbinafin (hydroclorid)	Kem Tenafin 1%	1%; 15g	Tuýp	Việt Nam	25.000,00
1238	Terbinafin (hydroclorid)	Tenafine cream	150mg/ 15g	Tuýp	Korea	67.998,00
1239	Cao khô Actiso EP, Cao khô Rau đắng đất 8:1, Cao khô Bìm bìm.	Boganic	85mg, 64mg, 6.4mg	Viên	Việt Nam	650,00
1240	Cao khô Actiso EP, Cao khô Rau đắng đất 8:1, Cao khô Bìm bìm.	Boganic Forte	170mg, 128mg, 13.6mg	Viên	Việt Nam	1.800,00
1241	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	Crila Forte	500mg	Viên	Việt Nam	5.000,00
1242	Cao đặc lá Chè dây 7:1	Ampelop	625mg	Viên	Việt Nam	1.278,00
1243	Diệp hạ châu.	Diệp hạ châu Vinaplant	Mỗi 3g chứa Cao đặc Diệp hạ châu (tương đương với 3g Diệp hạ châu) 300 mg	Gam	Việt Nam	795,00
1244	Cao đặc rễ Đinh lăng 5:1, Cao khô lá Bạch quả.	Hoạt huyết dưỡng não	150mg, 5mg	Viên	Việt Nam	900,00
1245	Cao đặc rễ Đinh lăng 5:1, Cao khô lá Bạch quả.	Cebraton	300mg, 100mg	Viên	Việt Nam	3.150,00
1246	Kim tiền thảo.	Kim tiền thảo	Cao đặc kim tiền thảo 150 mg; tương ứng với kim tiền thảo 1.500 mg	Viên	việt nam	395,00
1247	Actiso, Biền súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Mát gan tiêu độc	Mỗi viên hoàn cứng chứa: Cao đặc Actiso 100 mg; Cao đặc rau đắng đất 75 mg; Cao đặc bìm bìm 7,5 mg	Viên	Việt Nam	1.798,00
1248	Actiso, Biền súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Gaphyton S	100mg+75mg+7,5mg	Viên	Việt Nam	525,00
1249	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Chorlatecyn	Cao mật lợn khô 50mg; Tỏi khô 50mg; Cao đặc Actisô (tương đương 1000mg Actisô) 125mg; Than hoạt tính 25mg	Viên	Việt Nam	2.499,00
1250	Actiso, Rau má.	Mizho	40 mg + 300 mg	Viên	Việt Nam	1.407,00
1251	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	Tioga Liquid	Mỗi 125ml dung dịch chiết từ dược liệu tương đương Cao actiso (tương đương 3,5g lá tươi Actiso) 1,25g; Sài đất 37,5g; Thương nhĩ tử 12,5g; Kim ngân cuộng 31,25g; Hạ khô thảo 6,25g	ml	Việt Nam	210,00
1252	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	Tioga	Mỗi viên chứa 162 mg cao khô dược liệu tương đương: Cao đặc Actiso 33,33 mg; Sài đất 1,0 g; Thương nhĩ tử 0,34 g; Kim ngân hoa 0,25 g; Hạ khô thảo 0,17 g	Viên	Việt Nam	1.050,00
1253	Actiso.	Trabogan	600 mg	gam	Việt Nam	2.500,00

1254	Bạch chi, Phòng phong, Hoàng cầm, Ké đầu ngựa, Hạ khô thảo, Cỏ hôi, Kim ngân hoa.	Thông xoang ACP	0,27g (tương đương 195 mg bột mịn); 0,15g (tương đương 20mg cao khô); 0,25g (tương đương 50mg cao khô); 0,25g (tương đương 25mg cao khô); 0,25g (tương đương 26mg cao khô); 0,35g (tương đương 50mg cao khô); 0,25g (tương đương 170mg bột mịn)	Viên	Việt Nam	2.100,00
1255	Bạch chi, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu Bạc hà.	Rhinips	450mg; 240mg; 120mg; 0,3mg	Viên	Việt Nam	980,00
1256	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh, Thục địa, Sơn thù, Thạch quyết minh, Trạch tả.	Sáng mắt	Mỗi 125ml chứa dịch chiết từ các dược liệu tương ứng với: Thục địa 23g; Sơn thù 11,5g; Mẫu đơn bì 8,6g; Hoài sơn 11,5g; Phục linh 8,6g; Trạch tả 8,6g; Câu kỷ tử 8,6g; Cúc hoa 8,6g; Đương quy 8,6g; Bạch thược 8,6g; Bạch tật lê 8,6g; Thạch quyết minh 11,5g	ml	Việt Nam	830,00
1257	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù,/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả).	Viên nang Ngọc quý	450mg cao khô (tương đương với 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,4g; 0,3g; 0,8g; 0,3g; 0,4g; 0,4g)	Viên	Việt Nam	880,00
1258	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	Bổ Gan Trường Phúc	Mỗi viên chứa 700mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương với: Diệp hạ châu 1,2g; Đảng sâm 1,2g; Nhân trần 1,2g; Bạch thược 0,6g; Bạch truật 0,6g; Cam thảo 0,6g; Đương quy 0,6g; Phục linh 0,6g; Trần bì 0,6g	Viên	Việt Nam	3.500,00
1259	Bạch truật, Cam thảo, Mạch nha, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Phục linh, Sa nhân, Hoài sơn, Táo nhân, Liên nhục, Bạch thược, Trần bì, Viễn chí, Ý dĩ, Bạch tật lê.	Dưỡng tâm kiện tỳ hoàn	0.25g, 0.10g, 0.20g, 0.25g, 0.25g, 0.25g, 0.20g, 0.20g, 0.25g, 0.30g, 0.10g, 0.25g, 0.15g, 0.15g, 0.20g, 0.10g, Tả được vđ 4g.	Gói	Việt Nam	4.000,00
1260	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ.	Siro Bổ tỳ P/H	15g+ 15g+ 4g+ 12g + 4g + 6g+ 10g + 4g +10g + 6g + 4g +4g	ml	Việt Nam	285,00
1261	Bạch truật, Đảng sâm, Ý dĩ, Liên nhục, Hoài sơn, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha	Bổ tỳ HD	1,2g;1,2g; 1,2g; 1,2g; 1,2g; 1,2g; 0,8g; 0,6g; 0,8g; 0,6g; 0,4g	ml	Việt Nam	470,00

1262	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đăng, Hoài sơn, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	Đại tràng hoàn P/H	0,65g + 0,35g + 0,4g + 0,42g + 0,25g + 0,54g + 0,35g + 0,35g + 0,35g + 0,04g + 0,22g	gam	Việt Nam	925,00
1263	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Đại tràng hoàn	0,7g+ 0,23g+ 0,12g+ 0,14g+ 0,47g+ 0,23g+ 0,23g+ 0,47g+ 0,23g+ 0,23g+ 0,23g+ 0,47g	gam	Việt Nam	895,00
1264	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	H'Tiên - YBA	12g+ 12g+ 12g+ 12g+ 6g+ 6g+ 4g+ 4g+ 4g	ml	Việt Nam	264,00
1265	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Quy tỷ	300mg (248mg+181,3mg+87,3mg+107,3mg+124mg+63mg+55,4mg +174,7mg+248mg+248mg	Viên	Việt Nam	930,00
1266	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Trường thọ Quy tỷ hoàn	Mỗi viên hoàn mềm 9g chứa 4,08g bột hỗn hợp dược liệu tương đương: Đảng sâm 400 mg; Bạch truật 800 mg; Hoàng kỳ 800 mg; Cam thảo chích mật 200 mg tương đương Cam thảo 240 mg; Phục linh 800 mg; Viễn chí chế 80 mg; Táo nhân 800 mg; Long nhân 800 mg; Đương quy 80 mg; Mộc hương 400 mg; Đại táo bỏ hạt 200 mg tương đương Đại táo 230 mg	Viên	Việt Nam	4.515,00
1267	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Quy tỷ dưỡng tâm OPC	Bạch truật 64mg; Bạch linh 64mg; Hoàng kỳ 64mg; Toan táo nhân 64mg; Đảng sâm 32mg; Mộc hương 32mg; Cam thảo 16mg; Đương quy 6,4mg; Viễn chí chế 6,4mg; Long nhân 64mg; Đại táo 16mg.	Gói	Việt Nam	4.200,00
1268	Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhân, Đại táo.	Q-Tyta	800mg, 800mg, 400mg, 400mg, 400mg, 200mg, 200mg, 800mg, 800mg, 800mg, 200mg	gam	Việt Nam	1.500,00
1269	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Quy tỷ	300mg (248mg + 248mg + 248mg + 181,3mg + 174,7mg + 124mg + 103,7mg + 87,3mg +63mg + 63mg +55,4mg) + 73,3mg + 66,7mg + 36,7mg + 16,7mg +6,6mg	Viên	Việt Nam	930,00

1270	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rút, Sơn tra, Hậu phác nam	Lapandan	0,66g; 1,335g; 0,66g; 0,66g; 0,165g; 0,66g; 0,84g; 0,66g; 0,495g	Gói	Việt Nam	3.600,00
1271	Bìm bìm biếc, Phan tả diệp, Đại hoàng, Chi xác, Cao mật heo.	Viên nhuận tràng OP.Liz	Bìm bìm biếc 127,5mg; Phan tả diệp 127,5mg; Đại hoàng 255mg; Chi xác 63,75mg; Cao mật heo 127,5mg.	Viên	Việt Nam	630,00
1272	Bồ bồ.	Giải độc gan Vinaplant	Mỗi 3g chứa cao đặc Bồ bồ (tương đương với 2g Bồ Bồ) 200 mg	Gói	Việt Nam	3.490,00
1273	Bồ công anh, kim ngân hoa, hạ khô thảo, thổ phục linh, sài đất, thương nhĩ tử, huyền sâm.	NAM DƯỢC TIÊU ĐỘC THỦY	30g, 30g, 30g, 30g, 30g, 25g, 10g.	ml	Việt Nam	320,00
1274	Bột bèo hoa dâu.	Mediphyllamin	Mỗi 100ml chứa: bột chiết bèo hoa dâu (tương đương với 43,2g dược liệu) 3g	ml	Việt Nam	590,00
1275	Bột bèo hoa dâu.	Mediphyllamin	Bột chiết bèo hoa dâu (tương đương 3,6gam dược liệu) 250mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
1276	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thực, Đan sâm, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chi thực, Mạch nha, Nghệ.	Pharnanca	20mg, 400mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg, 400mg, 300mg, 300mg, 400mg, 300mg, 400mg	Viên	Việt Nam	2.250,00
1277	Cam thảo, Đảng sâm nam chế, Dịch chiết men bia (tương đương với men bia)	Phalintop	10ml dung dịch chứa: Cao lỏng (tương đương với: Đảng sâm nam chế 1,5g; cam thảo 0,5g) 3ml; Dịch chiết men bia (tương đương với men bia 10g) 4ml	ml	Việt Nam	400,00
1278	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thực, Can khương.	Khu phong trừ thấp Neutolin	Cam thảo 666mg; Đương quy 1333mg; Hoàng kỳ 2000mg; Khương hoạt 1333mg; Khương hoàng 666mg; Phòng phong 1333mg; Xích thực 1333mg; Can khương 666mg.	gam	Việt Nam	1.887,00
1279	Cao khô lá dâu tằm	Didala	570mg	Viên	Việt Nam	2.500,00
1280	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	Crinaphusa - Trinh Nữ Hoàng Cung	250mg	Viên	Việt Nam	2.800,00
1281	Cao xương hổn hợp, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thực, Can khương, Thục địa.	Dưỡng cốt hoàn	0.75g, 2.4g, 0.3g, 0.6g, 0.6g, 0.15g, 0.6g	gam	Việt Nam	520,00
1282	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	Thuốc ho thảo dược	6g+ 10g+ 10g+ 10g+ 10g+ 8g+ 8g+ 10g	ml	Việt Nam	210,00
1283	Câu đằng, hạ khô thảo, mao căn, linh chi, ích mẫu	TIBIDINE	0,9g; 0,8g; 0,9g; 1g; 0,6g	Viên	Việt Nam	1.500,00
1284	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hộc hoa).	Bảo mạch hạ huyết áp	0.6g, 0.5g, 0.3g, 0.3g, 0.3g, 0.3g, 0.3g, 0.3g, 0.3g, 0.5g, 0.6g	Viên	Việt Nam	2.700,00

1285	Mỗi viên chứa: Cao khô chè dây 135mg tương đương Chè dây 1200mg; Bột mịn chè dây 300mg	Chè dây	1200mg + 300mg	Viên	Việt Nam	714,00
1286	Mỗi viên chứa: Cao khô chè dây 135mg tương đương Chè dây 1200mg; Bột mịn chè dây 300mg	Chè dây	1200mg + 300mg	Viên	Việt Nam	714,00
1287	Chi thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du	Phugia	0,3g+ 0,15g+ 0,1g+ 0,1g+ 0,15g+ 0,1g+ 0,2g+ 0,1g+ 0,05g+ 0,25g	Viên	Việt Nam	987,00
1288	Dầu gió các loại.	Dầu gió xanh vim II	Menthol 0,2760g ,Methyl salicylat 0,0184g/ml	ml	Việt Nam	1.185,00
1289	Diệp cá, Rau má.	Kenmag	75 mg + 300 mg	Viên	Việt Nam	1.386,00
1290	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	Bồ gan P/H	125mg + 100mg + 25mg	Viên	Việt Nam	610,00
1291	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần.	Bình Can	2g; 1g; 2g	Viên	Việt Nam	1.500,00
1292	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi.	Bồ gan tiêu độc LIVDHT	1g; 0,5g; 1g	ml	Việt Nam	700,00
1293	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi	Bồ gan tiêu độc Livsin-94	1500mg; 250mg; 250mg	Viên	Việt Nam	1.800,00
1294	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	Phyllantol	1,8g; 0,5g; 0,05g; 0,05g; 1,5g	Viên	Việt Nam	1.680,00
1295	Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nôi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ	Mát gan giải độc - HT	10ml siro chứa: Diệp hạ châu 600mg ; Nhân trần 500mg; Nhọ nôi 600mg; Râu ngô 1g; Kim ngân hoa 600mg; Nghệ 240mg	ml	Việt Nam	350,00
1296	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ)	VG-5	Cao khô Diệp hạ châu đẳng (tương ứng với 500 mg Diệp hạ châu đẳng) 100 mg; Cao khô Nhân trần (tương ứng 1820 mg Nhân trần) 130 mg; Cao khô Cỏ nhọ nôi (tương ứng với 350 mg Cỏ nhọ nôi) 50 mg; Cao khô Râu bắp (tương ứng với 850 mg Râu bắp) 50 mg	Viên	Việt Nam	968,00
1297	Diệp hạ châu, Nhân trần, cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ)	Dưỡng can tiêu độc	71,5mg, 35,0mg, 31,8mg	Viên	Việt Nam	1.600,00
1298	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	Diệp hạ châu Vạn Xuân	Mỗi 2,4g Cao khô hỗn hợp được liệu tương ứng: (10g; 5g; 2g; 2g; 5g, 1g)	Gói	Việt Nam	4.620,00
1299	Diệp hạ châu.	Hamega	25g	ml	Việt Nam	378,00
1300	Diệp hạ châu.	Diệp hạ châu	Cao khô Diệp hạ châu đẳng (tương ứng với 250mg Diệp hạ châu đẳng) 60mg	Viên	Việt Nam	248,00
1301	Diệp hạ châu.	PQA Mát gan giải độc	10 g	Gói	Việt Nam	8.100,00
1302	Diệp hạ châu.	Diệp hạ châu KH	(tương đương 3000 mg Diệp hạ châu) 300mg	Viên	Việt Nam	345,00
1303	Diệp hạ châu đẳng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	Atiliver Diệp hạ châu	800mg; 200mg; 200mg; 200mg	Viên	Việt Nam	1.950,00

1304	Đan sâm, Tam thất.	Đan sâm - Tam thất	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với: 1000mg; 70mg) 200mg	Viên	Việt Nam	580,00
1305	Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo, Thục địa, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, ích mẫu	Cao lỏng Nguyệt quý	(0,36g; 0,72g; 0,72g; 0,36g; 0,36g; 0,36g; 0,36g; 1,44g; 0,18g)/10ml	ml	Việt Nam	415,00
1306	Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương qui, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì.	Sâm quy đại bổ	Đảng sâm 12,50g; Thục địa 11,67g; Quế chi 0,83g; Ngũ gia bì 6,67g; Đương quy 7,47g; Xuyên khung 2,00g; Long nhãn 0,83g; Trần bì 1,33g.	ml	Việt Nam	202,00
1307	Đảng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	An thần	0,1g+ 0,8g+ 0,3g+ 0,8g	Viên	Việt Nam	2.100,00
1308	Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não, Địa liên, Đại hồi, Thương truật, Quế Chi	CỐT LINH DIỆU	1250mg, 1250mg, 1250mg, 625mg, 625mg, 625mg, 625mg.	ml	Việt Nam	420,00
1309	Hoàng kỳ; Đương quy vĩ ; Xích thược; Xuyên khung; Địa long; Hồng hoa; Đào nhân	Hoạt huyết thông mạch	6g; 0,3g; 0,3g; 0,15g; 0,15g; 0,15g; 0,15g	Viên	Việt Nam	3.500,00
1310	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	A.T hoạt huyết dưỡng	40 mg; 120 mg	ml	Việt nam	575,00
1311	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	Hoạt huyết dưỡng não	150 mg; 5 mg	Viên	Việt Nam	175,00
1312	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	Hoạt huyết Dưỡng Não	200mg ; 30mg	viên	Việt nam	465,00
1313	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế chi, Cam thảo.	Khu phong hóa thấp Xuân Quang	22,50g. 22,50g. 22,50g. 22,50g. 17,50g. 10,00g. 10,00g. 10,00g. 10,00g. 7,50g. 7,50g.	ml	Việt Nam	190,00
1314	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế nhục, Cam thảo.	Tisore (Khu phong hóa thấp Xuân Quang)	1100mg. 1100mg. 1100mg. 1100mg. 800mg. 470mg. 470mg. 470mg. 470mg. 350mg. 350mg.	Viên	Việt Nam	2.975,00
1315	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Thấp Khớp CD	1g, 1g, 1,5g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 0,5g.	Viên	Việt Nam	2.025,00
1316	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung.	V.phonte	Cao khô hỗn hợp dược liệu 390mg (tương ứng với: 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 60mg; 60mg; 60mg; 60mg; 30mg)	Viên	Việt Nam	810,00

1317	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Viên nang cứng độc hoạt tang ký sinh	cao khô hỗn hợp được liệu 310mg tương đương với được liệu: Độc hoạt 300mg; Quế nhục 200mg; Phòng phong 200mg; Đương quy 200mg; Tế tân 200mg; Xuyên khung 200mg; Tần giao 200mg; Bạch thược 200mg; Tang ký sinh 200mg; Địa hoàng 200mg; Đỗ trọng 200mg; Nhân sâm 200mg; Ngưu tất 200mg; Bạch linh 200mg; Cam thảo 200mg	Viên	Việt Nam	800,00
1318	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Phong thấp Khải Hà	0,4g; 0,2g; 0,3g; 0,2g; 0,2g; 0,15g; 0,2g; 0,3g; 0,5g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,15g; 0,3g	gam	Việt Nam	380,00
1319	Đương quy, Bạch quả.	Bổ huyết ích não	0.3g, 0.04g	Viên	Việt Nam	1.100,00
1320	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Hoàng kỳ, Quế nhục	Thập toàn đại bổ A.T	200mg, 66,66mg, 200mg, 133,33mg, 133,33mg, 133,33mg, 133,33mg, 66,66mg, 133,33mg, 33,33 mg	ml	Việt Nam	270,00
1321	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Thập toàn đại bổ	Mỗi viên chứa 480,0 mg cao khô chiết từ các dược liệu khô sau: 440mg; 440mg; 660mg; 440mg; 660mg; 352mg; 660mg; 352mg; 352mg; 440mg	Viên	Việt Nam	1.150,00
1322	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Hoàn Thập toàn đại bổ	Mỗi gói 6 g hoàn cứng chứa: Thục địa 0,9 g; Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương: Đảng sâm 0,9 g; Bạch truật 0,6 g; Phục linh 0,48 g; Cam thảo 0,48 g; Đương quy 0,6 g; Xuyên khung 0,48 g; Bạch thược 0,6 g; Hoàng kỳ 0,9 g; Quế nhục 0,6 g) 4,12 g	gam	Việt Nam	840,00
1323	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Thập toàn đại bổ	Đương quy 75mg; Bạch truật 50mg; Đảng sâm 50mg; Quế nhục 12,5mg; Thục địa 75mg; Cam thảo 25mg; Hoàng kỳ 50mg; Phục linh 50mg; Xuyên khung 25mg; Bạch thược 50mg.	Gói	Việt Nam	2.750,00
1324	Đương quy, đỗ trọng, câu tích, đan sâm, liên nhục, tục đoạn, thiên ma, cốt toái bổ, độc hoạt, sinh địa, uy linh tiên, thông thảo, khương hoạt, hà thủ ô đỏ	Xương Khớp Nhất nhất	750mg; 600mg; 600mg; 450mg; 450mg; 300mg; 300mg; 300mg; 600mg; 600mg; 450mg; 450mg; 300mg; 300mg	viên	Việt nam	4.400,00

1325	Đương quy; Xuyên khung; Thục địa; Bạch thược; Đảng sâm, Bạch linh; Bạch truat; Cam thảo.	Gonsa Bát trân	0,9g; 0,45g; 0,9g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,3g	Gói	Việt Nam	7.000,00
1326	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truat, Cam thảo	Cao Lông Bát Trân	8g,8g, 8g, 8g, 8g, 8g, 8g, 4g	ml	Việt Nam	650,00
1327	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truat, Cam thảo.	Đại bổ khí huyết	500mg; 500mg;500mg; 500mg;500mg; 500mg; 500mg; 250mg	Viên	Việt Nam	830,00
1328	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truat, Cam thảo.	Đại bổ khí huyết	500mg; 500mg;500mg; 500mg;500mg; 500mg; 500mg; 250mg	Viên	Việt Nam	830,00
1329	Mỗi viên chứa: Cao khô gừng 160mg tương ứng gừng tươi 1800mg; Bột mịn gừng khô (can khương) 200mg	Gừng	1800mg + 200mg	Viên	Việt Nam	735,00
1330	Gừng	Viên sủi gừng -HT	120mg	Viên	Việt Nam	3.500,00
1331	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truat, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì.	Xuan	1g; 1g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g	Gói	Việt Nam	3.780,00
1332	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác	Phong tê thấp	30g, 30g, 30g, 30g, 17g, 16,5g, 16,5g	ml	Việt Nam	150,00
1333	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, Phòng kỷ	Phong tê thấp	400mg; 400mg; 400mg; 800mg; 300mg; 300mg; 300mg; 400mg	Viên	Việt Nam	1.600,00
1334	Ngưu tất, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa.	Hoạt huyết thông mạch P/H	(19,2g + 8g + 28,8g + 9,6g + 2,4g + 24g)/200ml	ml	Việt Nam	204,00
1335	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Hoạt huyết CM3	Cao đặc hỗn hợp (tương đương 925 mg được liệu bao gồm: Sinh địa: 500 mg; Đương quy 225 mg; Ngưu tất: 100 mg; Ích mẫu: 100 mg) 450 mg; Bột đương quy (tương đương 50 mg đương quy) 38 mg; Bột xuyên khung (tương đương với 75 mg Xuyên Khung) 61 mg	Viên	việt nam	3.248,00
1336	Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa.	Hoạt huyết Phúc Hưng	Bột Đương quy 120 mg; Cao đặc được liệu (tương đương với Thục địa 400 mg; Ngưu tất 400 mg; Xuyên khung 300 mg; Ích mẫu 300 mg): 240 mg	Viên	Việt Nam	815,00

1337	Cao khô dược liệu (tương đương dược liệu: Hải mã 330 mg; Lộc nhung 330 mg; Nhân sâm 270 mg; Quế 80 mg) 300 mg; Bột mịn dược liệu (tương đương dược liệu: Nhân Sâm 60mg; Quế 20mg) 80mg	Fitôgra –F	330mg + 330mg + 270mg + 80mg + 60mg + 20mg	Viên	Việt Nam	3.990,00
1338	Hoài sơn, Đậu ván trắng, Ý dĩ, Sa nhân, Mạch nha, Trần bì, Nhục đậu khấu, Đảng sâm, Liên nhục.	Cốm bổ tỳ	50g cốm chứa: Hoài sơn 6,4g; Đậu ván trắng 6,4g; Ý dĩ 6,4g; Sa nhân 0,64g; Mạch nha 3g; Trần bì 0,64g; Nhục đậu khấu 0,97g; Đảng sâm 6,4g; Liên nhục 3g	gam	Việt Nam	700,00
1339	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	Dưỡng tâm an thần	Hoài sơn 183mg, Cao khô liên tâm 8mg, Cao khô liên nhục 35mg, Cao khô Bá tử nhân 10mg, Cao khô toan táo nhân 10mg, Cao khô hỗn hợp DTAT (tương ứng Lá dâu 91,25mg + Lá vông 91,25mg + Long nhãn 91,25mg) 80mg	Viên	Việt Nam	630,00
1340	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	Vạn Xuân Hộ não tâm	Cao khô hỗn hợp dược liệu: 190mg (tương ứng với 760mg; 70mg; 70mg; 160mg; 80mg; 60mg; 140mg; 140mg; 140mg)	Viên	Việt Nam	950,00
1341	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử.	Đương quy bổ huyết P/H	285mg (600mg + 150mg +200mg)	Viên	Việt Nam	1.350,00
1342	Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương	Hương liên YBA	0,6g+ 0,6g+ 0,015g+ 0,015g+ 0,0075g+ 0,0075g	Viên	Việt Nam	1.722,00
1343	Hoạt thạch; Cam thảo	TÙNG LỘC THANH NHIỆT TÁN	4,3g; 0,7g	Gam	Việt Nam	1.060,00
1344	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chi, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	Cầm Mạo Thông	Mỗi viên nén bao phim chứa: Bột Hoắc hương (tương đương: 210 mg) 176 mg; Bột lá Tía tô (tương đương với lá Tía tô: 175 mg) 148 mg; Cao khô dược liệu (tương đương với 1191 mg dược liệu bao gồm: Bạch chi: 140 mg; Bạch linh: 175 mg; Đại phúc bì: 175 mg; Thương truật: 175 mg; Hậu phác: 140 mg; Trần bì: 105 mg; Cam thảo: 53 mg; Cát cánh: 88 mg; Bán hạ (bắc) (chế): 105 mg; Can khương: 35 mg) 315 mg	Viên	Việt Nam	1.650,00
1345	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả, (Đào nhân), (Cát cánh).	Cerecaps	Cao khô hỗn hợp (tương ứng với: Hồng hoa 280mg; Đương quy 685mg; Xuyên khung 685mg; Sinh địa 375mg; Cam thảo 375mg; Xích thược 375mg; Sài hồ 280mg; Chi xác 280mg; Ngưu tất 375mg) 595mg; Cao khô lá bạch quả (tương đương 3.6mg flavonoid toàn phần) 15mg	Viên	Việt Nam	2.660,00

1346	Phèn chua 500 mg; Mai mực 274 mg; Cao khô Huyền hồ sách (tương đương Huyền hồ sách 126 mg) 40 mg	Dạ dày tá tràng – f	500mg + 274mg + 40 mg	Viên	Việt Nam	1.134,00
1347	300mg cao khô được liệu tương đương: Hy thiêm 760mg; Thương nhĩ tử 400mg; Dây đau xương 400mg; Thổ phục linh 320mg; Hà thủ ô đỏ chế 320mg; Thiên niên kiện 300mg; Huyết giác 300mg; Bột mịn được liệu gồm: Hà thủ ô đỏ chế 80mg; Thổ phục linh 80mg; Hy thiêm 40mg	Rheumapain -F	760mg + 400mg + 400mg + 320mg + 320mg + 300mg + 300mg + 80mg + 80mg + 40mg	Viên	Việt Nam	920,00
1348	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cầu tích, Thổ phục linh.	Phong thấp ACP	600mg (tương đương 120mg cao khô); 800mg (tương đương 160mg cao khô); 300mg (tương đương 60mg cao khô); 50mg (tương đương 10mg cao khô); 50mg (tương đương 10mg cao khô)	Viên	Việt Nam	950,00
1349	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Cao Phong thấp	200g, 10g	ml	Việt Nam	160,00
1350	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Hoàn phong thấp	cao đặc hỗn hợp được liệu 290mg	Viên	việt nam	2.450,00
1351	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Phong thấp nang	2,857g, 143g	Viên	Việt Nam	1.680,00
1352	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện.	Hỏa long	0.56g, 0.56g, 0.4g, 0.4g, 0.56g, 0.4g, 0.4g, 0.4g, Tá được vđ 4g.	Gói	Việt Nam	4.000,00
1353	Ích mẫu, Bạch thược, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách, Phục linh.	Đương qui dưỡng huyết Xuân Quang	37,50g. 18,75g. 18,75g. 15,00g. 18,75g. 18,75g. 15,00g. 9,25g. 37,50g. 9,25g.	ml	Việt Nam	190,00
1354	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).	Ích mẫu	4,200g; 1,312g; 1,015g	Viên	Việt Nam	480,00
1355	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 150mg tương đương: Kim ngân hoa 284mg; Liên kiều 284mg; Cát cánh 240mg; Đạm đậu xị 200mg; Ngưu bàng tử 180mg; Kinh giới 160mg; Đạm trúc điệp 160mg; Cam thảo 140mg; Bạc hà 24mg. Bột mịn được liệu gồm: Kim ngân hoa 116mg; Liên kiều 116mg; Ngưu bàng tử 60mg; Cam thảo 60mg	Ngân kiều giải độc –F	284mg + 284mg + 240mg + 200mg + 180mg + 160mg + 160mg + 140mg + 24mg + 116mg + 116mg + 60mg + 60mg	Viên	Việt Nam	650,00

1356	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 150mg tương đương: Kim ngân hoa 284mg; Liên kiều 284mg; Cát cánh 240mg; Đạm đậu xị 200mg; Ngưu bàng tử 180mg; Kinh giới 160mg; Đạm trúc điệp 160mg; Cam thảo 140mg; Bạc hà 24mg. Bột mịn được liệu gồm: Kim ngân hoa 116mg; Liên kiều 116mg; Ngưu bàng tử 60mg; Cam thảo 60mg	Ngân kiều giải độc -F	284mg + 284mg + 240mg + 200mg + 180mg + 160mg + 160mg + 140mg + 24mg + 116mg + 116mg + 60mg + 60mg	Viên	Việt Nam	650,00
1357	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng.	Forvim (Ngân kiều giải độc Xuân Quang)	1500mg. 1500mg. 1500mg. 1150mg. 1150mg. 750mg.	Viên	Việt Nam	2.780,00
1358	Kim ngân hoa, Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	Khang Minh thanh huyết	300mg; 300mg; 150mg; 200mg; 150mg; 300mg; 50mg	Viên	Việt Nam	1.930,00
1359	Kim ngân, hoàng cầm, liên kiều, thăng ma.	Nam dược giải độc	0.32g, 0.32g, 0.64g, 0.4g.	Viên	Việt Nam	2.000,00
1360	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	Kim tiền thảo bài thạch	Cao đặc hỗn hợp được liệu 220 mg tương ứng với các được liệu: Kim tiền thảo 1.000 mg; Nhân trần 250 mg; Hoàng cầm 150 mg; Nghệ 250 mg; Bình lang 100 mg; Chỉ thực 100 mg; Hậu phác 100 mg; Bạch mao căn 500 mg; Mộc hương 100 mg; Đại hoàng 50 mg	Viên	Việt Nam	855,00
1361	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	Kim tiền thảo HL	120 mg; 35mg	Viên	Việt Nam	265,00
1362	Kim tiền thảo, Râu mèo.	Kim tiền thảo	2400mg; 1000mg	Viên	Việt Nam	1.445,00
1363	Kim tiền thảo, Trạch tả	Viên kim tiền thảo trạch tả	3g; 3g	gam	Việt Nam	940,00
1364	Kim tiền thảo.	Sirnakarang	Mỗi gói 6g chứa: Cao khô kim tiền thảo 1g	gam	Việt Nam	1.000,00
1365	Kim tiền thảo.	Kim tiền thảo HM	600 mg	Gói	Việt Nam	3.800,00
1366	Kim tiền thảo.	Kim Tiền thảo	120 mg	viên	việt nam	200,00
1367	Kim tiền thảo.	Kim tiền thảo	Cao khô (tương đương 4g Kim tiền thảo) 0,28g	Viên	Việt Nam	410,00
1368	kha tử , cam thảo , bạch truật , bạch thược , mộc hương , hoàng liên	Đại tràng - HD	200mg ; 25mg ; 10 mg ; 10mg ; 100mg ; 50mg	viên	Việt nam	1.000,00
1369	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh.	Phong Thấp Trung Ương I	330 mg; 1670 mg; 670 mg; 670 mg;	Viên	Việt Nam	2.100,00
1370	Liên Diệp , vông nem , lạc tiên , Bình Vôi	Viên An Thần Rutynda	480mg ; 480mg ;480mg ; 720mg	viên	Việt nam	1.000,00
1371	Lá thường xuân.	Massoft	Mỗi 100ml siro chứa: Cao khô lá thường xuân (tỷ lệ 5-7,5:1) 700mg	ml	Việt Nam	240,00
1372	Lá thường xuân.	Capilusa	26mg	Viên	Việt Nam	5.000,00
1373	Lá xoài.	Dung dịch vệ sinh Manginovim	0,2%	ml	Việt Nam	440,00
1374	Lá xoài.	Dung dịch dùng ngoài Maginovim	Dịch chiết lá xoài (0,2% mangiferin), camphor ,methol	ml	Việt Nam	1.066,00

1375	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu	Cao Lạc Tiên	100g, 60g, 20g	ml	Việt Nam	160,00
1376	Linh chi, Đương quy	Linh chi – F	500mg, 300mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
1377	Long đởm, Actiso, Chi tử, Đại hoàng, Trạch tả, Địa hoàng, Nhân trần, Hoàng Cầm, Sài hồ, Cam thảo.	Lương Huyết Tiêu Độc Gan	6.3g; 10.5g; 10.5g; 21g; 21g; 6.3g; 12.6g; 10.5g; 12.6g, 6.3g	ml	Việt Nam	248,00
1378	Ma hoàng, Hạnh nhân/Khô hạnh nhân, Quế Chi/Thạch cao, Cam thảo.	Thuốc ho K/H	Mỗi chai 100 ml chứa các chất chiết xuất từ: Ma hoàng 15g; Quế chi 10g; Khô hạnh nhân 20g; Cam thảo 10g	ml	Việt Nam	250,00
1379	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ phục linh.	Phong tê thấp	14mg, 14mg, 14mg, 12mg, 8mg, 16mg, 16mg, 20mg	Viên	Việt Nam	400,00
1380	Mã tiền chế, Quế Chi, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ phục linh.	Phong tê thấp HD New	70mg + 40mg + 70mg + 70mg + 60mg + 80mg + 80mg + 100mg	Viên	Việt Nam	1.495,00
1381	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).	FENGSHI-OPC Viên Phong Thấp	Bột mã tiền chế (tính theo Strychnin) 0,7mg; Hy thiêm 852mg; Ngũ gia bì chân chim 232mg; Tam thất 50mg.	Viên	Việt Nam	840,00
1382	Bột mã tiền, Hy thiêm, Ngũ gia bì chân chim	Phong tê thấp HD	150mg; 3000mg; 1500mg	gam	Việt Nam	1.167,00
1383	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).	Hydan 500	22mg; 50mg; 70mg	Viên	Việt Nam	235,00
1384	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	Frentine	50mg ; 20mg ; 13mg ; 8mg; 6mg ; 3mg	viên	Việt nam	1.800,00
1385	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.	Marathone	50mg; 11,5mg; 11,5mg; 11,5mg; 11,5mg; 11,5mg; 11,5mg	Viên	Việt Nam	1.050,00
1386	Bột nghệ vàng; Mật ong	NGHỆ MẬT ONG TÙNG LỘC	150mg; 65mg	Viên	Việt Nam	110,00
1387	Mật ong, Nghệ	Nghệ mật ong	Mỗi 5g hoàn cứng chứa: Nghệ 3,2g; Mật ong 0,48g	gam	Việt Nam	580,00
1388	Men bia	Biosmartmin	4000mg	Viên	Việt Nam	2.600,00
1389	Nghệ vàng	Tumegas	mỗi 15ml chứa bột nghệ vàng 4,5g	ml	Việt Nam	497,00
1390	Ngũ sắc, (Tân di hoa, Thương Nhĩ Tử).	Thông xoang Nam Dược	5g, 5g, 5g	ml	Việt Nam	2.665,00
1391	Ngũ sắc, (Tân di hoa, Thương Nhĩ Tử).	PQA Ngũ sắc	15 g	ml	Việt Nam	2.467,00
1392	Ngũ vị tử.	Hepaschis	Cao khô Ngũ vị tử (tương ứng 3g ngũ vị tử) 300mg	Viên	Việt Nam	830,00

1393	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 300mg tương đương: Lộc nhung 210mg; Nhân sâm 190mg; Đỗ trọng 105mg; Thục địa 105mg; Ngưu tất 105mg; Hà thủ ô đỏ 105mg; Ba kích 105mg; Nhục thung dung 105mg; Sơn thù 105mg; Bạch truật 105mg; Kim anh 105mg; Cam thảo 105mg; Đương quy 85mg; Phục linh 85mg; Xuyên khung 85mg; Quế nhục 85mg. Bột mịn được liệu gồm: Nhân sâm 20mg; Đương quy 20mg; Phục linh 20mg; Xuyên khung 20mg; Quế nhục 20mg	Song hảo đại bổ tinh –F	210mg + 190mg + 105mg + 105mg + 105mg + 105mg + 105mg + 105mg + 105mg + 85mg + 85mg + 85mg + 85mg + 20mg + 20mg + 20mg + 20mg + 20mg	Viên	Việt Nam	1.260,00
1394	Nhân sâm, Nhung hươu	Thuốc uống sâm nhung	Mỗi ống 10ml chứa dịch chiết từ các dược liệu tương ứng với: Nhung hươu 0,083g; Nhân sâm 0,25g	ml	Việt Nam	680,00
1395	Nhân sâm, Nhung hươu, Cao ban long	Viên nang sâm nhung HT	20mg, 25mg, 50mg	Viên	Việt Nam	4.190,00
1396	Nhân sâm, Tam thất.	Nhân sâm tam thất TW3	50mg, 20mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
1397	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương).	Botidana	230mg cao đặc tương đương với: 432mg Bạch linh và 432mg Bạch truật, 170mg cao đặc tương đương với: 250mg Đảng sâm, 216mg Bán hạ chế, 173mg Sa nhân, 151mg Cam thảo, 173mg Trần bì, 215mg Mộc hương	Viên	Việt Nam	700,00
1398	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương).	Viên nang Ninh khôn	330mg cao khô (tương đương với 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 0,3g; 0,6g; 0,6g; 0,3g)	Viên	Việt Nam	880,00
1399	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	Bổ trung ích khí	Cao khô hỗn hợp 190mg (tương đương: Hoàng kỳ 733mg; Cam thảo 327mg; Bạch truật 250mg; Trần bì 250mg; Thăng ma 250mg; Sài hồ 250mg; Đương quy 195mg; Nhân sâm 195mg; Đại táo 167mg; Gừng tươi 83mg); Bột mịn Hoàng kỳ 100mg; Bột mịn Cam thảo 90mg; Bột mịn Đương quy 55mg; Bột mịn nhân sâm 55mg	Viên	Việt Nam	840,00

1400	Mỗi 10g chứa: Bạch truật 0,23g; Hoàng kỳ 1,02g; Cam thảo 0,23g; Sài hồ 0,23g; Đại táo 1,02g; Thăng ma 0,23g; Đảng sâm 1,28g; Trần bì 0,23g; Đương quy 0,23g; Gừng 0,12g	HOÀN BỔ TRUNG ÍCH KHÍ	Mỗi 10g chứa: Bạch truật 0,23g; Hoàng kỳ 1,02g; Cam thảo 0,23g; Sài hồ 0,23g; Đại táo 1,02g; Thăng ma 0,23g; Đảng sâm 1,28g; Trần bì 0,23g; Đương quy 0,23g; Gừng 0,12g	Gam	Việt Nam	620,00
1401	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Mát gan tiêu độc Hanaliver	Mỗi 125ml siro chứa: Cao đặc hỗn hợp (tương đương: nhân trần 15g, bồ công anh 10g, cúc hoa 5g, kim ngân hoa 5g, cam thảo 1,87g, actiso 10g) 4,7g	ml	Việt Nam	247,00
1402	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Thanh nhiệt tiêu độc Livergood	Cao đặc hỗn hợp 315mg tương đương: Nhân trần 1000mg; Bồ công anh 670mg; Cúc hoa 340mg; Kim ngân hoa 340mg; Cam thảo 125mg; Actiso 670mg	Viên	Việt Nam	2.098,00
1403	Nhân trần bắc, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương quy, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, Cam thảo.	Benedyn	18,56g. 9,10g. 9,12g. 7,00g. 7,00g. 7,00g, 4,60g. 4,60g. 4,60g. 2,30g.	gam	Việt Nam	1.030,00
1404	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương quy, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, Cam thảo, Mộc thông.	Giải độc gan Xuân Quang	1,70g. 0,83g. 0,83g. 0,60g. 0,60g. 0,60g. 0,83g. 0,42g. 0,42g. 0,23g. 0,42g.	Viên	Việt Nam	2.780,00
1405	Phòng đăng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo	Gastro-max	Mỗi gói 5 g chứa: Phòng đăng sâm 0,5 g; Thương truật 1,5 g; Hoài sơn 1,0 g; Hậu phác 0,7 g; Mộc hương 0,5 g; Ô tặc cốt 0,5 g; Cam thảo 0,3 g	gam	Việt Nam	720,00
1406	Quy bản, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu.	Superyin	Mỗi 430mg cao khô hỗn hợp được liệu tương ứng: (1,5g; 1,5g; 0,5g; 0,5g)	Viên	Việt Nam	1.260,00
1407	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 340mg tương đương: Sài đất 500mg; Kinh giới 500mg; Thương nhĩ tử 480mg; Phòng phong 375mg; Đại hoàng 375mg; Thổ phục linh 290mg; Liên kiều 125mg; Hoàng liên 125mg; Kim ngân hoa 120mg; Bạch chi 75mg; Cam thảo 25mg. Bột mịn được liệu gồm: Thổ phục linh 85mg; Kim ngân hoa 30mg; Bạch chi 25mg; Thương nhĩ tử 20mg	Thanh nhiệt tiêu độc –F	500mg + 500mg + 480mg + 375mg + 375mg + 290mg + 125mg + 125mg + 120mg + 75mg + 25mg + 85mg + 30mg + 25mg + 20mg	Viên	Việt Nam	735,00
1408	Sài hồ , bạch truật , Gừng , Phục linh , đương quy , bạch thược , Cam thảo , bạc hà	Tiêu dao đông dược việt	300mg ; 300mg ; 300mg; 300mg ; 300mg; 300mg;240mg ; 60mg	viên	Việt nam	905,00
1409	Sài hồ , bạch truật , gừng , phục linh , đương quy , bạch thược , cam thảo , bạc hà	Tiêu dao đông dược việt	300mg ; 300mg ; 300mg ; 300mg ; 300mg ; 300mg ; 240mg ; 60mg	viên	Việt nam	905,00

1410	Sài hồ, Tiên hồ, Xuyên khung, Chi xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh, Cát cánh, Đảng sâm, Cam thảo.	Panaxanti	260mg ; 260mg; 195mg ; 195mg; 260mg ; 260 mg; 260mg ; 260mg ; 130mg ; 130 mg	viên	Việt nam	4.000,00
1411	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Tư âm thanh phế	Cao lỏng chứa dịch chiết từ các dược liệu tương ứng: Sinh địa 32g; Mạch môn 24g; Huyền sâm 24g; Cam thảo 16g; Bối mẫu 12g; Bạch thược 12g; Đan bì 12g	Gói	Việt Nam	6.990,00
1412	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Dưỡng Âm Thanh Phế Thủy	44g; 33g; 33g; 27.5g; 27.5g; 33g; 22g	ml	Việt Nam	188,00
1413	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Bổ Phế Trị Ho	200mg; 150mg; 250mg; 200mg; 100mg; 200mg; 200mg	Viên	Việt Nam	2.100,00
1414	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử/Câu kỷ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao).	Diatyp	300mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 25.5mg, 22.5mg, 22.5mg, 15mg, 15mg, 75mg	Viên	Việt Nam	2.200,00
1415	Sinh địa; Mạch môn; Thiên hoa phấn; Hoàng kỳ; Kỳ tử; Bạch linh; Ngũ vị tử; Mẫu đơn bì; Hoàng liên; Nhân sâm; Thạch cao	Tieukhatling Caps	400mg; 200mg; 200mg; 200mg; 200mg; 34mg; 30mg; 30mg; 20mg; 20mg; 100mg	Viên	Việt Nam	3.200,00
1416	Mỗi viên chứa: Cao khô dược liệu 260mg tương đương: Sinh địa 400mg; Mạch môn 133,3mg; Thiên môn đông 133,3mg; Táo nhân 133,3mg; Bá tử nhân 133,3mg; Huyền sâm 66,7mg; Viễn chí 66,7mg; Ngũ vị tử 66,7mg; Đảng sâm 53,3mg; Đương quy 53,3mg; Đan sâm 46,7mg; Phục thần 46,7mg; Cát cánh 26,7mg. Bột mịn dược liệu gồm: Đương quy 80mg; Đảng sâm 80mg; Cát cánh 40mg; Đan sâm 20mg; Phục thần 20mg	An thần bổ tâm -F	400mg + 133,3mg + 133,3mg + 133,3mg + 133,3mg + 66,7mg + 66,7mg + 66,7mg + 53,3mg + 53,3mg + 46,7mg + 46,7mg + 26,7mg + 80mg + 80mg + 40mg + 20mg + 20mg	Viên	Việt Nam	777,00
1417	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	Dưỡng tâm an thần Vinaplant	Mỗi 3g chứa: Đan sâm 0,07g; Huyền sâm 0,07g; Đương quy 0,28g; Viễn chí 0,07g; Toan táo nhân 0,28g; Bá tử nhân 0,07g; Bạch linh 0,07g; Đảng sâm 0,07g; Cát cánh 0,07g; Ngũ vị tử 0,14g; Mạch môn 0,28g; Chu sa 28 mg; Thiên môn đông 0,28g; Sinh địa 0,56g	gam	Việt Nam	4.200,00

1418	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	An Thần Bỏ Tâm	288mg; 36mg; 36mg; 36mg; 36mg; 72mg; 36mg; 36mg; 72mg; 72mg; 72mg; 72mg; 72mg; 36mg	Viên	Việt Nam	1.190,00
1419	Sử quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương	Fitôbaby	22,5g, 22,5g, 12,5g, 12,5g, 10g, 2,5g, 2,5g	ml	Việt Nam	160,00
1420	Tam thất.	Tam thất Vinaplant	Mỗi gói bột 3g chứa: bột tam thất 1g	gam	Việt Nam	3.600,00
1421	Tam thất.	Tam thất bỏ máu - YB	0,6g	Viên	Việt Nam	3.880,00
1422	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo.	Khang Minh tỷ viêm nang	600mg; 300mg; 300mg; 300mg; 50mg	Viên	Việt Nam	2.200,00
1423	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	Thông xoang tán Nam Dược	200mg, 200mg, 300mg, 200mg, 200mg, 100mg, 200mg, 100mg	Viên	Việt Nam	1.900,00
1424	Tân giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Thấp khớp hoàn P/H	0,1g + 0,1g + 0,15g + 0,12g + 0,5g + 0,4g + 0,5g + 0,5g + 0,5g + 0,5g + 0,4g + 0,5g + 0,40g	gam	Việt Nam	1.000,00
1425	Tinh dầu trầm, (Mỡ trăn), (Nghệ).	Trancumin dầu trị bông	Tinh dầu trầm 4,5g; Mỡ trăn 13,675g; Nghệ 0,125g.	ml	Việt Nam	630,00
1426	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	An thần đông dược việt	Cao đặc hỗn hợp dược liệu 500mg (tương đương với 2.160mg dược liệu bao gồm: Tri mẫu 480mg; Xuyên khung 240mg; Cam thảo 160mg; Toan táo nhân 800mg; Phục linh 480mg)	Viên	Việt Nam	3.150,00
1427	Cao tỏi; Cao nghệ	Dogarlic	140mg+15mg	Viên	Việt Nam	497,00
1428	Tô mộc.	Op.Zen Viên tiêu sưng giảm đau	Cao khô tô mộc 160mg	Viên	Việt Nam	630,00
1429	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tân giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).	Phong Dan	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Tục đoạn 500mg; Phòng phong 500mg; Hy thiêm 500mg; Độc hoạt 400mg; Tân giao 400mg; Đương quy 300mg; Ngưu tất 300mg; Thiên niên kiện 300mg; Hoàng kỳ 300mg; Đỗ trọng 200mg; bạch thược 300mg; xuyên khung 300mg) 560mg; Bột mã tiền chế 40mg	Viên	Việt Nam	2.920,00
1430	Mỗi viên chứa 120 mg cao khô toàn phần chiết từ 1500 mg dược liệu gồm : Thanh cao; Kim ngân hoa; Địa liên; Tía tô; Kinh giới; Thích gia đẳng, Bạc hà.	VIÊN CẨM CÚM-BVP	415mg, 200mg, 200mg, 200mg, 200mg, 200mg, 85mg	Viên	Việt Nam	995,00

1431	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sô khô.	Flavital 500	25mg; 25mg; 25mg; 25mg; 25mg; 50mg; 500 mg	Viên	Việt Nam	2.700,00
1432	Thục địa, Đương quy, Bạch thược, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu, Hương phụ	Kimazen Bổ huyết điều kinh	0,48g; 0,48g; 0,32g; 0,24g; 0,96g; 0,48g; 0,48g	ML	Việt Nam	750,00
1433	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 243,3mg (tương đương Thục địa 400mg; Sơn thù 200mg; Trạch tả 150mg; Mẫu đơn bì 150mg; Câu kỷ tử 100 mg; Hoài sơn 80mg; Phục linh 70mg; Cúc hoa 43,3mg). Bột mịn được liệu gồm Hoài sơn 120mg; Phục linh 80mg; Cúc hoa 56,7mg.	Sáng mắt –F	243,3mg + 400mg + 200mg + 150mg + 150mg + 100 mg + 80mg + 70mg + 43,3mg + 120mg + 80mg + 56,7mg	Viên	Việt Nam	903,00
1434	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 280mg tương đương: Thục địa 800mg; Hoài sơn 344mg; Sơn thù 344mg; Trạch tả 300mg; Phục linh 300mg; Mẫu đơn bì 244mg; Quế 36,67 mg; Phụ tử chế 16,67 mg. Bột mịn được liệu gồm: Hoài sơn 56mg; Sơn thù 56mg; Mẫu đơn bì 56mg; Phụ tử chế 33,33 mg; Quế 13,33 mg	Bát vị	800mg + 344mg + 344mg + 300mg + 300mg + 244mg + 36,67mg + 16,67mg + 56mg + 56mg + 56mg + 33,33 + 13,33 mg	Viên	Việt Nam	735,00
1435	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.	Hoàn bát vị bổ thận dương	Thục địa 78,75mg; Hoài sơn 72mg; Mẫu đơn bì 48,75mg; Trạch tả 48,75mg; Phục linh 48,75mg; Sơn thù 66mg; Phụ tử chế 16,5mg; Quế nhục 16,5mg.	gam	Việt Nam	725,00
1436	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.	Bát vị Vinaplant	1,07g; 0,53g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,53g; 0,13g; 0,13g	Viên	Việt Nam	5.950,00
1437	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Viên nang cứng Lục vị	550mg cao đặc (tương đương với 1,408g; 0,704g; 0,704g; 0,528g; 0,528g; 0,528g)	Viên	Việt Nam	560,00
1438	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Lục vị Vinaplant	Mỗi viên hoàn mềm 8g chứa: Thục địa 1,15g; Hoài Sơn 0,58g; Sơn Thù 0,58g; Mẫu đơn bì 0,43g; Phục linh 0,43g; Trạch tả 0,43g	Viên	việt nam	3.200,00
1439	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Hoàn lục vị	Mỗi gói 5g chứa: Thục địa 1,3g; Hoài sơn 0,6g; Sơn thù 0,6g; Bạch linh 0,4g; Đơn bì 0,4g; Trạch tả 0,4g	gam	việt nam	635,00
1440	Thục địa, Hoài Sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Viên nang cứng Lục vị	550mg cao đặc (tương đương với 1,408g; 0,704g; 0,704g; 0,528g; 0,528g; 0,528g)	Viên	Việt Nam	560,00

1441	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà.	Xoang Vạn Xuân	200mg; 200mg; 200mg; 200mg; 150mg; 200mg; 100mg	Viên	Việt Nam	829,00
1442	Ké đầu ngựa, Tân di hoa, Cỏ cút lợn, Bạch chỉ, Tế tân, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Cát cánh, Sài hồ bắc, Bạc hà, Hoàng cầm, Dành dành, Phục linh	Xoang Gadoman	500mg; 350mg; 350mg; 150mg; 100mg; 100mg; 100mg; 100mg; 100mg; 50mg; 50mg; 50mg; 50mg	Viên	Việt Nam	2.300,00
1443	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chi xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương.	Caltestin (Viêm đại tràng Xuân Quang)	1,50g. 1,50g, 0,80g. 0,50g. 0,50g. 0,50g. 0,50g. 0,50g. 0,50g. 0,30g. 0,30g.	Viên	Việt Nam	2.975,00
1444	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thước, Nhục quế	Tadimax	Cao khô Trinh nữ hoàng cung (tương ứng với 2000 mg lá trinh nữ hoàng cung) 80 mg; Cao khô hỗn hợp (tương ứng với 666 mg Tri mẫu; 666 mg Hoàng bá; 666 mg Ích mẫu; 83 mg Đào nhân; 830 mg Trạch tả; 500 mg Xích thước) 320 mg; Nhục quế 8,3 mg	Viên	Việt Nam	3.450,00
1445	Xích đồng nam, Ngấy hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	Hoàn xích hương	Mỗi 50g hoàn cứng chứa: Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với Xích đồng nam 50g, Ngấy hương 50g) 10g; Thục địa 10g; Hoài sơn 10g; Mẫu đơn bì 8g; Bạch linh 8g; Trạch tả 8g; Mật ong 2g	gam	Việt Nam	760,00
1446	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	H'Tiên -YBA	12g+ 12g+ 12g+ 12g+ 6g+ 6g+ 4g+ 4g+ 4g	ml	Việt Nam	264,00
1447	Dầu gió các loại.	Dầu gió xanh vim II	menthol 0276g, Methy salicylat 0,0184/1ml	ml	Việt Nam	1.185,00
1448	Diệp hạ châu.	A.T Diệp hạ châu	1050mg	Viên	Việt Nam	246,00
1449	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thước, Ngưu tất, Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung.	V.phonte	Cao khô hỗn hợp dược liệu 390mg (tương ứng với: 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 330mg; 60mg; 60mg; 60mg; 60mg; 30mg)	Viên	Việt Nam	810,00
1450	Nghệ vàng.	Tumegas	mỗi 15ml chứa bột nghệ vàng 4.5g	Gói	Việt Nam	7.455,00
1451	Sinh địa; hồ ma; đào nhân; tang diệp; thảo quyết minh; trần bì.	NAM DUỘC NHUẬN TRÀNG KHANG	0.55g, 0.27g, 0.27g, 0.27g, 0.27g, 0.18g.	Viên	Việt Nam	2.000,00

1452	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).	Tuzamin	Cao khô hỗn hợp (trương đương với Tục đoạn 250mg; Phòng phong 250mg; Hy thiêm 250mg; Độc hoạt 200mg; Tần giao 200mg; Đương quy 150mg; Ngưu tất 150mg; Thiên niên kiện 150mg; Hoàng kỳ 150mg; Đỗ trọng 100mg) 240mg; Bột bạch thược 150mg; Bột xuyên khung 150mg	Viên	Việt Nam	2.259,00
1453	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch trạch, Bạch hà.	Xoang Vạn Xuân	200mg; 200mg; 200mg; 200mg; 150mg; 200mg; 100mg	Viên	Việt Nam	829,00
1454	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 250	250mg	Viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	1.400,00
1455	Imipenem + cilastatin	Raxadin	500mg+500mg	Lọ	Demo S.A. Pharmaceutical Industry/ Greece	68.000,00
1456	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meropenem Kabi 1g	1g	Lọ	ACS Dobfar S.P.A/Ý	125.545,00
1457	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat 570mg)	Meropenem Kabi 500mg	500mg	Lọ	ACS Dobfar S.P.A/Ý	59.997,00
1458	Morphin	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	10mg/1ml	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	4.746,00
1459	Fentanyl	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML	50.0mcg/ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH/ Germany	12.999,00
1460	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam	5mg/ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH/ Germany	18.900,00
1461	Levofloxacin*	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml	500mg	Chai	Cooper S.A. Pharmaceuticals/ Hy Lạp	76.440,00
1462	Ceftazidim	Zidimbiotic 1000	1g	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd/ Việt Nam	9.450,00

1463	Phenobarbital natri	Barbit injection 1ml	200mg/ml	Ống	Incepta pharmaceuticals Ltd./ Bangladesh Panpharma (tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	14.070,00
1464	Heparin (natri)	Heparin	25.000 UI/ 5ml	Lọ	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	199.500,00
1465	Kali clorid	Kali Clorid Kabi 10%	1g/ 10ml	Ống	Sanofi Winthrop Industrie	1.229,00
1466	Enoxaparin Natri	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd./ Taiwan	89.650,00
1467	Dexamethason	Siuguandexaron injection	4mg/ 2ml	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories /Indonesia	4.800,00
1468	Dobutamine (dưới dạng dobutamine HCL)	Butavell	50mg/ml	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	37.395,00
1469	Atracurium Besylate	Notrixum	25mg/2,5ml	Ống	Bieffe Medital S.p.A/ Ý	25.523,00
1470	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Prismasol B0		Túi		700.000,00
1471	Vắc xin ngừa bạch hầu, uốn ván, ho gà, bại liệt	Tetraxim	Giải độc tố bạch hầu >= 30IU; Giải độc tố uốn ván >= 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm: giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Liều	Pháp	378.672,00

1472	Vắc xin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, HiB	Hexaxim	Mỗi liều 0,5ml chứa: * Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; * Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; * Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; * Virus bại liệt (bất hoạt): - Típ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D; - Típ 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D; - Típ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; * Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate) 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Bơm Tiêm	Pháp	824.000,00
1473	Vắc xin ngừa dại	Verorab Vắc Xin Dại (Bất Hoạt); Điều Chế Trên Canh Cây Tế Bào	Virus dại (chủng Wistar Rabies PM/WI38-1503-3M) >= 2,5 IU bất hoạt	Lọ	Pháp	226.000,00
1474	Vắc xin ngừa Sởi, Quai bị, Rubella	M-M-R ®Ii (Cơ Sở Sản Xuất Dung Môi: Jubilant Hollisterstier Llc - Đ/C: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S.99207 - Usa)	Virus sởi >= 1000 CCID50; Virus quai bị >= 12500 CCID50; virus rubella >= 1000 CCID50	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	164.620,00
1475	Vắc xin ngừa tiêu chảy do rotavirus	Rotateq	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant >= 2,2 triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant >= 2,8 triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant >= 2,2 triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant >= 2,0 triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant >= 2,3 triệu IU	Tuýp	Mỹ	535.320,00
1476	Vắc xin ngừa Thủy đậu	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	714.440,00
1477	Vắc xin ngừa ung thư cổ tử cung	Gardasil	Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi rút HPV ở người típ 6, 11, 16, 18. Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	1.509.600,00

1478	Vắc xin phế cầu 13 giá trị	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Bơm tiêm	CSSX: Ai Len, CSDG: Anh	1.077.300,00
1479	Vắc-xin kết hợp bạch hầu - uốn ván - ho gà	Boostrix	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 μ g; Filamentous Haemagglutinin 8 μ g; Pertactin 2,5 μ g	Hộp	Pháp và chứng nhận xuất xưởng Bỉ	598.000,00
1480	Huyết thanh kháng dại	Huyết Thanh Kháng Dại Tinh Chế (Sar)	Kháng thể kháng vi rút dại 1000IU	Lọ	Việt Nam	337.050,00
1481	Huyết thanh kháng uốn ván	Sat (Huyết Thanh Kháng Độc Tố Uốn Ván Tinh Chế)	huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế, (1500 IU/ống)	Ống	Việt Nam	25.263,00
1482	Vắc xin ngừa uốn ván	Vắc Xin Uốn Ván Hấp Phụ (Tt)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	Ống	Việt Nam	13.440,00
1483	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Vắc Xin Viêm Gan B Tái Tổ Hợp Gene-Hbvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20mcg/1ml	Lọ	Việt Nam	65.940,00
1484	vắc xin phòng bệnh cúm mùa dạng mảnh bất hoạt	Ivacflu-S (VắC Xin Cúm Mùa Dạng Mảnh Bất Hoạt)	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm các chủng: - Chủng A/H1N1 (NYMC X-179A), A/California/07/2009); - Chủng A/H3N2 (NYMC X-263B), A/HongKong/4801/2014); - Chủng B (NYMC BX-35, B/Brisbane/60/2008)	Lọ	Việt Nam	149.100,00
1485	Vắc xin phòng bệnh tiêu chảy do Rotavirus	Rotavin-M1	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8] ≥ 2 triệu PFU/2ml	Lọ	Việt Nam	350.000,00
1486	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt	Vắc Xin Viêm Gan A Tinh Khiết, Bất Hoạt - Havax	Protein bao gồm kháng nguyên vi rút viêm gan A tinh khiết <100mcg/0,5ml	Lọ	Việt Nam	95.400,00

1487	Vắc-xin phòng bệnh viêm gan B	Gene-Hbvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 10mcg/0,5ml	Lọ	Việt Nam	45.045,00
1488	Vaccin ngừa đại tể bào vero	Indirab	Kháng nguyên tinh chế từ virus Đại chủng Pitman Moore $\geq 2,5$ IU/0,5ml	Lọ	Ấn Độ	155.500,00
1489	Vaccin ngừa đại tể bào vero	Speeda	Kháng nguyên virus đại tinh chế chủng L-Pasteur PV-2061 $\geq 2,5$ IU	Lọ	Trung Quốc	159.600,00
1490	Vaccin viêm não nhật bản	Jeev	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2) - 3mcg/0,5ml	Lọ	Ấn Độ	253.000,00
1491	Vắc xin ngừa các bệnh gây ra do phế cầu khuẩn	Synflorix	Một liều 0,5 ml có chứa: 1µg polysaccharide của các tuýp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2 và 23F1,2 và 3µg của các tuýp huyết thanh 41,2, 18C1,3 và 19F1,2	Liều	Nước xuất xưởng: Bỉ; Nước sản xuất và đóng gói: Pháp	829.900,00
1492	Vắc xin ngừa cúm Nam - Bắc bán cầu	Influvac (Vắc Xin Phòng Bệnh Cúm Mùa)	A/California/7/2009 (H1N1) - like virus 15mcg HA; A/Perth/16/2009 H3N2 - like virus 15mcg HA; B/Brisbane/60/2008 - like virus 15mcg HA	Lọ	Hà Lan	201.000,00
1493	Vắc xin ngừa Sởi, Quai bị, Rubella	Measles, Mumps And Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	Mỗi lọ đơn liều chứa: Measles Virus NLT 1000 CCID50; Mumps Virus NLT 5000 CCID50; Rubella Virus NLT 1000 CCID50	Liều	Ấn Độ	137.550,00
1494	Vắc xin ngừa tiêu chảy do rotavirus	Rotarix	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	Lọ	Bỉ	700.719,00
1495	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Heberbiovac Hb (Vắc Xin Viêm Gan B Tái Tổ Hợp)	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Lọ	CuBa	47.250,00
1496	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Heberbiovac Hb	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Lọ	CuBa	66.800,00
1497	Vắc xin ngừa viêm phổi và viêm màng não mủ do Hib	Quimi-Hib	Mỗi 0,5ml dung dịch chứa Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) 10mcg cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván	Lọ	CuBa	180.000,00
1498	Vắc xin phòng bệnh Não Mô Cầu type B&C	Va-Mengoc-Bc	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml, nhóm C 50mcg/0,5ml	Lọ	Cu Ba	151.200,00
1499	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 103,3$ PFU	Hộp	Nhà sản xuất dạng bào chế vắc xin: Mỹ; Cơ sở sản xuất ống dung môi: Bỉ / Pháp; Cơ sở đóng gói: Bỉ; Cơ sở xuất xưởng: Bỉ	764.000,00

1500	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Vắc Xin Varicella Sống Giảm Độc Lực - Varicella Vaccine - Gcc Inj	Virus thủy đậu sống giảm độc lực ≥ 1.400 PFU	Lọ	Hàn Quốc	501.000,00
1501	Vắc xin phòng bệnh Viêm Não Nhật Bản	Imojev	Virus viêm Não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp; sống; giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU (vắc-xin virus Viêm não Nhật Bản; khâm Japanese Encephalitis Chimeric Virus (JE-CV) dựa trên vắc-xin Sốt Vàng; chủng 17D (YF-17D) được tái cấu trúc di truyền chứa gen cấu trúc E và tiền màng từ vắc-xin Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2)	Lọ	Thái Lan	554.400,00
1502	Vắc xin phòng ngừa não mô cầu 4 tuýp A, C, Y, W-135, cho người từ 9 tháng tới 55 tuổi	Menactra	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Protein giải độc tổ bạch hầu 48 mcg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Lọ	Mỹ	1.050.000,00
1503	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 40mg	Zentocor 40mg	40mg	Viên	Hy Lạp	9.500,00
1504	Bupivacain hydroclorid	Bupivacaine for spinal anaesthesia Aguettant 5mg/ml	0,5%; 4ml	Ống	France	36.400,00
1505	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Duosol without potassium solution for haemofiltration	Dung dịch dùng để lọc máu 5 lít gồm: 555 ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Glucose anhydrous (dưới dạng glucose mono-hydrat) 5,0g + 4445ml dung dịch bicarbonate chứa: Natri clorid 27,47g; Natri hydrocarbonat 15,96g	Túi	Germany	630.000,00
1506	Fenticonazol nitrat	Lomexin	200mg	Viên	Ý	21.000,00
1507	Levothyroxine sodium	Berlthyrox 100	100mcg	Viên	Đức	535,00
1508	Metformin	Siofor 850	850mg	Viên	Đức	615,00
1509	Micafungin natri (dạng hoạt tính)	Mycamine for injection 50mg/vial	50mg	Lọ	Nhật	2.388.750,00
1510	Mỗi gram thuốc mỡ chứa: Dexamethason 1mg; Neomycin sulfat 3500 IU; Polymyxin B sulfat 6000 IU	Maxitrol	1mg/gram + 3500IU/gram; 6000IU/gram	Tuýp	Bỉ	49.500,00

1511	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	Systane Ultra 5ml	0,4% + 0,3%	Lọ	Mỹ	60.099,00
1512	Repaglinid	Enyglid tablet	1mg	Viên	Slovenia	4.300,00
1513	Trimetazidin	Metazydyna	20mg	Viên	Ba Lan	1.890,00
1514	Acid amin + glucose + lipid (*)	MG Tan Inj	11,3% + 11% + 20%; 960ml	Túi	Korea	525.000,00
1515	Acid amin*	Nephgold	5,4%; 250ml	Túi	Korea	94.990,00
1516	Budesonid + formoterol	Foracort 200 Inhaler	200mcg + 6mcg; 120 liều	Ống	India	248.600,00
1517	Enoxaparin natri	Gemapaxane	4000IU/0,4ml	Bơm tiêm	Ý	70.000,00
1518	Enoxaparin natri	Gemapaxane	6000IU/0,6ml	Bơm tiêm	Ý	95.000,00
1519	Eperisone hydrochlorid	Zonaxson	50mg	Viên	Indonesia	678,00
1520	Levosulpirid	Lefodine Tab	25mg	Viên	Korea	2.000,00
1521	Levothyroxine sodium	Berlthyrox 100	100mcg	Viên	Đức	535,00
1522	Midazolam	Midazolam B.Braun 1mg/ml	50mg/ 50ml	Chai	Spain	59.850,00
1523	Acid ascorbic	Savi C 500	500mg	Viên	Việt Nam	1.200,00
1524	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	Dekasiam	100mg (dạng pellet 13,8%)/ 725mg	Gói	Việt Nam	2.450,00
1525	Aescin	Atmecin	40mg	Viên	Việt Nam	7.700,00
1526	Atorvastatin	Atorvastatin TP	10mg	Viên	Việt Nam	1.700,00
1527	Betahistin	Cehitas 8	8mg	Viên	Việt Nam	1.320,00
1528	Bismuth	Ulcersep	262,5mg	Viên	Việt Nam	3.968,00
1529	Cefoperazon + Sulbactam	Trikapezon Plus 1,5g	1000mg + 500mg	Lọ	Việt Nam	42.000,00
1530	Cefotaxim	Vitafxim 2g	2g	Lọ	Việt Nam	10.650,00
1531	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri)	Ceftizoxim 2g	2g	Lọ	Việt Nam	82.000,00
1532	Cilnidipin	Cilidamin 20	20mg	Viên	Việt Nam	11.000,00
1533	Clopromazin .HCL	Aminazin	25mg	Viên	Việt Nam	125,00
1534	Deferasirox	Jasirox Tab 360	360mg	Viên	Việt Nam	85.000,00
1535	Dung dịch lọc màng bụng	Kamsky 1,5%-Low calcium	Mỗi 100ml chứa: (Dextro monohydrat 1,5g + Natri clorid 538mg + Natri lactat 448mg + Calci clorid 2H2O 18,3mg + Maginesi clorid 6H2O 5,08mg); Túi 2 Lít	Túi	Việt Nam	66.500,00
1536	Etodolac	Betadolac	300mg	Viên	Việt Nam	7.500,00
1537	Isosorbid mononitrat	Donox 20mg	20mg	Viên	Việt Nam	1.447,00
1538	Maginesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Sinwell	200mg + 200mg + 38,46mg	Viên	Việt Nam	699,00
1539	Maginesi trisilicat khan+ nhôm hydroxyd	Gastro-kite	0,6g+0,5g	Gói	Việt Nam	2.500,00
1540	Mometason furoat + salicylic acid	Salitason	0,1% + 5%; 15g	Tuýp	Việt Nam	75.000,00
1541	Nimodipin	Vinmotop	30mg	Viên	Việt Nam	6.300,00
1542	Paracetamol (acetaminophen)	Cemofar 10%	2g	Lọ	Việt Nam	13.988,00
1543	Paracetamol	Parazacol DT.	500mg	Viên	Việt Nam	1.150,00
1544	Paracetamol + clorpheniramin maleat	Cảm cúm Pacemin	1200mg + 4mg	Lọ	Việt Nam	23.982,00
1545	Paracetamol + Clorpheniramin maleat	Parabest children	325mg + 2mg	Viên	Việt Nam	2.200,00
1546	Paracetamol + Clorpheniramin maleat	Parabest	500mg +2mg	Viên	Việt Nam	2.500,00
1547	Piperacillin + Tazobactam	Zobacta 2,25g	2g + 0,25g	Lọ	Việt Nam	69.400,00
1548	Povidon iod	TP Povidon iod 10%	2,5g/25ml	Lọ	Việt Nam	60.000,00
1549	Pregabalin	Topgalin 300	300mg	Viên	Việt Nam	9.400,00

1550	Ringer lactat	Ringerfundin (Ringer acetat đẳng trương)	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 3,4g; Kali clorid 0,15g; Calci clorid .2H ₂ O 0,185g; Magnesi clorid .6H ₂ O 0,1g; Natri acetat .3H ₂ O 1,635g; Acid L-malic 0,335g; 500ml	Chai	Việt Nam	19.000,00
1551	Rivaroxaban	Ritaxaban 2.5	2,5mg	Viên	Việt Nam	14.400,00
1552	Rupatadine	Myrudin	1mg/1ml; 5ml	Gói	Việt Nam	8.800,00
1553	Simvastatin + ezetimibe	Ridolip s 10/40	40mg + 10mg	Viên	Việt Nam	5.490,00
1554	Thiamin HCl	Vitamin B1	100mg/ml	Ống	Việt Nam	600,00
1555	Vitamin B1 + B6 + B12	3BTP	100mg + 200mg + 200mcg	Viên	Việt Nam	1.200,00
1556	Vitamin D3	Vitamin D-TP	800IU	Viên	Việt Nam	1.000,00
1557	Xylometazolin	Onlizin	4mg/ 8ml	Lọ	Việt Nam	15.000,00
1558	Ceftazidim	Vitazidim 0,5g	0,5g	Lọ	Việt Nam	9.900,00
1559	Hydroxymethylene Diphosphonate (HMDP)	Osteocis	3mg	Lọ	Pháp	1.349.985,00
1560	Nhũ dịch lipid	Lipocithin	10%; 100ml	Chai	Trung Quốc	88.000,00
1561	Vaccin viêm gan A bất hoạt và viêm gan B tái tổ hợp	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Twinrix	Hộp	CSSX và xuất xưởng: Bỉ, đóng gói: Đức	469.900,00
1562	Vắc xin ngừa bạch hầu, uốn ván, ho gà, bại liệt	Giải độc tố bạch hầu >= 30IU; Giải độc tố uốn ván >= 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm: giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Tetraxim	Liều	Pháp	378.672,00

1563	Vắc xin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, HiB	Mỗi liều 0,5ml chứa: * Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; * Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; * Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; * Virus bại liệt (bất hoạt): - Típ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D; - Típ 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D; - Típ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; * Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate) 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Hexaxim	Bơm Tiêm	Pháp	824.000,00
1564	Vắc xin ngừa dại	Virus dại (chủng Wistar Rabies PM/WI38-1503-3M) $\geq 2,5$ IU bất hoạt	Verorab Vắc Xin Dại (Bất Hoạt); Điều Chế Trên Canh Cây Tế Bào	Lọ	Pháp	226.000,00
1565	Vắc xin ngừa Sởi, Quai bị, Rubella	Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	M-M-R ®Ii (Cơ Sở Sản Xuất Dung Môi: Jubilant Hollisterstier Llc - Đ/C: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S.99207 - Usa)	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	164.620,00
1566	Vắc xin ngừa tiêu chảy do rotavirus	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	Rotateq	Tuýp	Mỹ	535.320,00
1567	Vắc xin ngừa Thủy đậu	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU	Varivax	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	714.440,00

1568	Vắc xin ngừa ung thư cổ tử cung	Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi rút HPV ở người tít 6, 11,16,18. Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	Gardasil	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	1.509.600,00
1569	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi A cho trẻ em	Virus viêm gan A bất hoạt (chủng GBM)	Avaxim 80U Pediatric	Liều	Pháp	369.600,00
1570	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tinh khiết HBsAg 10mcg	Engerix B (Vắc Xin Phòng Bệnh Viêm Gan B - Tái Tổ Hợp Dna, Hấp Phụ)	Lọ	Bỉ	70.774,00
1571	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tinh khiết HBsAg 20mcg	Engerix B (Vắc Xin Phòng Bệnh Viêm Gan B - Tái Tổ Hợp Dna, Hấp Phụ)	Lọ	Bỉ	115.810,00
1572	Vắc xin phế cầu 13 giá trị	polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg	Prevenar 13	Bơm tiêm	CSSX: Ai Len, CSDG: Anh	1.077.300,00
1573	Vắc xin phòng ngừa thương hàn	Polysaccharide của Salmonella typhi chủng Ty2 25mcg/0,5ml	Typhim Vi	Bơm Tiêm	Pháp	140.910,00
1574	Vắc-xin kết hợp bạch hầu - uốn ván - ho gà	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 μ g; Filamentous Haemagglutinin 8 μ g; Pertactin 2,5 μ g	Boostrix	Hộp	Pháp và chứng nhận xuất xưởng Bỉ	598.000,00
1575	Huyết thanh kháng đại	Kháng thể kháng vi rút đại 1000IU	Huyết Thanh Kháng Đại Tinh Chế (Sar)	Lọ	Việt Nam	337.050,00
1576	Huyết thanh kháng uốn ván	huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế, (1500 IU/ống)	Sat (Huyết Thanh Kháng Độc Tố Uốn Ván Tinh Chế)	Ống	Việt Nam	25.263,00

1577	Vắc xin kết hợp uốn ván, bạch hầu	Giải độc tổ uốn ván tinh chế: ít nhất 20đvqt; Giải độc tổ bạch hầu tinh chế: ít nhất 2 đvqt	Vắc Xin Uốn Ván Bạch Hầu Hấp Phụ (Td)	Ống	Việt Nam	23.342,00
1578	Vắc xin ngừa uốn ván	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	Vắc Xin Uốn Ván Hấp Phụ (Tt)	Ống	Việt Nam	13.440,00
1579	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20mcg/1ml	Vắc Xin Viêm Gan B Tái Tổ Hợp Gene-Hbvax	Lọ	Việt Nam	65.940,00
1580	vắc xin phòng bệnh cúm mùa dạng mảnh bất hoạt	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm các chủng: - Chủng A/H1N1 (NYMC X-179A), A/California/07/2009); - Chủng A/H3N2 (NYMC X-263B), A/HongKong/4801/2014); - Chủng B (NYMC BX-35, B/Brisbane/60/2008)	Ivacflu-S (Vắc Xin Cúm Mùa ĐaNg MãnH Bất Hoạt)	Lọ	Việt Nam	149.100,00
1581	Vắc xin phòng bệnh tiêu chảy do Rotavirus	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8] ≥ 2 triệu PFU/2ml	Rotavin-M1	Lọ	Việt Nam	350.000,00
1582	Vắc xin phòng bệnh Viêm Não Nhật Bản	Vì rút Viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết - chủng Nakayama	Vắc Xin Viêm Não Nhật Bản - Jevax	Lọ	Việt Nam	49.815,00
1583	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt	Protein bao gồm kháng nguyên vì rút viêm gan A tinh khiết <100mcg/0,5ml	Vắc Xin Viêm Gan A Tinh Khiết, Bất Hoạt - Havax	Lọ	Việt Nam	95.400,00
1584	Vắc-xin phòng bệnh viêm gan B	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 10mcg/0,5ml	Gene-Hbvax	Lọ	Việt Nam	45.045,00
1585	Huyết thanh kháng virus viêm gan B	Globulin miễn dịch viêm gan B	Hepabig Inj (Globulin Miễn Dịch Viêm Gan B)	Lọ	Hàn Quốc	652.470,00
1586	Vaccin ngừa đại tể bào vero	Kháng nguyên tinh chế từ virus Đại chủng Pitman Moore $\geq 2,5$ IU/0,5ml	Indirab	Lọ	Ấn Độ	155.500,00
1587	Vaccin ngừa đại tể bào vero	Kháng nguyên virus đại tinh chế chủng L-Pasteur PV-2061 $\geq 2,5$ IU	Speeda	Lọ	Trung Quốc	159.600,00
1588	Vaccin viêm não nhật bản	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2) - 3mcg/0,5ml	Jeev	Lọ	Ấn Độ	253.000,00
1589	Vaccin viêm não nhật bản	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2) - 6 mcg/0,5ml	Jeev	Lọ	Ấn Độ	352.000,00

1590	Vắc xin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, HiB	Biến độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Biến độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg và Pertactin (PRN) 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBV) 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40 DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8 DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32 DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)	Infanrix Hexa	Lọ	Bi	823.000,00
1591	Vắc xin ngừa các bệnh gây ra do phế cầu khuẩn	Một liều 0,5 ml có chứa: 1µg polysaccharide của các tuýp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 14I,2 và 23F1,2 và 3µg của các tuýp huyết thanh 41,2, 18C1,3 và 19F1,2	Synflorix	Liều	Nước xuất xưởng: Bỉ; Nước sản xuất và đóng gói: Pháp	829.900,00
1592	Vắc xin ngừa cúm Nam - Bắc bán cầu	A/California/7/2009 (H1N1) - like virus 15mcg HA; A/Perth/16/2009 H3N2 - like virus 15mcg HA; B/Brisbane/60/2008 - like virus 15mcg HA	Influvac (Vắc Xin Phòng Bệnh Cúm Mùa)	Lọ	Hà Lan	201.000,00
1593	Vắc xin ngừa Sởi, Quai bị, Rubella	Mỗi lọ đơn liều chứa: Measles Virus NLT 1000 CCID50; Mumps Virus NLT 5000 CCID50; Rubella Virus NLT 1000 CCID50	Measles, Mumps And Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	Liều	Ấn Độ	137.550,00
1594	Vắc xin ngừa tiêu chảy do rotavirus	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	Rotarix	Lọ	Bi	700.719,00
1595	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Heberbiovac Hb (Vắc Xin Viêm Gan B Tái Tổ Hợp)	Lọ	CuBa	47.250,00
1596	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Heberbiovac Hb	Lọ	CuBa	66.800,00
1597	Vắc xin ngừa viêm phổi và viêm màng não mủ do Hib	Mỗi 0,5ml dung dịch chứa Polysaccharide polyribosylribitolphosphat e (PRP) 10mcg cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván	Quimi-Hib	Lọ	CuBa	180.000,00

1598	Vắc xin phòng bệnh cúm	Kháng nguyên virus cúm Type A (H1N1) - 15mg/0,5ml; Kháng nguyên virus cúm Type A (H3N2) - 15mg/0,5ml; Kháng nguyên virus cúm Type B - 15mg/0,5ml	Gc Flu Pre-Filled Syringe Inj	Liều	Hàn Quốc	169.500,00
1599	Vắc xin phòng bệnh Não Mô Cầu type B&C	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml, nhóm C 50mcg/0,5ml	Va-Mengoc-Bc	Lọ	Cu Ba	151.200,00
1600	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq$ 103,3 PFU	Varilrix	Hộp	Nhà sản xuất dạng bào chế vắc xin: Mỹ; Cơ sở sản xuất ống dung môi: Bỉ / Pháp; Cơ sở đóng gói: Bỉ; Cơ sở xuất xưởng: Bỉ	764.000,00
1601	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Virus thủy đậu sống giảm độc lực $\geq$ 1.400 PFU	Vắc Xin Varicella Sống Giảm Độc Lực - Varicella Vaccine - Gcc Inj	Lọ	Hàn Quốc	501.000,00
1602	Vắc xin phòng bệnh Viêm Não Nhật Bản	Virus viêm Não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp; sống; giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU (vắc-xin virus Viêm não Nhật Bản; khảm Japanese Encephalitis Chimeric Virus (JE-CV) dựa trên vắc-xin Sốt Vàng; chủng 17D (YF-17D) được tái cấu trúc di truyền chứa gen cấu trúc E và tiền màng từ vắc-xin Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2)	Imojev	Lọ	Thái Lan	554.400,00

1603	Vắc xin phòng ngừa não mô cầu 4 tuýp A, C, Y, W-135, cho người từ 9 tháng tới 55 tuổi	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Protein giải độc tổ bạch hầu 48 mcg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Menactra	Lọ	Mỹ	1.050.000,00
1604	Alteplase	Actilyse	50mg	Lọ	Đức	10.323.588,00
1605	Pemirolast Kali	Alegysal	1mg/ml	Lọ	Nhật Bản	76.760,00
1606	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	Amlor	5mg	Viên	Pháp	8.125,00
1607	Paclitaxel	Anzatax 150mg/25ml	150mg/25ml	Lọ	Úc	5.355.000,00
1608	Paclitaxel	Anzatax 30mg/5ml	30mg/5ml	Lọ	Úc	1.197.000,00
1609	Insulin glulisine	Apidra Solostar	100 đơn vị/ml	Bút tiêm	Đức	200.000,00
1610	Irbesartan	Aprovel	300mg	Viên	Pháp	14.342,00
1611	Irbesartan	Aprovel	150mg	Viên	Pháp	9.561,00
1612	Anastrozol	Arimidex	1mg	Viên	CSSX: Mỹ, đóng gói: Anh	59.085,00
1613	Exemestane	Aromasin	25mg	Viên	Ý	82.440,00
1614	Cilnidipine	Atelec Tablets 10	10mg	Viên	Nhật	9.000,00
1615	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	Augmentin 1g	875 mg + 125mg	Viên	Anh	16.680,00
1616	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 250mg/31,25mg	250mg + 31,25mg	Gói	Pháp	10.670,00
1617	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 500mg/62,5mg	500mg+ 62,5mg	Gói	Pháp	16.014,00
1618	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 625mg tablets	500 mg + 125mg	Viên	Anh	11.936,00
1619	Mỗi 1ml hỗn dịch chứa Brinzolamide	Azopt	10mg/ml	Lọ	Mỹ	116.700,00
1620	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Fenoterol Hydrobromide	Berodual 10ml	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Bình	Đức	132.323,00
1621	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Viên	Thụy Điển	4.389,00

1622	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg)	Viên	Thụy Điển	5.490,00
1623	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion	100mg/ml	Lọ	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	1.814.340,00
1624	Caspofungin	Cancidas	70mg	Lọ	Pháp	8.288.700,00
1625	Caspofungin	Cancidas	50mg	Lọ	Pháp	6.531.000,00
1626	Bicalutamide	Casodex	50 mg	Viên	CSSX: Đức, đóng gói: Anh	114.128,00
1627	Ginkgo biloba	Cebrex S	80mg	Viên	Germany	7.200,00
1628	Irbesartan + Hydrochlorothiazide	CoAprovel	150mg + 12,5mg	Viên	Pháp	9.561,00
1629	Valsartan, Hydrochlorothiazide	Co-Diovan 80/12,5	80mg + 12,5mg	Viên	Ý	9.987,00
1630	Brimonidine tartrate + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	Combigan	2mg/ml + 5mg/ml	Lọ	Ireland	183.514,00
1631	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent	0,5mg + 2,5mg	Lọ	Pháp	16.074,00
1632	Bisoprolol fumarate	Concor Cor	2,5mg	Viên	CSSX: Đức, CSDG: Áo	3.147,00
1633	Bisoprolol fumarate	Concor 5mg	5mg	Viên	CSSX: Đức, CSDG: Áo	4.290,00
1634	Amiodarone hydrochloride	Cordarone	200mg	Viên	Pháp	6.750,00
1635	Perindopril Arginine	Coversyl 5mg	5mg	Viên	Pháp	5.650,00
1636	Levofloxacin hydrat	Cravit	25mg/5ml	Lọ	Nhật Bản	88.515,00
1637	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Crestor 10mg	10mg	Viên	CSSX: Mỹ, đóng gói: Anh	14.553,00
1638	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Crestor 20mg	20mg	Viên	CSSX: Mỹ, đóng gói: Anh	18.064,00
1639	Natri valproate + Acid valproic	Depakine Chrono	333mg + 145mg	Viên	Pháp	6.972,00
1640	Gliclazide	Diamicron MR	30mg	Viên	Pháp	2.765,00
1641	Gliclazide	Diamicron MR 60mg	60mg	Viên	Pháp	5.285,00
1642	Valsartan	Diovan 160	160mg	Viên	Tây Ban Nha	14.868,00
1643	Propofol	Diprivan	10mg/ml	Ống	CSSX: Ý, đóng gói: Anh	118.168,00
1644	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)+ acid acetylsalicylic	Duoplavin	75mg + 100mg	Viên	Pháp	20.828,00
1645	Epoetin alfa	Eprex 2000 U	2000 IU/0,5 ml	Ống	Thụy Sĩ	269.999,00
1646	Epoetin alfa	Eprex 4000 U	4000 IU/0,4 ml	Ống	Thụy Sĩ	539.999,00
1647	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate), Valsartan, Hydrochlorothiazide	Exforge HCT 10mg/160mg/12.5mg	10mg + 160mg + 12,5mg	Viên	Tây Ban Nha	18.107,00

1648	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate), Valsartan, Hydrochlorothiazide	Exforge HCT 5mg/160mg/12.5mg	5mg + 160mg + 12,5mg	Viên	Tây Ban Nha	18.107,00
1649	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubicina	50mg	Lọ	Ý	786.129,00
1650	Fulvestrant	Faslodex	50mg/ml	Bơm tiêm	CSSX: Đức, đóng gói: Anh	6.289.150,00
1651	Fluticasone propionate	Flixotide Evohaler	125mcg/ liều xịt	Bình xịt	Tây Ban Nha	106.462,00
1652	Vildagliptin; Metformin hydrochlorid	Galvus Met 50mg/1000mg	50mg+1000mg	Viên	Đức	9.274,00
1653	Bimatoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat 6.8mg)	Ganfort	0.3mg/ml + 5mg/ml	Lọ	Ireland	255.990,00
1654	Metformin hydrochloride	Glucophage	1000mg	Viên	Pháp	3.703,00
1655	Metformin hydrochlorid	Glucophage 500mg	500mg	Viên	Pháp	1.598,00
1656	Metformin hydrochlorid	Glucophage 850mg	850mg	Viên	Pháp	3.442,00
1657	Metformin hydrochlorid	Glucophage XR 1000mg	1000mg	Viên	Pháp	4.443,00
1658	Tamsulosine hydroclorid	Harnal Ocas 0,4mg	0,4mg	Viên	Hà Lan	14.700,00
1659	Gefitinib	Iressa	250mg	Viên	CSSX: Nhật Bản, đóng gói: Anh	642.010,00
1660	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin Phosphate monohydrate) , Metformin Hydrochloride	Janumet 50mg/500mg	50mg, 500mg	Viên	CSSX: Puerto Rico, đóng gói: Hà Lan	10.643,00
1661	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 100mg	Januvia 100mg	100mg	Viên	Anh	17.311,00
1662	Các muối calci dẫn xuất của acid amin và các acid amin	Ketosteril	600mg (67mg + 101mg + 68mg + 86mg + 59mg + 105mg + 53mg + 23mg + 38mg + 30mg)/viên. Tổng Nitor: 36mg. Calcium: 0.05g	Viên	Bồ Đào Nha	13.535,00
1663	Insulin glargine	Lantus Solostar	300IU/3ml	Bút tiêm	Đức	276.500,00
1664	Fenofibrate	Lipanthyl 200M	200mg	Viên	Pháp	7.053,00
1665	Fenofibrate (dưới dạng fenofibrate nanoparticules)	Lipanthyl NT 145mg	145mg	Viên	Ireland	11.088,00
1666	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	Lipitor	10mg	Viên	CSSX: Mỹ, Đóng gói: Đức	15.941,00
1667	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	Lipitor	20mg	Viên	CSSX: Mỹ, Đóng gói: Đức	15.941,00
1668	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	Lipitor	40 mg	Viên	CSSX: Mỹ, Đóng gói: Đức	22.778,00
1669	Enoxaparin Natri	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm	Pháp	89.650,00
1670	Enoxaparin Natri	Lovenox	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Bơm tiêm	Pháp	118.820,00
1671	Fluvoxamin maleat	Luvox 100mg	100mg	Viên	Pháp	6.570,00
1672	Fluvoxamin maleat	Luvox 100mg	100mg	Viên	Pháp	6.570,00
1673	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meronem	1000mg	Lọ	Ý, đóng gói Thụy Sĩ	683.164,00
1674	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meronem	500mg	Lọ	Ý, đóng gói Thụy Sĩ	394.717,00

1675	Telmisartan	Micardis 80mg	80mg	Viên	Đức	14.848,00
1676	Telmisartan	Micardis 40mg	40mg	Viên	Đức	9.832,00
1677	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat)	Minirin	0,089mg (0,1mg)	Viên	Thụy Sĩ	22.133,00
1678	Methoxy polyethylene glycol-epoetin beta	Mircera	50mcg	Bơm tiêm	CSSX: Thụy Sĩ; Đóng gói và xuất xưởng: Đức	1.695.750,00
1679	Meloxicam	Mobic 7,5mg	7,5mg	Viên	Hy Lạp	9.122,00
1680	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine, L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Histidine + L-Proline + L-Serine + L-Tyrosine + Glycine	Morihepamin Infusion 500ml	7,58%	Túi	Nhật	186.736,00
1681	Esomeprazole natri	Nexium	40mg Esomeprazole	Lọ	Thụy Điển	153.560,00
1682	Esomeprazol (dưới dạng trihydrat)	Nexium Mups	40mg	Viên	Thụy Điển	22.456,00
1683	Nimodipin	Nimotop	30mg	Viên	Đức	16.653,00
1684	Tamoxifen (dưới dạng Tamoxifen citrat)	Nolvadex	10mg	Viên	Anh	2.940,00
1685	Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat)	Nolvadex-D	20mg	Viên	Anh	5.683,00
1686	Piracetam	Nootropil	800mg	Viên	Bỉ	3.518,00
1687	Drotaverine hydrochloride	No-Spa 40mg/2ml	40mg/2ml	Ống	Hungary	5.306,00
1688	Drotaverin hydroclorid	No-Spa forte	80mg	Viên	Hungary	1.158,00
1689	Ofloxacin	Oflovid	15mg/5ml	Lọ	Nhật Bản	55.872,00
1690	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole sodium sesquihydrate)	Pantoloc 40mg	40mg	Viên	Đức	18.499,00
1691	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole natri sesquihydrate)	Pantoloc I.V	40mg	Lọ	Đức	146.000,00
1692	Olopatadine hydrochloride	Pataday	0,2%	Chai	Mỹ	131.099,00
1693	Aluminium phosphate 20% gel	Phosphalugel	12,38g/gói 20g	Gói	Pháp	3.751,00
1694	Clopidogrel base (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphate 97.875mg)	Plavix 75mg	75mg	Viên	Pháp	17.704,00
1695	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg	110mg	Viên	Đức	30.388,00
1696	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 150mg	150mg	Viên	Đức	30.388,00
1697	Rabeprazole natri	Rabeloc I.V.	20mg	Lọ	Ấn Độ	133.300,00
1698	Ceftriaxon	Rocephin 1g I.V.	1g	Lọ	Thụy Sĩ	151.801,00
1699	Octreotide	Sandostatin	0,1mg/1ml	Ống	Thụy Sĩ	241.525,00

1700	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	Seretide Accuhaler 50/250mcg	50mcg/ 250mcg	Hộp (1 bình hít)	Mỹ	259.147,00
1701	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	25mcg + 125mcg	Bình xịt	Tây Ban Nha	225.996,00
1702	Pramipexol dihydrochlorid monohydrat (tương đương Pramipexol 0,26mg)	Sifrol 0,375mg	0,375mg	Viên	Đức	16.544,00
1703	Pramipexole dihydrochloride monohydrate 0,25mg tương đương với Pramipexole 0,18mg	Sifrol 0,25mg	0,25mg	Viên	Đức	9.737,00
1704	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol	500mg	Lọ	Bỉ	207.579,00
1705	Methylprednisolone Hemisuccinat; 125mg Methylprednisolon	Solu-Medrol	125mg Methylprednisolon	Lọ	Mỹ	75.710,00
1706	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol	40mg	Lọ	Bỉ	36.410,00
1707	Otilonium bromide	Spasmomen (Đóng gói và xuất xưởng: Berlin-Chemie AG, địa chỉ: Glienicker Weg 125 12489 Berlin, Germany)	40mg	Viên	Đức	3.535,00
1708	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	Ống	Thụy Điển	286.440,00
1709	Ginkgo biloba extract	Tanakan	40mg	Viên	Pháp	4.232,00
1710	Teicoplanin	Targosid	400mg	Lọ	Ý	430.000,00
1711	Carbamazepine	Tegretol CR 200	200mg	Viên	Ý	2.604,00
1712	Mỗi 1 ml chứa: Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex	3mg/1ml + 1mg/1ml	Lọ	Bỉ	47.300,00
1713	Atracurium besylate	Tracrium	25mg/ 2.5ml	Ống	Ý	46.146,00
1714	Atosiban (dưới dạng atosiban acetat)	Tractocile	7,5mg/ml	Lọ	Đức	2.164.858,00
1715	Linagliptin + Metformin hydrochloride	Trajenta Duo 2,5 mg + 500mg	2,5 mg + 500mg	Viên	Đức	9.686,00
1716	Linagliptin + Metformin HCl	Trajenta Duo 2,5 mg + 850 mg	2,5 mg + 850 mg	Viên	Đức	9.686,00
1717	Linagliptin + Metformin hydrochloride	Trajenta Duo 2,5 mg + 1000 mg	2,5 mg + 1000 mg	Viên	Đức	9.686,00
1718	Iopromide	Ultravist 370	768.86 mg/ml, 100ml	Chai	Đức	630.000,00
1719	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) + Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri)	Unasyn	0.5g ; 1g	Lọ	Ý	65.999,00
1720	Trimetazidine dihydrochloride	Vastarel MR	35mg	Viên	Pháp	2.705,00
1721	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inhaler	100mcg/liều xịt	Bình xịt	Tây Ban Nha	76.379,00

1722	Solifenacin succinate	Vesicare 5mg	5mg	Viên	Hà Lan	25.725,00
1723	Liraglutide	Victoza	18mg/3ml	Bút tiêm	Đan Mạch	927.753,00
1724	Diclofenac natri	Voltaren	100mg	Viên	Pháp	15.602,00
1725	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml	75mg/3ml	Ống	Slovenia	18.006,00
1726	Natri diclofenac	Voltaren	75mg	Viên	Ý	6.185,00
1727	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g/500ml và Natri chloride 4,5g/500ml	Voluven 6%	6%, 500ml	Túi	Đức	110.000,00
1728	Rivaroxaban	Xarelto	10mg	Viên	Đức	58.000,00
1729	Rivaroxaban	Xarelto	15 mg	Viên	Đức	58.000,00
1730	Rivaroxaban	Xarelto	20 mg	Viên	Đức	58.000,00
1731	Alfuzosin HCL	Xatral XL 10mg	10mg	Viên	Pháp	15.291,00
1732	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300	30g/100ml	Lọ	Pháp	275.000,00
1733	Sertraline (dưới dạng Sertraline HCL)	Zoloft	50mg	Viên	Đức	14.087,00
1734	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrate)	Zometa (CSĐG thứ cấp và xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG, đ/c: Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Thụy Sĩ)	4mg	Chai	Áo	6.465.882,00
1735	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 250	250mg	Viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	1.400,00
1736	Imipenem + cilastatin	Raxadin	500mg+500mg	Lọ	Demo S.A. Pharmaceuti cal Industry/ Greece	68.000,00
1737	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Meropenem Kabi 1g	1g	Lọ	ACS Dobfar S.P.A/Ý	125.545,00
1738	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat 570mg)	Meropenem Kabi 500mg	500mg	Lọ	ACS Dobfar S.P.A/Ý	59.997,00
1739	Morphin	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	10mg/1ml	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	4.746,00
1740	Fentanyl	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML	50.0mcg/ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH/ Germany	12.999,00
1741	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam	5mg/ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH/ Germany	18.900,00
1742	Levofloxacin*	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml	500mg	Chai	Cooper S.A. Pharmaceuti cal/ Hy Lạp	76.440,00

1743	Ceftazidim	Zidimbiotic 1000	1g	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd/ Việt Nam	9.450,00
1744	Phenobarbital natri	Barbit injection 1ml	200mg/ml	Ống	Incepta pharmaceuticals Ltd./ Bangladesh	14.070,00
1745	Heparin (natri)	Heparin	25.000 UI/ 5ml	Lọ	Panpharma (tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	199.500,00
1746	Kali clorid	Kali Clorid Kabi 10%	1g/ 10ml	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	1.229,00
1747	Enoxaparin Natri	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	89.650,00
1748	Dexamethason	Siuguandexaron injection	4mg/ 2ml	Ống	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd./ Taiwan	4.800,00
1749	Dobutamine (dưới dạng dobutamine HCL)	Butavell	50mg/ml	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories /Indonesia	37.395,00
1750	Atracurium Besylate	Notrixum	25mg/2,5ml	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	25.523,00
1751	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Prismasol B0	Khoang A: Mỗi 1000 ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g; Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium chlorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa: Calcium 1,75mmol/l; Magnesium 0,5mmol/l; Sodium 140mmol/l; Chlorid 109,5 mmol/l; Lactat 3mmol/l; Hydrogen carbonat 32mmol/l	Túi	Bieffe Medital S.p.A/ Ý	700.000,00
1752	Enoxaparin Natri	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp	89.650,00

1753	Enoxaparin Natri	Lovenox	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp	118.820,00
1754	Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin	0,1%/ 1mg/1ml	Ống	Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc-Việt Nam	1.386,00
1755	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Duosol without Potassium solution for haemofiltration	Dung dịch dùng để lọc máu 5 lít 555ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1 g Magnesi clorid hexahydrat 0,51g Glucose anhydrous (dưới dạng glucose monohydrate) 5,0g. 4445ml dung dịch bicarbonate chứa: Natri clorid 27,47g; Natri hydrocarbonat 15.96g	Túi	B. Braun Avitum AG - Germany	630.000,00
1756	Atracurium Besylate	Notrixum	25mg/2,5ml	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories /Indonesia	25.523,00
1757	Enoxaparin natri	Gemapaxane	4000IU/0,4ml	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A. /Ý	70.000,00
1758	Enoxaparin natri	Gemapaxane	6000IU/0,6ml	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A. /Ý	95.000,00
1759	Enoxaparin Natri	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp /Pháp	89.650,00
1760	Enoxaparin Natri	Lovenox	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp /Pháp	118.820,00
1761	Heparin (natri)	Heparin	25.000 UI/ 5ml	Lọ	Panpharma (tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk) /Germany	199.500,00
1762	Human Albumin	Albutein 20%	20% x 50ml	Chai	Grifols Biologicals Inc. /Mỹ	585.000,00
1763	Magnesi sulfat	Magnesi Sulfat Kabi 15%	15%; 10ml	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	2.600,00
1764	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%; 500ml	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	6.563,00

1765	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%; 250ml	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	7.980,00
1766	Nước cất pha tiêm	Nước Cất Pha Tiêm	500ml	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	8.925,00
1767	Natri bicarbonat	BFS-Nabica 8,4%	840 mg/ 10 ml	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội /Việt Nam	19.740,00
1768	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Noradrenaline Base Aguetant 1mg/ml	4mg/4ml	Ống	Laboratoire Aguetant /Pháp	36.050,00
1769	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct	1%, 20ml	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH /Áo	25.450,00
1770	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% MCT/LCT	1%, 50ml	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH /Áo	110.000,00
1771	Furosemid	Vinzix	20mg/2ml	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc /Việt Nam	712,00
1772	Midazolam	Paciflam	5mg/5ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH /Germany	36.500,00
1773	Bạch chỉ	Radix Angelicae dahuricae		gam	N	94,90
1774	Bạch linh(gọt vỏ thái phiến)	Poria		gam	B	184,03
1775	Bạch thực	Radix Paeoniae lactiflorae		gam	B	159,19
1776	Bạch truật sao	Rhizoma Atractylodis macrocephalae		gam	B	143,58
1777	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae		gam	B	204,09
1778	Cam thảo sao vàng	Radix Glycyrrhizae		gam	B	202,05
1779	Cần khương	Rhizoma Zingiberis		gam	N	125,52
1780	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii		gam	N	69,39
1781	Cát cánh	Radix Platycodi grandiflori		gam	B	240,82
1782	Câu kỷ tử	Fructus Lycii		gam	B	204,09
1783	Cúc hoa	Flos Chrysanthemi indicis		gam	N	924,33
1784	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae		gam	B	76,08
1785	Đảng sâm	Radix Codonopsis		gam	B	341,84
1786	Diệp hạ châu	Herba Phyllanthi urinariae		gam	N	58,77
1787	Đương quy (Toàn quy)	Radix Angelicae sinensis		gam	B	290,82

1788	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopieae multiflorae		gam	N	209,19
1789	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis		gam	N	104,09
1790	Hoài sơn sao vàng	Tuber Dioscoreae persimilis		gam	N	103,10
1791	Hy thiêm	Herba Siegesbeckiae		gam	N	54,13
1792	Ích mẫu	Herba Leonuri japonici		gam	N	43,30
1793	Kê đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Fructus Xanthii strumarii		gam	N	75,00
1794	Kê huyết đằng	Caulis Spatholobi		gam	N	42,27
1795	Kê nội kim sao vàng	Endothelium Corneum Gigeriae Galli		gam	N	89,85
1796	Khương hoàng/Uất kim	Rhizoma et Radix Curcumae longae		gam	N	73,47
1797	Kim tiền thảo	Herba Desmodii styracifolii		gam	N	54,13
1798	Lá lốt	Herba Piperis lolot		gam	N	67,02
1799	Liên nhục	Semen Nelumbinis		gam	N	407,04
1800	Liên nhục sao vàng	Semen Nelumbinis		gam	N	95,52
1801	Long nhãn	Arillus Longan		gam	N	221,65
1802	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici		gam	N	267,86
1803	Mạn kinh tử	Fructus Vitis		gam	N	139,29
1804	Mộc qua	Fructus Chaenomelis speciosae		gam	B	142,86
1805	Ngải cứu (Ngải diệp)	Herba Artemisiae vulgaris		gam	N	51,55
1806	Nguru tất	Radix Achyranthis bidentatae		gam	B	159,19
1807	Quế chi	Ramulus Cinnamomi		gam	N	36,09
1808	Quế nhục	Cortex Cinnamomi		gam	N	114,29
1809	Sinh địa	Radix Rehmanniae glutinosae		gam	N	132,66
1810	Sơn thù chung	Fructus Corni officinalis		gam	B	267,86
1811	Tang ký sinh	Herba Loranthi gracilifolii		gam	N	46,40
1812	Tế tân	Radix et Rhizoma Asari		gam	B	464,29
1813	Thiên ma	Rhizoma Gastrodiae elatae		gam	B	1.102,05
1814	Thiên niên kiện	Rhizoma Homalomenae occultae		gam	N	89,80
1815	Thỏ phục linh	Rhizoma Smilacis glabrae		gam	N	94,39
1816	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata		gam	N	130,62
1817	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne		gam	N	67,50
1818	Tục đoạn	Radix Dipsaci		gam	N	212,25
1819	Viễn chí sao vàng	Radix Polygalae		gam	B	964,29
1820	Xuyên khung	Rhizoma Ligustici wallichii		gam	B	152,68
1821	Ý dĩ sao vàng	Semen Coicis		gam	N	94,29
1822	Actiso.	Cao khô Actiso (tương đương 2g Actiso) 80mg	Cyganic	Viên	Việt Nam	615,00
1823	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 200mg tương đương Actiso (lá) 1975mg; Bột mịn được liệu Actiso (lá) 25mg	1975mg + 25mg	Actiso	Viên	Việt Nam	800,00

1824	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Mỗi gói 3g chứa: cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với các dược liệu sau: Đẳng sâm 2g; Bạch truật 2g; Viễn chí 1,5g; Hoàng kỳ 1,5g; Toan táo nhân 2g; Cam thảo 0,5g; Long nhân 2g; Đương quy 2,5g; Đại táo 0,5g; Bột bạch linh 1,5g; Bột mộc hương 0,5g	An thần B/P	gam	Việt Nam	2.133,00
1825	Hoàng bá, Hoàng đằng, Bạch truật, Chi thực, Hậu phác, Mộc hương, Đại hoàng, Trạch tả.	Hoàng bá 0,6g; Hoàng đằng 0,6g; Bạch truật 0,48g; Chi thực 0,48g; Hậu phác 0,4g; Mộc hương 0,4g; Đại hoàng 0,32g; Trạch tả 0,32g	Đại tràng hoàn K/H	Gói	Việt Nam	3.790,00
1826	Hy thiêm, Ngưu tất, Quế chi, Câu tích, Sinh địa, Ngũ gia bì.	Mỗi 1 viên (10g) chứa: Hy thiêm 1,58g; Ngưu tất 1,35g; Quế chi 0,32g; Câu tích 1,13g; Sinh địa 0,33g; Ngũ gia bì 0,88g	Hoàn phong thấp	Viên	Việt Nam	3.600,00
1827	Kim ngân hoa, Bò công anh, Kế đầu ngựa, Hạ khô thảo, Thổ phục linh.	Mỗi lọ 100 ml chứa các chất chiết xuất từ: Kim ngân hoa 19,7g; Bò công anh 19,7g; Kế đầu ngựa 12,3g; Hạ khô thảo 19,7g; Thổ phục linh 12,3 g	Tiêu độc K/H	ml	Việt Nam	395,00
1828	Mỗi viên chứa: Cao khô dược liệu 220mg tương đương Kim tiền thảo 3400mg; Bột mịn kim tiền thảo 100mg	4\1	Kim tiền thảo - F	Viên	Việt Nam	399,00
1829	Lá thường xuân.	30mg	Haspan	Viên	Việt Nam	3.800,00
1830	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm.	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với: Hòe giác 1000mg; Phòng phong 500mg; Đương quy 500mg; Chi xác 500mg; Hoàng cầm 500mg; Địa du 500mg) 350mg	Thuốc trĩ Tomoko	Viên	Việt Nam	4.900,00
1831	Râu mèo, Actiso, (Sorbitol).	24ml (24g); 57,6ml (57,6g)/ 120ml	Betasiphon	ml	Việt Nam	306,00
1832	Tân giao, Thạch cao, Khương hoạt, Bạch chi, Xuyên khung, Tế tân, Độc hoạt, Phòng phong, Đương quy, Thục địa, Bạch thược/Bạch truật, Cam thảo, Phục linh, Hoàng cầm, Sinh địa.	39,6mg+ 39,6mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 9,9mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 19,8mg+ 19,8mg	Đại tân giao VCP	Viên	Việt Nam	1.350,00
1833	Thỏ miết trùng, Hồng hoa, Tự nhiên đồng, Long não, Hạt dưa chuột, Tục đoạn, Tam thất, Đương quy, Lạc tân phụ.	25mg; 50mg; 12,5mg; 5mg; 50mg; 25mg; 75mg; 37,5mg; 20mg	Dũ Thương Linh	Viên	Việt Nam	3.150,00

1834	Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương).	Mỗi 81,8 mg cao khô hỗn hợp được liệu và 430 mg bột hỗn hợp được liệu tương đương với: Thương truật 530mg; Trần bì 270mg; Cam thảo 130mg; Hậu phác 400mg	Stomaps	Viên	Việt Nam	2.490,00
1835	Alverin citrat	Donspavezin 60	60mg	Viên	Donaipharm /Việt Nam	335,00
1836	Amlodipin	Kavasdin 5	5mg	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa/ Việt Nam	93,00
1837	Amoxicilin + Acid clavulanic	Midagentin 250/31,25	250mg + 31,25mg	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân /Việt Nam	1.150,00
1838	Amoxicilin + Acid clavulanic	Midatan 500/125	500mg + 125mg	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân /Việt Nam	1.600,00
1839	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 250	250mg	viên	Công ty CP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang /Việt Nam	1.400,00
1840	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế/Bán hạ, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Menthol, (Bach phân), (Bàng sa), (Ngũ vị tử).	Thuốc ho bổ phế chi khái lộ	(0,576g + 1,092g + 2,88g + 2,0g + 0,42g + 0,772g + 1,864g + 1,336g + 2,986g + 1,3g + 0,378g)/ 80ml; 100ml	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam/ Việt Nam	16.500,00
1841	Bromhexin hydroclorid	Paxirasol	8mg	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company /Hungary	529,00
1842	Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, (Eucalyptol).	Mecaflu forte	50mg + 0,5mg + 0,36mg + 0,5mg + 100mg	Viên	Công ty cổ phần Nature Việt Nam/ Việt Nam	389,00
1843	Domperidon	A.T Domperidon	1mg/ml; 5ml	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên/Việt Nam	882,00

1844	Enalapril	Enalapril	5mg	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa/ Việt Nam	75,00
1845	Esomeprazol	Esomeprazol 20mg	20mg	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa/ Việt Nam	270,00
1846	Glucose khan + Kali clorid + Natri clorid + Natri citrat dihydrat	Oresol 20,5	13,5 + 1,5 + 2,6 + 2,9	Gói	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3/ Việt Nam	1.350,00
1847	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	Hoastex	Húng chanh 45g; Núc nác 11,25g; Cineol 83,7mg.	Chai	CN Công ty CP Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC/Việt Nam	36.750,00
1848	Lactobacillus acidophilus	LACBIOSYN®	10*8 CFU	Gói	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)/ Việt Nam	735,00
1849	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Lahm	(800mg + 611,76mg + 80mg)/ 15g	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú /Việt Nam	3.250,00
1850	Meloxicam	Meloxicam	7,5mg	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa/ Việt Nam	200,00
1851	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	0,9%; 1000ml	Chai	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)/ Việt Nam	8.946,00
1852	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	0,9%; 500ml	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên/Việt Nam	6.153,00

1853	Natri clorid + kali clorid + Trinatri citrat khan (dưới dạng Trinatri citrat. 2H ₂ O) + glucose khan	Oresol new	520mg + 300mg + 509mg + 2700mg	Gói	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)/ Việt Nam	1.050,00
1854	Paracetamol	Ceteco datadol 120	120mg	Gói	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3/ Việt Nam	900,00
1855	Paracetamol	Colocol suppo 150	150mg	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sao Kim/ Việt Nam	1.650,00
1856	Paracetamol (acetaminophen)	Para-OPC 150mg	150mg	Gói	CN Công ty CP Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC/Việt Nam	840,00
1857	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Tab	500mg	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1/Việt Nam	480,00
1858	Paracetamol (acetaminophen)	Parazacol 250	250mg	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1- Pharbaco/Việt Nam	1.616,00
1859	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Hydrocolacyl	5mg	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa/ Việt Nam	91,00
1860	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Sunapred	20mg	Viên	Donaipharm /Việt Nam	1.000,00
1861	Rivaroxaban	Xelostad 10	10mg	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1/Việt Nam	35.000,00

1862	Vitamin C	Kingdomin vita C	1000mg	Viên	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)/ Việt Nam	714,00
1863	Vitamin C	A.T Ascorbic syrup	100mg/ 5ml; 10ml	Ống	Công ty dược phẩm An Thiên/Việt Nam	2.800,00
1864	Atracurium Besylate	Notrixum	25mg/2,5ml	Ống	PT. Novell Pharmaceu- cal Laboratories /Indonesia	25.523,00
1865	Enoxaparin natri	Gemapaxane	4000IU/0,4ml	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A. /Ý	70.000,00
1866	Enoxaparin natri	Gemapaxane	6000IU/0,6ml	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A. /Ý	95.000,00
1867	Enoxaparin Natri	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp /Pháp	89.650,00
1868	Enoxaparin Natri	Lovenox	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp /Pháp	118.820,00
1869	Heparin (natri)	Heparin	25.000 UI/ 5ml	Lọ	Panpharma (tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk) /Germany	199.500,00
1870	Human Albumin	Albutein 20%	20% x 50ml	Chai	Grifols Biologicals Inc. /Mỹ	585.000,00
1871	Magnesi sulfat	Magnesi Sulfat Kabi 15%	15%; 10ml	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	2.600,00
1872	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%; 500ml	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	6.563,00
1873	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%; 250ml	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	7.980,00
1874	Nước cất pha tiêm	Nước Cất Pha Tiêm	500ml	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam /Việt Nam	8.925,00

1875	Natri bicarbonat	BFS-Nabica 8,4%	840 mg/ 10 ml	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội /Việt Nam	19.740,00
1876	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalartrarat)	Noradrenaline Base Aguettant 1mg/ml	4mg/4ml	Ống	Laboratoire Aguettant /Pháp	36.050,00
1877	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct	1%, 20ml	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH /Áo	25.450,00
1878	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% MCT/LCT	1%, 50ml	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH /Áo	110.000,00
1879	Furosemid	Vinzix	20mg/2ml	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc /Việt Nam	712,00
1880	Midazolam	Paciflam	5mg/5ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH /Germany	36.500,00

Long Khánh, Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thiện

Nguyễn Thị Mét

Phan Văn Huyền